



**EVNGENCO3**



# LINH HOẠT PHÁT TRIỂN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

**ATVSLĐ:** An toàn vệ sinh lao động

**BKS:** Ban Kiểm soát

**BĐH:** Ban Điều hành

**BVMT:** Bảo vệ môi trường

**CTCP:** Công ty Cổ phần

**CNĐKDN:** Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

**CP:** Cổ phần

**CPH:** Cổ phần hóa

**CTCP ĐT:** Công ty Cổ phần Đầu tư

**CTCP ĐT&PT:** Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển

**CPĐT PTĐ:** Cổ phần Đầu tư Phát triển điện

**CTNĐ:** Công ty Nhiệt điện

**CTTĐ:** Công ty Thủy điện

**CBCNV:** Cán bộ Công nhân viên

**CNVCLĐ:** Công nhân viên chức lao động

**CLTG:** Chênh lệch tỷ giá

**DVSC:** Dịch vụ sửa chữa

**DTT:** Doanh thu thuần

**ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông

**ĐMT:** Điện mặt trời

**ĐT-XĐ:** Đầu tư - Xây dựng

**HĐQT:** Hội đồng Quản trị

**HĐTV:** Hội đồng Thành viên

**HĐKD:** Hoạt động kinh doanh

**HSRR:** Hồ sơ rủi ro

**HTPT:** Hạch toán phụ thuộc

**KD - TTĐ:** Kinh doanh - Thị trường điện

**KTKT:** Kinh tế kỹ thuật

**KSNB:** Kiểm soát nội bộ

**LN:** Lợi nhuận

**LNTT:** Lợi nhuận trước thuế

**LNST:** Lợi nhuận sau thuế

**NMNĐ:** Nhà máy Nhiệt điện

**NMTĐ:** Nhà máy Thủy điện

**NMĐ:** Nhà máy điện

**NLĐ:** Người lao động

**NSLĐ:** Năng suất lao động

**NĐĐ:** Người đại diện

**NĐT:** Nhà đầu tư

**PTNNL:** Phát triển nguồn nhân lực

**QTKD:** Quản trị kinh doanh

**QTRR:** Quản trị rủi ro

**QLDA:** Quản lý Dự án

**QLVH:** Quản lý vận hành

**QCQLNB:** Quy chế quản lý nội bộ

**QHĐ:** Quy hoạch điện

**SXKD:** Sản xuất kinh doanh

**SXD:** Sản xuất điện

**SCL:** Sửa chữa lớn

**SLĐ:** Sản lượng điện

**TCT:** Tổng Công ty, EVNGENCO3, GENCO3

**TNHH MTV:** Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

**TTĐL:** Trung tâm Điện lực

**TGD:** Tổng Giám đốc

**TN-MT:** Tài nguyên - Môi trường

**VCSH:** Vốn chủ sở hữu

## MỤC LỤC

|                                                            |    |
|------------------------------------------------------------|----|
| Câu chuyện chủ đề BCTN năm 2022                            | 5  |
| Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi                       | 6  |
| Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc | 8  |
| Các chỉ số nổi bật năm 2022                                | 12 |
| Thành tích tiêu biểu của EVNGENCO3                         | 13 |
| Sự kiện tiêu biểu                                          | 14 |

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

|                                                             |    |
|-------------------------------------------------------------|----|
| Tổng quan tình hình kinh tế và ngành điện trong năm 2022    | 44 |
| Triển vọng phát triển ngành điện                            | 48 |
| Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu trung và dài hạn của EVNGENCO3 | 49 |
| Định hướng chiến lược trung và dài hạn của EVNGENCO3        | 50 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022                       | 60 |
| Tình hình tài chính                                         | 64 |
| Tổ chức và nhân sự                                          | 66 |
| Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án                     | 68 |
| Đầu tư phát triển công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động    | 70 |
| Báo cáo và đánh giá của Ban TGD                             | 72 |
| Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị                   | 74 |
| Báo cáo của Ban Kiểm soát                                   | 76 |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu          | 78 |
| Hoạt động quan hệ cổ đông nổi bật năm 2022                  | 81 |

### BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

|                                                |     |
|------------------------------------------------|-----|
| Các mục tiêu phát triển bền vững               | 100 |
| Mô hình Quản trị hướng đến phát triển bền vững | 101 |
| Nguyên tắc Quản trị phát triển bền vững        | 102 |
| Gắn kết với 17 mục tiêu PTBV của LHQ           | 104 |
| Gắn kết với các bên liên quan                  | 110 |
| Các vấn đề trọng yếu                           | 114 |
| Hiệu quả về kinh tế                            | 117 |
| Bảo vệ môi trường                              | 120 |
| Các vấn đề về xã hội                           | 124 |

### TỔNG QUAN VỀ EVNGENCO3

|    |                                                |
|----|------------------------------------------------|
| 18 | Thông tin khái quát về EVNGENCO3               |
| 19 | Lĩnh vực hoạt động và địa bàn kinh doanh       |
| 20 | Lịch sử hình thành và phát triển               |
| 22 | Hệ thống nhà máy và các đơn vị thành viên      |
| 34 | Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức             |
| 36 | Giới thiệu Hội đồng Quản trị                   |
| 38 | Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng |
| 40 | Giới thiệu Ban Kiểm soát                       |

### QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

|    |                                                                                                |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 84 | Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản trị                                                      |
| 86 | Cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát                                                          |
| 87 | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS                           |
| 88 | Quản trị rủi ro                                                                                |
| 92 | Đánh giá tình hình thực hiện quản trị công ty dựa trên Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN |

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

|     |                                               |
|-----|-----------------------------------------------|
| 131 | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                 |
| 132 | Báo cáo kiểm toán độc lập                     |
| 134 | Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 |
| 136 | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất |
| 137 | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           |
| 139 | Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất        |



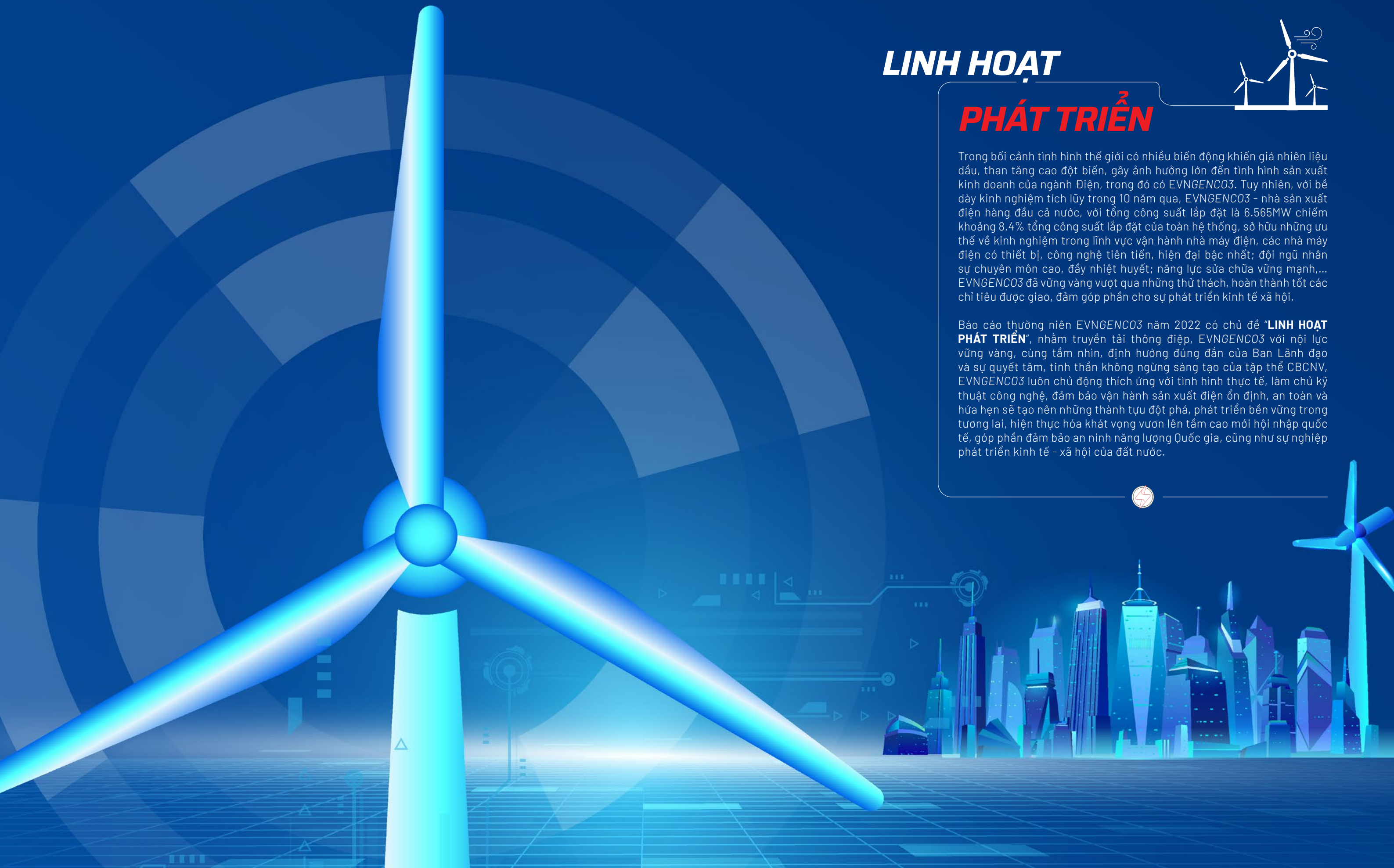
## LINH HOẠT

## PHÁT TRIỂN



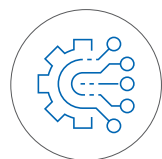
Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động khiến giá nhiên liệu dầu, than tăng cao đột biến, gây ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của ngành Điện, trong đó có EVNGENCO3. Tuy nhiên, với bề dày kinh nghiệm tích lũy trong 10 năm qua, EVNGENCO3 - nhà sản xuất điện hàng đầu cả nước, với tổng công suất lắp đặt là 6.565MW chiếm khoảng 8,4% tổng công suất lắp đặt của toàn hệ thống, sở hữu những ưu thế về kinh nghiệm trong lĩnh vực vận hành nhà máy điện, các nhà máy điện có thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại bậc nhất; đội ngũ nhân sự chuyên môn cao, đầy nhiệt huyết; năng lực sửa chữa vững mạnh,... EVNGENCO3 đã vững vàng vượt qua những thử thách, hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao, đảm góp phần cho sự phát triển kinh tế xã hội.

Báo cáo thường niên EVNGENCO3 năm 2022 có chủ đề **"LINH HOẠT PHÁT TRIỂN"**, nhằm truyền tải thông điệp, EVNGENCO3 với nội lực vững vàng, cùng tầm nhìn, định hướng đúng đắn của Ban Lãnh đạo và sự quyết tâm, tinh thần không ngừng sáng tạo của tập thể CBCNV, EVNGENCO3 luôn chủ động thích ứng với tình hình thực tế, làm chủ kỹ thuật công nghệ, đảm bảo vận hành sản xuất điện ổn định, an toàn và hứa hẹn sẽ tạo nên những thành tựu đột phá, phát triển bền vững trong tương lai, hiện thực hóa khát vọng vươn lên tầm cao mới hội nhập quốc tế, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia, cũng như sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.





## TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



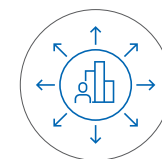
### TẦM NHÌN

Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP là một trong những Đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng, đầu tư phát triển nguồn điện tại Việt Nam và khu vực.



### SỨ MỆNH

Đảm bảo sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế; đầu tư nguồn điện hiệu quả – góp phần giữ vững an ninh năng lượng của Hệ thống điện Quốc gia.



### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Hướng đến mục tiêu vì sự phát triển bền vững, EVNGENCO3 luôn lấy hệ thống giá trị cốt lõi làm kim chỉ nam, là chuẩn mực cho mọi hoạt động của Tổng Công ty.



### CHẤT LƯỢNG – TÍN NHIỆM

Nền tảng cho mọi hoạt động của tất cả các thành viên trong EVNGENCO3. EVNGENCO3 tin tưởng rằng bằng những cam kết nêu trên sẽ mang lại sự hài lòng và sự tín nhiệm của khách hàng và đối tác.



### TẬN TÂM – TRÍ TUỆ

Đây là giá trị phong cách làm việc của EVNGENCO3 trong mọi hành động với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của cổ đông, đối tác và của NLĐ, NLĐ luôn vận dụng trí thức, trí tuệ để hành động với hiệu quả cao nhất. EVNGENCO3 mong muốn xây dựng hình ảnh bằng sự tận tâm và trí tuệ.



### HỢP TÁC – CHIA SẺ

Là tinh thần chủ đạo mà EVNGENCO3 mong muốn đạt được. EVNGENCO3 tin rằng bằng sự hợp tác một cách hài hòa, trung thực, công bằng, với ý thức sẵn sàng chia sẻ và gắn bó khăng khít giữa tất cả mọi thành viên, chúng ta mới có thể cùng nhau hành động, cùng nhau phát triển và cùng nhau tiến bộ, vì sự thành công của EVNGENCO3 của EVN và các đối tác của EVNGENCO3.



### SÁNG TẠO – HIỆU QUẢ

Là đòn bẩy cho sự phát triển, vì vậy EVNGENCO3 luôn phấn đấu xây dựng một môi trường thuận lợi cho việc phát huy sức sáng tạo, làm chủ kỹ thuật công nghệ hiện đại, vận dụng những phương pháp quản lý tiên tiến, cùng với sức mạnh của sự đoàn kết toàn EVNGENCO3 sẽ mang hiệu quả cao nhất giúp EVNGENCO3 hoàn thành tốt sứ mệnh và đạt được mục tiêu đề ra.



## Hành trình 10 năm

# xuyên suốt **MỘT TINH THẦN** **TẠO NÊN DẤU ẤN EVNGENCO3**

KÍNH GỬI:

Quý Cổ đông, Đối tác và Quý Khách hàng,



Chủ tịch HĐQT **Đinh Quốc Lâm**

Năm 2022 là một năm có ý nghĩa hết sức quan trọng, đánh dấu hành trình 10 năm Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (EVNGENCO3) vươn mình phát triển, khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất điện và cung cấp dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

10 năm - chặng đường phát triển không ít gian nan và thử thách nhưng tập thể CBCNV EVNGENCO3 luôn giữ vững một tinh thần, cùng nhau đoàn kết, cùng nhau sát cánh vững tin tiến về phía trước, tạo ra những giá trị mới để viết lên những giai điệu tự hào về EVNGENCO3. Tinh thần này sẽ tiếp tục "thắp lửa" đam mê trên hành trình phát triển vững bước tương lai, để người EVNGENCO3 tự hào khi khoác trên mình sắc áo EVNGENCO3 cùng tâm niệm "tìm có thể ngừng đập nhưng điện không thể tắt".

Nói về năm 2022 là một năm với nhiều khó khăn và thách thức khi tình hình thế giới có nhiều biến động, ảnh hưởng giá nhiên liệu tăng cao đột biến; nguồn khí trong nước suy giảm và tăng theo giá dầu thế giới. Bên cạnh đó, công tác kinh doanh của EVNGENCO3 cũng đối diện với một số thử thách nhất định do biến động CLTG, lãi suất,... Mặc dù vậy, với sự quyết tâm, nỗ lực hết mình của Ban Lãnh đạo và đội ngũ CBCNV, EVNGENCO3 không chùn bước trước gian nan, vẫn vững vàng vượt qua khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà ĐHQĐĐ giao và góp phần đảm bảo cung ứng điện cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

10 NĂM - CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN KHÔNG ÍT GIAN NAN VÀ THỬ THÁCH NHƯNG TẬP THỂ CBCNV EVNGENCO3 LUÔN GIỮ VỮNG MỘT TINH THẦN, CÙNG NHAU ĐOÀN KẾT, CÙNG NHAU SÁT CẢNH VỮNG TIN TIẾN VỀ PHÍA TRƯỚC, TẠO RA NHỮNG GIÁ TRỊ MỚI ĐỂ VIẾT LÊN NHỮNG GIAI ĐIỆU TỰ HÀO VỀ EVNGENCO3.



CỤ THỂ

### SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2022 LÀ

# 32,242

tỷ kWh

đạt 101,23% kế hoạch, trong đó 28,141 tỷ kWh từ các đơn vị hạch toán phụ thuộc và 4,101 tỷ kWh từ các công ty con và công ty liên kết (EVNGENCO3 có cử Người đại diện).

**TỔNG DOANH THU CỦA CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY LÀ 46.382 TỶ ĐỒNG, ĐẠT 102,13% KẾ HOẠCH, ĐÓNG GÓP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÔNG TY MẸ ĐẠT 2.079 TỶ ĐỒNG.**

Kết quả này là minh chứng cho sự nỗ lực và các giải pháp thích ứng linh hoạt của tập thể Lãnh đạo và CBCNV EVNGENCO3.

Đặc biệt, năm 2022 là năm đầu tiên mã cổ phiếu PGV chuyển niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE). Sự kiện này đã khẳng định uy tín, sự minh bạch trong quản trị doanh nghiệp, mở ra thêm nhiều cơ hội mới trong chiến lược phát triển của EVNGENCO3.



## THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)



CHÚNG TÔI TIN TƯỜNG RẰNG VỚI NỀN TẢNG TRUYỀN THỐNG VÀ THỂ MẠNH ĐÃ TẠO DỰNG ĐƯỢC, EVNGENCO3 SẼ TIẾP TỤC DUY TRÌ VÀ PHÁT HUY MỘT TINH THẦN “CÙNG NHAU TẠO NÊN SỰ KHÁC BIỆT, CÙNG NHAU TIẾN VỀ PHÍA TRƯỚC”, ĐƯA EVNGENCO3 PHÁT TRIỂN LÊN TẦM CAO MỚI, ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH CÔNG MỚI TRONG HÀNH TRÌNH PHÍA TRƯỚC,



Tổng Giám đốc **Lê Văn Danh**

Song song đó, EVNGENCO3 cũng tích cực triển khai về công tác chuyển đổi số, tự động hóa đến các đơn vị thành viên, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đảm bảo cung cấp các dịch vụ vận hành sửa chữa các nhà máy điện cho khách hàng và tạo tiền đề để trở thành doanh nghiệp số.

Với tinh thần tương thân tương ái, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, EVNGENCO3 thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội với tổng giá trị khoảng 10 tỷ đồng.



### TIẾP NỐI GIÁ TRỊ - VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

Bước sang năm 2023, là năm bản lề cho việc thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, cũng là thời điểm bắt đầu cho giai đoạn phát triển mới của EVNGENCO3. Ban Lãnh đạo nhận định, năm 2023 cơ hội và thách thức sẽ đan xen nhau. Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, việc điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt của Chính phủ là cơ hội cho EVNGENCO3 giữ vững ổn định sản xuất, kiên trì công tác tái cơ cấu, mở rộng đầu tư/hợp tác đầu tư các dự án nguồn điện mới, tạo tiền đề cho việc bứt phá trong giai đoạn sắp tới.

Chúng tôi tin tưởng rằng với nền tảng truyền thống và thể mạnh đã tạo dựng được, EVNGENCO3 sẽ tiếp tục duy trì và phát huy một tinh thần “cùng nhau tạo nên sự khác biệt, cùng nhau tiến về phía trước”, đưa EVNGENCO3 phát triển lên tầm cao mới, đạt được những thành công mới trong hành trình phía trước, luôn hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông tin tưởng giao phó và tiếp tục thực hiện thành công mục tiêu “Cung ứng điện với chất lượng và dịch vụ ngày càng tốt hơn, đảm bảo trách nhiệm với môi trường và cộng đồng”, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**Dinh Quốc Lâm**  
Chủ tịch HĐQT

**Lê Văn Danh**  
Tổng Giám đốc



### SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT

**32,242**

tỷ kWh

đạt **101,23%** kế hoạch



trong đó:  
**28,141** tỷ kWh  
từ các đơn vị hạch toán  
phụ thuộc  
và **4,101** tỷ kWh  
từ các công ty con và  
công ty liên kết (EVNGENCO3  
có cử Người đại diện).



TỔNG DOANH THU  
(TỶ ĐỒNG)

**48.156**



NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
(TỶ ĐỒNG)

**2.127**



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ  
(TỶ ĐỒNG)

**3.057**



TỔNG TÀI SẢN  
(TỶ ĐỒNG)

**66.218**

Ghi chú: Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

## THÀNH TÍCH **TIÊU BIỂU** CỦA EVNGENCO3

Nhận cờ thi đua của Ủy ban Quản lý Vốn nhà nước năm 2020 và nhiều bằng khen của Bộ Công Thương;

Nhận bằng khen của UBND TP.HCM năm 2021 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch Covid-19 tại TP.HCM.

Năm 2022, Tổng Công ty Phát điện 3 được đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác năm 2022.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam trao tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân xuất sắc vì đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Tổng Công ty nói riêng và ngành Điện nói chung.



1

## EVNGENCO3 CHÍNH THỨC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Ngày 10/02/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tổ chức Lễ trao Quyết định niêm yết và chào mừng ngày giao dịch chính thức cổ phiếu Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (EVNGENCO3) với mã chứng khoán PGV trên sàn HOSE. Việc niêm yết trên sàn HOSE vừa là thách thức lớn, cũng vừa là cơ hội để EVNGENCO3 không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu, sự minh bạch và hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp, mở ra nhiều cơ hội tiếp cận gần hơn với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.



2

## EVNGENCO3 ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

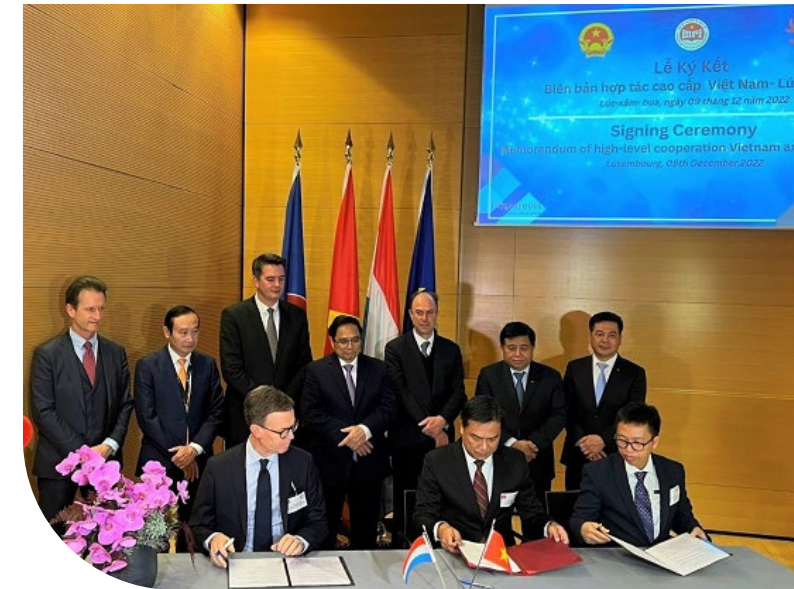
Trong công tác chuyển đổi số, tự động hóa, EVNGENCO3 có 3 sản phẩm tự động hóa tham gia trưng bày tại Hội nghị Tự động hóa ngành Điện trong xu thế chuyển đổi số là Robot sơn bồn kim loại (PM TANKBOT 1), hệ thống mô phỏng chuyển đổi điện tự dùng (ATS) do Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ nghiên cứu, phát triển và Hệ thống quan trắc, tính toán và truyền số liệu thủy văn tự động (BK HYDROLOG) do Công ty Thủy điện Buôn Kuốp chế tạo, lắp đặt. Các thành quả của chuyển đổi số đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đảm bảo cung cấp các dịch vụ vận hành sửa chữa các nhà máy điện cho khách hàng.

3

## EVNGENCO3 KÝ KẾT BIÊN BẢN GHI NHỚ VỚI BABCOCK&WILCOX

Ngày 09/12/2022, tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Luxembourg, Chủ tịch HĐQT EVNGENCO3 Đinh Quốc Lâm, Chủ tịch HĐQT PECC2 Nguyễn Chơn Hùng và Phó Chủ tịch Babcock&Wilcox Mr. Joseph T Buckler đã ký kết Biên bản ghi nhớ, tạo tiền đề cho sự hợp tác giải pháp kỹ thuật cho các NMD của EVNGENCO3 trong lộ trình chuyển dịch năng lượng. Lễ ký kết có sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, các Bộ ngành Việt Nam và Luxembourg.

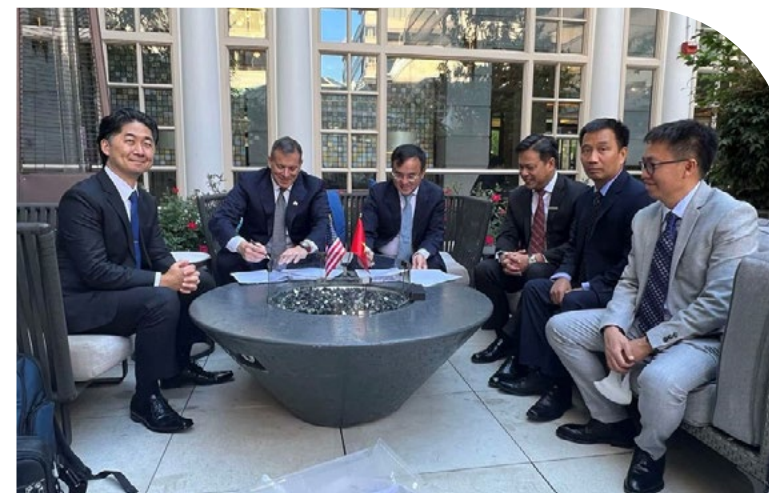
Biên bản ghi nhớ mở ra cơ hội để EVNGENCO3 tiếp cận các giải pháp kỹ thuật và hỗ trợ tài chính cho các NMD than EVNGENCO3, trước mắt thực hiện thí điểm tại NMD than của EVNGENCO3 sau đó nhân rộng cho các NMD than tại Việt Nam theo hướng nâng cao hiệu suất vận hành và xây dựng lộ trình giảm phát thải theo hướng khử cacbon.



4

## EVNGENCO3 ĐẨY MẠNH TRAO ĐỔI, HỢP TÁC VỚI CÁC ĐỐI TÁC NĂNG LƯỢNG TẠI HOA KỲ

Tháng 5/2022, bên lề chuyển công tác của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hoa Kỳ và theo chương trình công tác của lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3) đã có các buổi làm việc với một số đối tác cung cấp LNG như Tellurian Inc, Cheniere Energy và đối tác lâu năm Tập đoàn General Electric về kế hoạch phát triển, thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ vận hành và sửa chữa các nhà máy điện, hợp tác phát triển các dự án mới...



5

## EVNGENCO3 CHUNG TAY VÌ CỘNG ĐỒNG

Với tinh thần tương thân tương ái, EVNGENCO3 luôn tiên phong trong những hoạt động trao gửi những giá trị tinh thần cho cộng đồng. Tổng kinh phí cho các hoạt động an sinh xã hội trong năm 2022 của EVNGENCO3 khoảng 10 tỷ đồng, cho các chương trình gồm: Đồng hành cùng Chương trình "Học đường niềm tin" tài trợ cho 47 em học sinh mồ côi do Covid-19 tại TP.HCM; Sửa Học Đường; hỗ trợ người dân bị thiên tai, trao tặng máy vi tính và dụng cụ học tập,... cho các vùng sâu vùng xa với mong ước chia sẻ yêu thương, tinh thần tương thân tương ái với cộng đồng.



# 01

TỔNG QUAN VỀ EVNGENC03



VỮNG VÀNG **NỘI LỰC**



THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ EVNGENCO3

|                |   |                                                                                                                              |
|----------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên giao dịch  | » | Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP                                                                                              |
| Tên tiếng Anh  | » | Power Generation Joint Stock Corporation 3                                                                                   |
| Tên viết tắt   | » | EVNGENCO3                                                                                                                    |
| Mã chứng khoán | » | PGV                                                                                                                          |
| Niêm yết tại   | » | HOSE                                                                                                                         |
| Giấy CNDKDN    | » | Số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 9 ngày 5/10/2021 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh |
| Vốn điều lệ    | » | 11.234.680.460.000 đồng                                                                                                      |
|                |   | Mười một nghìn hai trăm ba mươi bốn tỷ sáu trăm tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng                                  |
| Trụ sở chính   | » | Số 60 – 66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, P. An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam                                   |
| Điện thoại     | » | (84.28) 3636 7449                                                                                                            |
| Fax            | » | (84.28) 3636 7450                                                                                                            |
| Email          | » | genco3@genco3.evn.vn                                                                                                         |
| Website        | » | http://www.genco3.com                                                                                                        |



DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN



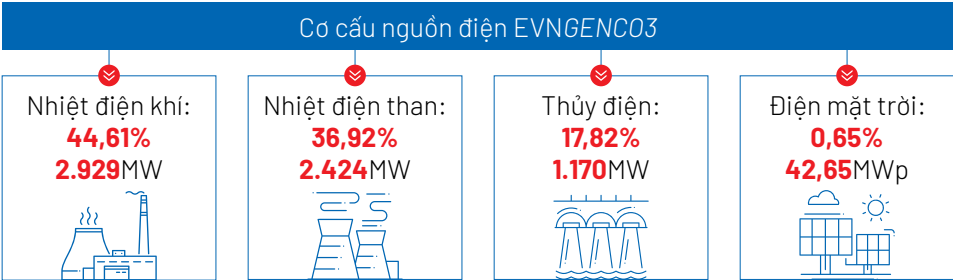
- » Cung cấp các gói dịch vụ sửa chữa chất lượng cao cho các Nhà máy điện. Bao gồm các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các tổ máy tuabin khí, tuabin hơi, lò hơi, lò thu hồi nhiệt; máy phát điện và các thiết bị trong nhà máy nhiệt điện và các nhà máy công nghiệp.
- » Ngoài ra còn cung cấp các dịch vụ: Đào tạo vận hành, sửa chữa nhà máy điện; Vận hành thuê nhà máy điện; Phục hồi, gia công chế tạo; Tư vấn, thiết kế, lắp đặt các công trình điện và công nghiệp: nhà máy điện, trạm điện.
- » Với năng lực và kinh nghiệm vượt trội được tích lũy trên 22 năm trong lĩnh vực bảo trì các nhà máy điện, Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3 (EPS) là thương hiệu tin cậy, cùng với các đối tác, khách hàng xây dựng và phát triển Niềm tin bền vững. EPS cam kết liên tục cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của khách hàng.

LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐIỆN NĂNG



- » EVNGENCO3 là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất lắp đặt là 6.565MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời).
- » Sản lượng điện bình quân hàng năm của Công ty mẹ giai đoạn 2016 -2022 giữ ổn định ở mức công ty mẹ: 30 tỷ kWh, toàn TCT: 33 tỷ kWh.

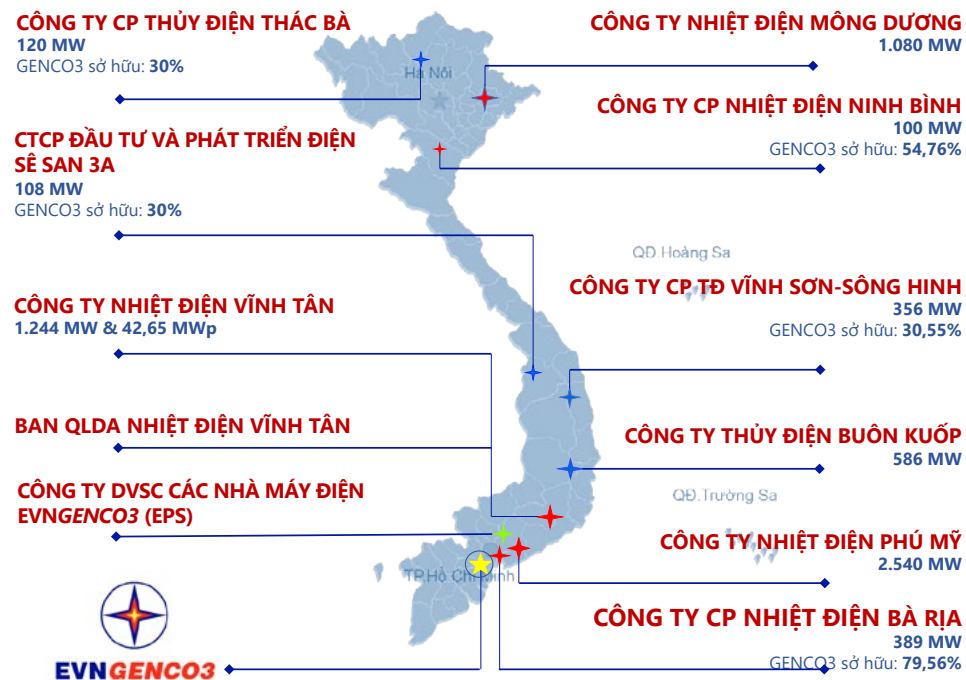


QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



- » Tổng công suất các dự án do EVNGENCO3 làm Chủ đầu tư và tư vấn quản lý dự án: **4.986,65** MW
- » EVNGENCO3 có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong công tác quản lý, đầu tư xây dựng các dự án Nhà máy điện và Trung tâm Điện lực công suất lớn.
  - » Các dự án do TCT làm tư vấn QLDA gồm: Vĩnh Tân 4 (1.200MW), Vĩnh Tân 4 mở rộng (600MW), Thái Bình (600MW): tổng là 2.400MW.
  - » Các dự án do TCT làm chủ đầu tư: Mông Dương 1(1.080MW), Vĩnh Tân 2(1.244MW), Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 (42,65MWp).
- » Bên cạnh nhiệm vụ chính là quản lý, đầu tư xây dựng, EVNGENCO3 còn triển khai công tác chuẩn bị sản xuất cho các dự án nguồn điện đảm bảo tiếp quản vận hành sau khi nhận bàn giao từ các nhà thầu EPC.
- » Ngoài hiệu quả kinh tế, các dự án EVNGENCO3 quản lý phải đảm bảo về an sinh xã hội nhằm ổn định, giảm thiểu ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân địa phương, góp phần bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG





## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 (EVNGENCO3) ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3025/QĐ-BCT NGÀY 01/06/2012 CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG VÀ CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2013. TRẢI QUA 10 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG THƯƠNG HIỆU MẠNH TRONG NGÀNH NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM, LUÔN HOÀN THÀNH SỨ MỆNH THAM GIA ĐẢM BẢO CUNG ỨNG ĐIỆN CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC.

- » **Ngày 7/4/1996**, tại khu công nghiệp Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phát lệnh khởi công xây dựng Nhà máy Điện Phú Mỹ – Nhà máy nhiệt điện lớn nhất, hiện đại nhất Việt Nam lúc bấy giờ, góp phần quan trọng trong việc xây dựng một lưới điện thống nhất cả nước, giải quyết tình trạng thiếu điện ở phía Nam, thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế đồng thời tận dụng nguồn khí đốt khổng lồ đang phải đốt bỏ ngoài khơi Vũng Tàu.
- » Cụm Nhà máy điện Phú Mỹ gồm 4 Nhà máy. Nhà máy Phú Mỹ 2.1 được xây dựng đầu tiên với tổng công suất 290MW. Sau đó, tiếp tục lần lượt xây dựng các Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 MR, Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 và Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4.

### 1996 – 2002

**Dấu ấn tiên phong, người mang dòng khí thấp sáng niềm tin**

- » **Năm 2004**: dự án cụm 3 nhà máy Thủy điện bậc thang lớn trên sông Srêpôk gồm: Buôn Kuốp; Buôn Tua Srah; Srêpôk 3, với tổng công suất 586MW cũng được liên tiếp khởi công xây dựng, nhằm giải quyết tình trạng thiếu điện ở khu vực Tây Nguyên.
- » **Từ năm 2009 – 2010**: Đưa vào vận hành thương mại các nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3.

### 2003 – 2010

**Chinh phục những dòng sông của đại ngàn Tây Nguyên**

- » **Ngày 01/6/2012**, Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3) được thành lập theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT của Bộ Công Thương, trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, các công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các ban quản lý dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền chủ sở hữu vốn nhà nước tại một số công ty phát điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- » **Năm 2013**: Thành lập Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân.
- » **Năm 2014**: Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE-PMTP.
- » **Năm 2015**: Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương kiêm Ban QLDA Nhiệt điện 1; Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3.
- » **Năm 2016**: Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ được thành lập lại và tiếp quản vận hành các nhà máy điện Phú Mỹ.

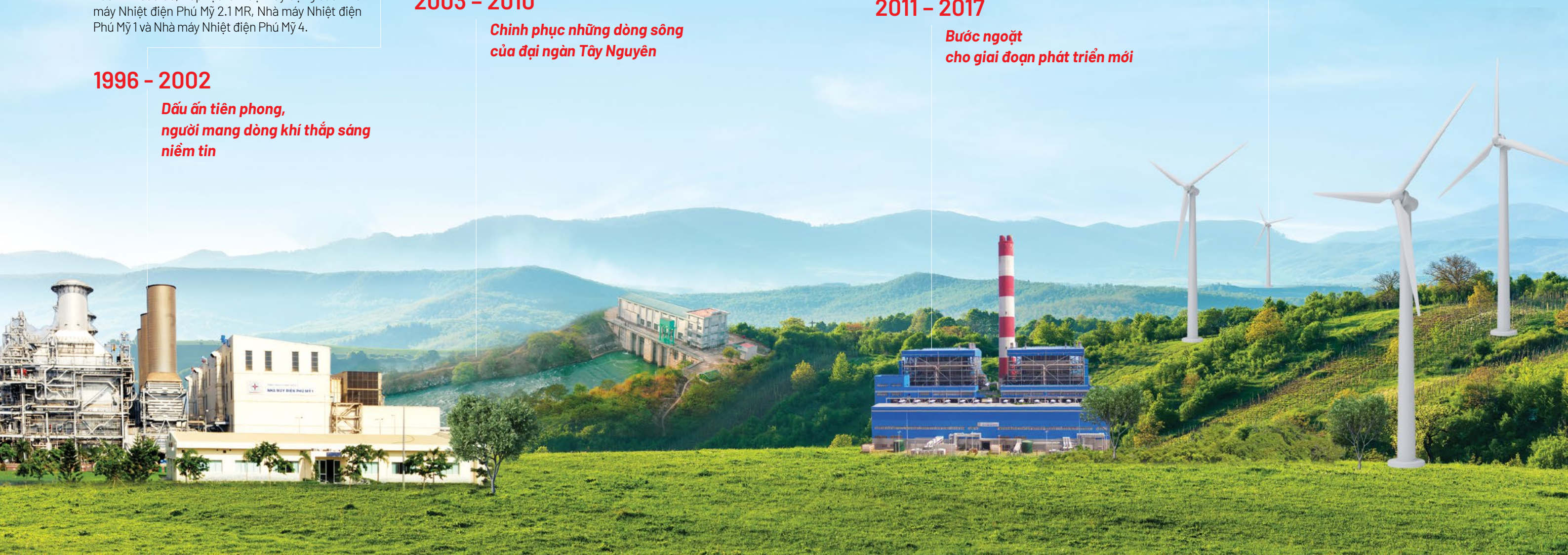
### 2011 – 2017

**Bước ngoặt cho giai đoạn phát triển mới**

- » **Năm 2018**: Tổng Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình CTCP; Thực hiện IPO và đăng ký giao dịch cổ phiếu PGV của Tổng Công ty Phát điện 3- CTCP trên sàn UPCOM vào ngày 21/3/2018.
- » **Năm 2019**: Chuyển trụ sở Tổng Công ty từ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến Thành phố Hồ Chí Minh.
- » **Năm 2021**: Vốn hóa thị trường chạm mốc 1 tỷ USD.
- » **Năm 2022**: Ngày 10/02/2022 chính thức niêm yết trên sàn HOSE.

### 2018 – 2022

**Khẳng định năng lực vững bước vươn tầm cao mới**





## HỆ THỐNG NHÀ MÁY VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN



*Từ những mỏ than nằm sâu trong lòng đất,  
đến những dòng sông hùng vĩ,  
cùng dòng khí tự nhiên ngoài biển khơi.*



CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN QUÝ GIÁ NÀY ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN HÓA KỲ DIỆU THÀNH NGUỒN NĂNG LƯỢNG THEO LƯỚI TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA PHỤC VỤ DÂN SINH, PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA ĐẤT NƯỚC...

EVNGENCO3 hiện có 8 đơn vị HTPT, 2 công ty con và 4 công ty liên kết, góp vốn (có cử Người đại diện) với tổng công suất lắp đặt là

# 6.565

MW

chiếm khoảng 8,4% công suất đặt toàn hệ thống điện, trong đó đa dạng nhiều loại hình nguồn điện:



Nhiệt điện tuabin khí

## 2.929

MW

chiếm khoảng 44,61%



Nhiệt điện than

## 2.424

MW

chiếm khoảng 36,92%



Thủy điện

## 1.170

MW

chiếm khoảng 17,82%



Điện mặt trời

## 42,65

MWp

chiếm khoảng 0,65%

## CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ

**Địa chỉ:**  
Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu



**TỔNG CÔNG SUẤT (MW)**  
**2.540**



**Hoạt động:** Ra đời với nhiệm vụ giải quyết cấp bách tình trạng thiếu điện và tận dụng nguồn khí đốt khổng lồ đang phải đốt bỏ ngoài khơi Vũng Tàu, dự án Nhà máy Phú Mỹ 2.1 được triển khai xây dựng đầu tiên với tổng công suất 290MW. Sau đó, tiếp tục xây dựng và đưa vào vận hành các Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 MR, Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 và Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4 từ năm 1998 - 2004 tại Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các nhà máy đều sử dụng công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp công nghệ hiện đại, nhiên liệu sử dụng chính là nguồn khí tự nhiên từ các mỏ Nam Côn Sơn, Hải Thạch - Mộc Tinh, Thiên Ưng - Đại Hùng, Sao Vàng - Đại Nguyệt.

Với tổng công suất 2.540MW, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đóng góp 46% vào tổng công suất của Tổng Công ty.

Cụ thể các nhà máy điện thuộc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ bao gồm:



### NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 1

**CÔNG SUẤT**  
**1.118** MW  
Nhiên liệu sử dụng:  
Khí thiên nhiên.



Là nhà máy có công suất lớn nhất trong các nhà máy điện của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ với công suất 1.090MW, được đưa vào vận hành thương mại năm 2002. Sử dụng công nghệ và thiết bị của Mitsubishi Heavy Industries Group (Nhật Bản) cấu hình 3 -3 -1, tuabin khí loại M701F. Khi vận hành với hệ thống Fogging & high fogging, công suất nhà máy lên đến 1.118MW.

### NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 2.1

**CÔNG SUẤT**  
**477** MW  
Nhiên liệu sử dụng:  
Khí thiên nhiên.



Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) nay là GE, cấu hình 2-2-1, được đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1997 và chu trình hỗn hợp vào năm 2003 với công suất lắp đặt 450MW, đến năm 2016, tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 477MW. Và đây cũng là nhà máy đầu tiên của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ dự kiến hết khấu hao vào năm 2023.

### NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 2.1 mở rộng

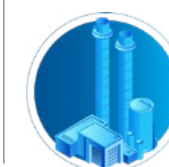
**CÔNG SUẤT**  
**468** MW  
Nhiên liệu sử dụng:  
Khí thiên nhiên.



Sử dụng công nghệ và thiết bị của Siemens (Đức) cấu hình 2-2-1, tuabin khí loại V94.2, được đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1999 và chu trình hỗn hợp vào năm 2006 với công suất lắp đặt 440MW. Khi vận hành với hệ thống Fogging & high-fogging, công suất nhà máy lên đến 468MW.

### NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 4

**CÔNG SUẤT**  
**477** MW  
Nhiên liệu sử dụng:  
Khí thiên nhiên.



Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) nay là GE, cấu hình 2-2-1, hoàn tất đưa vào vận hành thương mại năm 2004 với công suất lắp đặt 450MW. Đến năm 2015 tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 477MW.

## CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN

Địa chỉ:

Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong,  
Tỉnh Bình Thuận



TỔNG CÔNG SUẤT (MW)  
**1.286**

**Hoạt động:** Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân được giao nhiệm vụ quản lý và vận hành 2 nhà máy với tổng công suất là 1.286MW gồm: NMNĐ Vĩnh Tân 2 (1.244MW) và Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 42,65MWp, tương đương 38MW, tại Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, tỉnh Bình Thuận. Đến cuối năm 2022, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân có sản lượng điện sản xuất lên hệ thống điện lưới Quốc gia đạt hơn 50 tỷ kWh.



## NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 2

CÔNG SUẤT  
**2x622** MW  
Nhiên liệu sử dụng:  
Than cám.



Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 được đưa vào vận hành thương mại từ đầu năm 2015 với tổng công suất lắp đặt 2x622MW, sản lượng điện sản xuất bình quân hàng năm khoảng 7,4 tỷ kWh, cung cấp điện chủ yếu cho phụ tải khu vực phía Nam, góp phần quan trọng cho việc vận hành kinh tế hệ thống điện Quốc gia, nhất là vào mùa khô.

Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 sử dụng nguyên liệu chính là than cám trong nước và than nhập khẩu. Hoạt động quản lý môi trường tại Nhà máy đặc biệt được Tổng Công ty chú trọng. Công tác quản lý và xử lý tro, xỉ được kiểm soát tốt, đảm bảo môi trường. Bãi xỉ nhà máy đảm bảo ổn định, an toàn, tro xỉ phát sinh trong vận hành của Nhà máy hầu hết được tiêu thụ để làm phụ gia xi măng, gạch không nung,... Hoàn thành lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường online, camera giám sát và truyền dữ liệu về Sở TN&MT địa phương.



## NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI VĨNH TÂN 2

CÔNG SUẤT  
**42,65** MWp



Nhà máy ĐMT Vĩnh Tân 2 công suất lắp đặt 42,65MWp được vận hành thương mại cuối tháng 6 năm 2019, mỗi năm, nhà máy ĐMT Vĩnh Tân 2 phát vào lưới điện Quốc gia khoảng 68,4 triệu kWh, góp phần đa dạng hóa loại hình phát điện của Tổng Công ty và tạo ra một hệ thống nguồn điện bổ sung và hỗ trợ nhau.

## CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN MÔNG DƯƠNG

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

TỔNG CÔNG SUẤT (MW)

1.080



Nhiên liệu sử dụng: Than cám

**Hoạt động:** Công ty Nhiệt điện Mông Dương thành lập năm 2015, quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 với tổng công suất 1.080MW. Mỗi năm, Nhà máy cung cấp cho hệ thống điện Quốc gia khoảng 6,5 tỷ kWh.

Nguồn nhiên liệu NMNĐ Mông Dương 1 sử dụng than 6a của TKV và than 5b của Đông Bắc. Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 là công trình nhiệt điện đầu tiên của EVN sử dụng công nghệ lò hơi tăng sôi tuần hoàn (CFB). Đây là công nghệ tiên tiến nhất thế giới hiện nay, đặc biệt trong lĩnh vực xử lý khí thải, đảm bảo thân thiện với môi trường. Đáng chú ý, năm 2021, Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 đã đưa vào vận hành hệ thống bảng điện tử hiển thị số liệu quan trắc môi trường online để công khai, minh bạch hóa thông tin về công tác quản lý môi trường đến cộng đồng; đã được cấp giấy chứng nhận HTQL môi trường phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015, tro xỉ của Nhà máy được tiêu thụ toàn bộ.



## CÔNG TY THỦY ĐIỆN BUÔN KUỐP

Địa chỉ:

Số 22 đường Mai Xuân Thưởng, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk



TỔNG CÔNG SUẤT (MW)

586

**Hoạt động:** Công ty Thủy điện Buôn Kuốp được giao quản lý và vận hành 03 nhà máy Thủy điện bậc thang lớn trên sông Srêpôk thuộc địa bàn 2 tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông với tổng công suất 586MW, điện lượng bình quân hàng năm là 2,6 tỷ kWh.

Cụm Nhà máy Thủy điện thuộc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp có công suất thuộc top 3 tổng công suất lắp đặt lớn nhất tại khu vực Miền Trung, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng điện ở khu vực miền Trung Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Bộ. Đồng thời, còn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động điều tiết lũ, hạn hán cho khu vực hạ lưu vực sông Srêpôk.

## NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BUÔN KUỐP

CÔNG SUẤT  
2x140  
MW



Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp vận hành thương mại năm 2009 với công suất 2x140MW. Đây cũng là một trong những Thủy điện có địa hình hiểm trở, phức tạp nhất trong các dự án Thủy điện ở nước ta.

Ngoài tạo nguồn cung cấp điện cho hệ thống điện Quốc gia, công trình này còn điều hòa nguồn nước, cấp nước tạo nguồn cho hạ du nhà máy, có vai trò quan trọng phục vụ tưới tiêu cho hơn 100.000ha cây trồng, nông nghiệp của vùng, phát triển tiềm năng du lịch, nuôi trồng thủy sản...

## NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BUÔN TUA SRAH

CÔNG SUẤT  
2x43  
MW



Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah được đưa vào vận hành thương mại năm 2010 với công suất 2x43MW, hồ chứa có dung tích hữu ích 522 triệu m<sup>3</sup> nước, sản lượng điện bình quân hàng năm 347 triệu kWh.

Ngoài chức năng sản xuất điện, nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah còn thực hiện nhiệm vụ điều tiết nước trong mùa cạn và cắt giảm lũ trong mùa mưa cho các địa phương phía hạ du thuộc huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông và huyện Lắk, huyện Krông ANa, tỉnh Đắk Lắk.

## NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SRÊPÔK 3

CÔNG SUẤT  
2x110  
MW



Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3 vận hành thương mại năm 2010 với công suất 2x110MW. Mỗi năm, Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3 cung cấp lưới điện Quốc gia hơn 1 tỷ kWh.

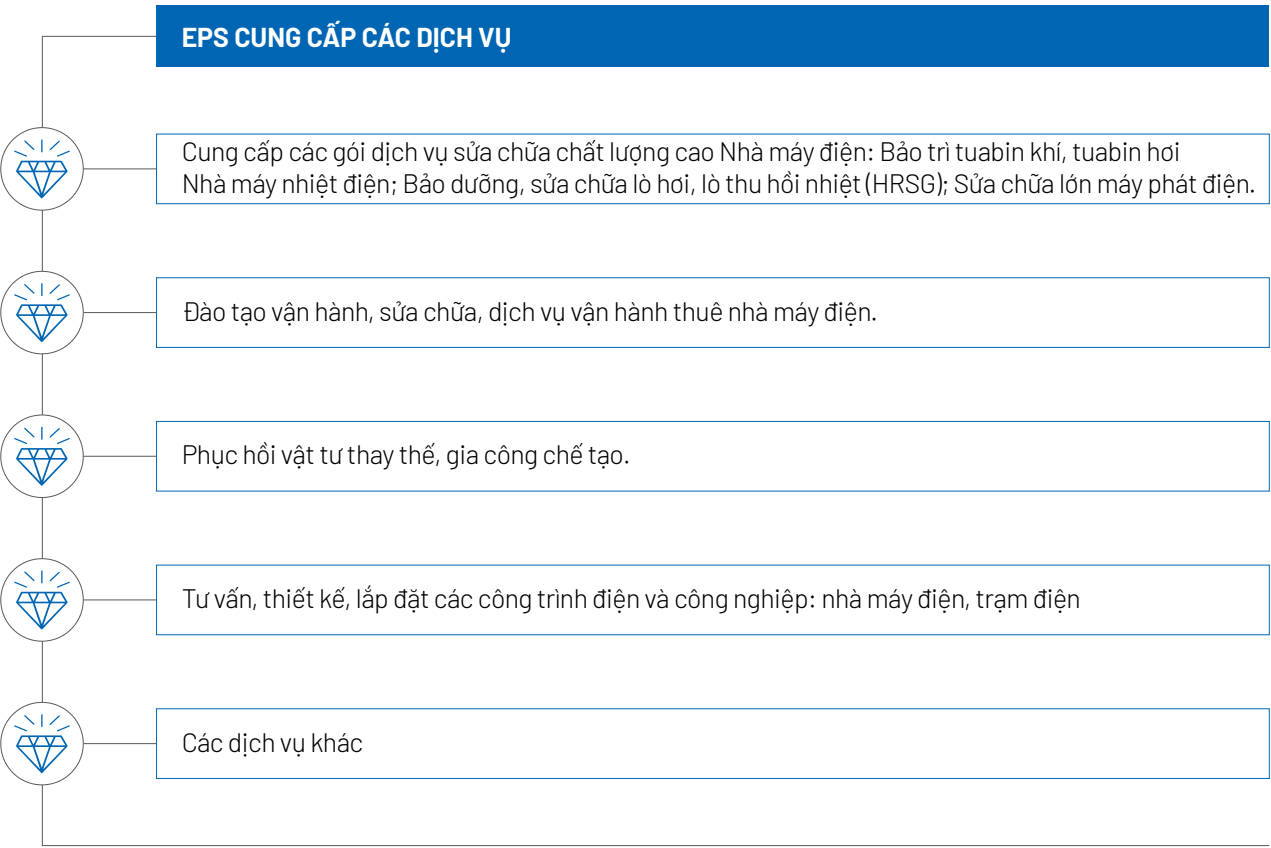
Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3 có vai trò rất quan trọng, nhà máy không chỉ tạo ra hồ chứa với dung tích là 200 triệu m<sup>3</sup> nước, cung cấp nước ổn định cho Thủy điện Srêpôk 4 phía hạ du, cắt lũ cho vùng hạ lưu sông Srêpôk. Mà còn là nước nguồn tưới tiêu cây ăn quả như sầu riêng, bơ, cà phê... nuôi trồng thủy sản, tạo điều kiện cho người dân các huyện Buôn Đôn (Đắk Lắk) và Chư Jút (Đắk Nông) phát triển kinh tế.

## CÔNG TY DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN EVNGENCO3

Đối với các doanh nghiệp sản xuất và vận hành các nhà máy điện, chi phí sửa chữa lớn là một trong những chi phí lớn nhất của các nhà máy. Việc sở hữu một đơn vị sửa chữa trực thuộc Tổng Công ty, chúng tôi có lợi thế lớn trong việc sắp xếp các dịch vụ sửa chữa, tiết giảm chi phí, đồng thời nhanh chóng áp dụng công nghệ kỹ thuật mới vào công tác sửa chữa lớn đối với các nhà máy điện trực thuộc Tổng Công ty.



CÔNG TY DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN EVNGENCO3 VỚI HƠN 22 NĂM KINH NGHIỆM TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VẬN HÀNH, SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN (CHẠY KHÍ, THAN VÀ THỦY ĐIỆN), CHỨC NĂNG CHÍNH LÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN HÀNH, SỬA CHỮA CHUYÊN NGHIỆP CHO CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN VÀ CÁC NHÀ MÁY CÔNG NGHIỆP KHÁC.



## BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

### BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN (BAN AVT)

**Địa chỉ:** Đại lộ Hùng Vương, Khu phố 5, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

**Hoạt động:** Hiện nay Ban AVT đang thực hiện quyết toán các dự án trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân.

### BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN 1 (BAN AND1)

**Địa chỉ:** Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

**Hoạt động:** Ban AND1 đã thực hiện quyết toán dự án NMNĐ Mông Dương 1.

### BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH (BAN ATB)

**Địa chỉ:** Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình.

**Hoạt động:** Hiện nay Ban ATB đang thực hiện quyết toán dự án NMNĐ Thái Bình.





## CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA (BTP)

CÔNG SUẤT

389MW

Nhiên liệu sử dụng:

Khí thiên nhiên

Địa chỉ:

Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

Sản xuất điện năng



Vốn điều lệ

604,86 tỷ đồng



Vốn góp của EVNGENCO3

481,24 tỷ đồng



Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3

79,56%



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH (NBP)

CÔNG SUẤT

100MW

Nhiên liệu sử dụng:

Than cám trong nước và than nhập khẩu

Địa chỉ:

Số 1 đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

Sản xuất điện năng



Vốn điều lệ

128,66 tỷ đồng



Vốn góp của EVNGENCO3

70,45 tỷ đồng



Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3

54,76%



CÔNG TY GÓP VỐN, LIÊN KẾT

1

CTCP THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

Sản xuất điện năng

» Công suất: 120MW

» Vốn điều lệ: 635,00 tỷ đồng

» Vốn góp của EVNGENCO3: 190,50 tỷ đồng

» Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3: 30,00%



2

CTCP TĐ VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

Sản xuất điện năng

» Công suất: 356MW

» Vốn điều lệ: 2.362,41 tỷ đồng

» Vốn góp của EVNGENCO3: 608,72 tỷ đồng

» Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3: 30,55%



3

CTCP ĐT & PT ĐIỆN SẾ SAN 3A

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

Sản xuất điện năng

» Công suất: 108MW

» Vốn điều lệ: 280,00 tỷ đồng

» Vốn góp của EVNGENCO3: 84,00 tỷ đồng

» Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3: 30,00%



4

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NĂNG LƯỢNG GE - PMTP

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

Sửa chữa, phục hồi thiết bị tuabin khí

» Vốn điều lệ: 501,70 tỷ đồng

» Vốn góp của EVNGENCO3: 74,46 tỷ đồng

» Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3: 15,00%



5

CTCP ĐL DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

Sản xuất điện năng

» Công suất: 750MW

» Vốn điều lệ: 2.878,76 tỷ đồng

» Vốn góp của EVNGENCO3: 83,09 tỷ đồng

» Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3: 2,47%



6

CTCP ĐIỆN VIỆT LÀO

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

Sản xuất điện năng

» Công suất: 651MW

» Vốn điều lệ: 4.375,73 tỷ đồng

» Vốn góp của EVNGENCO3: 19,60 tỷ đồng

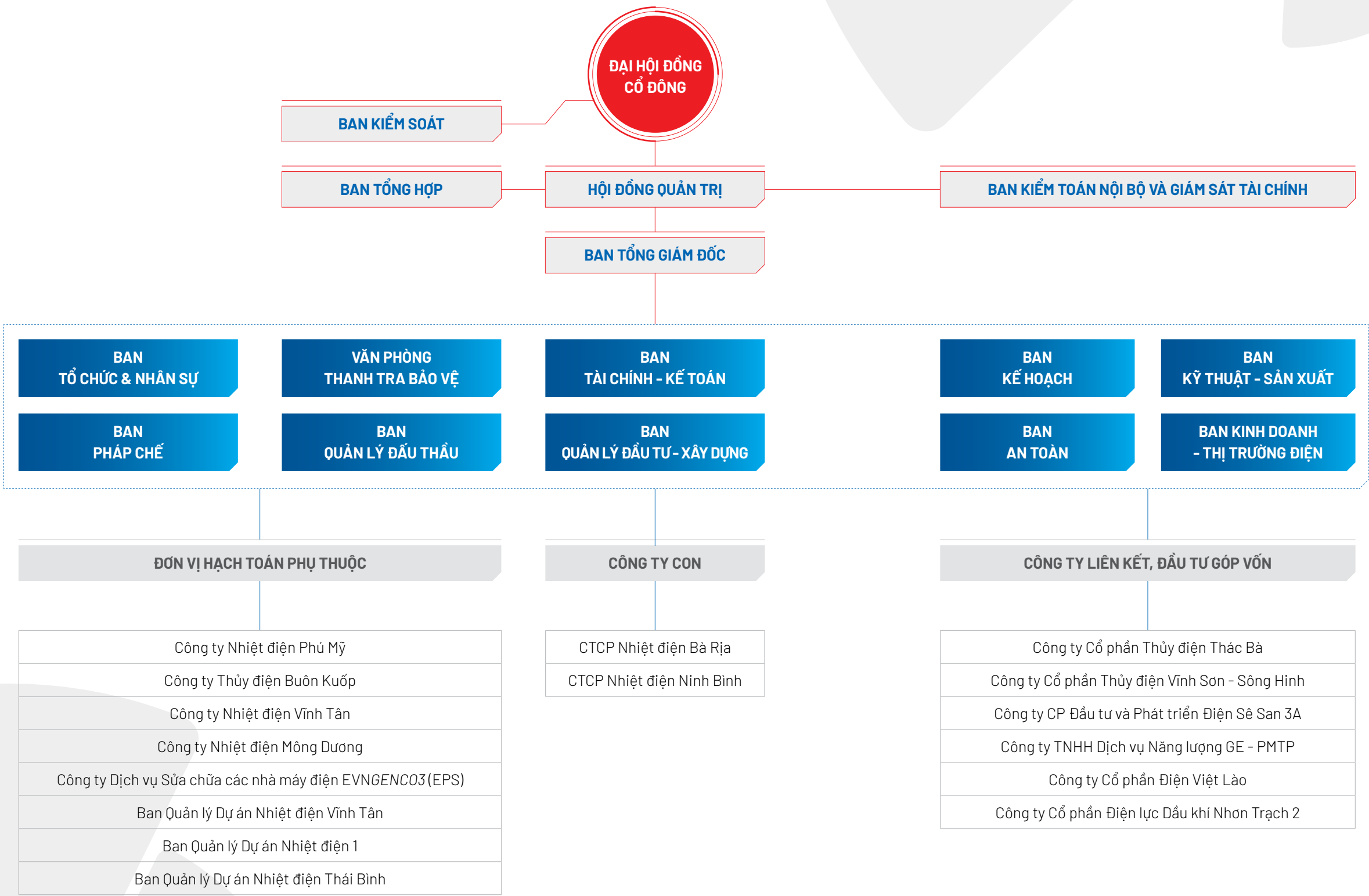
» Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3: 0,45%





# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - CƠ CẤU TỔ CHỨC

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



## CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ



TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN, LÀ DOANH NGHIỆP ĐƯỢC TỔ CHỨC DƯỚI HÌNH THỨC CÔNG TY CỔ PHẦN, HOẠT ĐỘNG THEO HÌNH THỨC CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON, CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN.

Tổng Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có con dấu, biểu tượng, điều lệ, có chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật, được mở tài khoản tại các ngân hàng; trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất - kinh doanh và đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết.

Cơ cấu tổ chức của EVNGENCO3 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy tham mưu, cụ thể như sau:

- » Ban Lãnh đạo gồm: Chủ tịch HĐQT, 04 thành viên HĐQT (1 thành viên đã từ nhiệm tại ĐHĐCĐ năm 2022); Tổng Giám đốc, 04 Phó Tổng Giám đốc phụ trách các lĩnh vực: Sửa chữa & Công nghệ, Kinh doanh - Thị trường điện, Kinh tế - Tài chính, Đầu tư - Xây dựng.
- » 12 ban chức năng, gồm: Ban Tổ chức & Nhân sự; Văn phòng - Thanh tra Bảo vệ; Ban Pháp chế; Ban Tài chính - Kế toán; Ban Kế hoạch; Ban Kỹ thuật - Sản xuất; Ban Quản lý Đầu thầu; Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng; Ban Kinh doanh - Thị trường điện; Ban An toàn; Ban Tổng hợp; Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính;
- » 08 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 02 công ty con và 06 công ty liên kết, góp vốn.



Ông **ĐINH QUỐC LÂM**  
Chủ tịch HĐQT

- » Ông Đinh Quốc Lâm sinh năm 1973, hiện là Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.
- » Số cổ phần EVNGENCO3 mà Ông sở hữu và đại diện là 557.239.952 cổ phần (chiếm 49,60% vốn điều lệ).

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hệ thống điện.

Ông **LÊ VĂN DANH**  
Thành viên HĐQT,  
Tổng Giám đốc

- » Ông Lê Văn Danh sinh năm 1974, hiện là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.
- » Số cổ phần EVNGENCO3 mà Ông sở hữu và đại diện là 334.339.498 cổ phần (chiếm 29,76% vốn điều lệ).

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử.

Ông **TRƯƠNG QUỐC PHÚC**  
Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm  
tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022)

- » Ông Trương Quốc Phúc, sinh năm 1961, là thành viên HĐQT, đã miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Ông **NGUYỄN MINH KHOA**  
Thành viên HĐQT

- » Ông Nguyễn Minh Khoa sinh năm 1974, hiện là thành viên HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.
- » Số cổ phần EVNGENCO3 mà Tập đoàn Điện lực Việt Nam ủy quyền Ông đại diện là 222.884.599 cổ phần (chiếm 19,84% vốn điều lệ)

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật Quốc tế, Cử nhân Tiếng Anh.

Ông **ĐỖ MỘNG HÙNG**  
Thành viên HĐQT độc lập

- » Ông Đỗ Mộng Hùng sinh năm 1958, hiện là thành viên độc lập HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ Sư Nhiệt điện.



Ông **LÊ VĂN DANH**  
Tổng Giám đốc

» Ông Lê Văn Danh sinh năm 1974, hiện là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện-Điện tử.

Ông **CAO MINH TRUNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Sửa chữa và Công nghệ

» Ông Cao Minh Trung sinh năm 1963, hiện là Phó Tổng Giám đốc Sửa chữa và Công nghệ Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.

Ông **NGUYỄN THANH TRÙNG DƯƠNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Kinh doanh - Thị trường điện

» Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương sinh năm 1970, hiện là Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh- Thị trường điện Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Mạng và Hệ thống Điện, Kỹ sư Kỹ thuật Điện.

Bà **NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Kinh tế - Tài Chính

» Bà Nguyễn Thị Thanh Hương sinh năm 1977, hiện là Phó Tổng Giám đốc Kinh tế-Tài chính Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ-Tiếng Anh.

Ông **VÕ MINH THẮNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Đầu tư - Xây dựng

» Ông Võ Minh Thắng sinh năm 1977, hiện là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư-Xây dựng kiêm Giám đốc Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân.

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện-Điện tử

Bà **VŨ PHƯƠNG THẢO**  
Kế toán trưởng

» Bà Vũ Phương Thảo sinh năm 1983, hiện là Kế toán trưởng Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán



## GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông **PHẠM HÙNG MINH**  
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông **ĐẬU ĐỨC CHIẾN**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà **VŨ HẢI NGỌC**  
Thành viên Ban Kiểm soát

» Ông Phạm Hùng Minh hiện là Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Cử nhân Kế toán.

» Ông Đậu Đức Chiến hiện là thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kỹ thuật điện, Kỹ sư Hệ thống điện.

» Bà Vũ Hải Ngọc hiện là thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



LINH HOẠT **PHÁT TRIỂN**

## KINH TẾ VIỆT NAM 2022

# PHỤC HỒI MẠNH MẼ

NĂM 2022, TRONG BỐI CẢNH TÌNH HÌNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI CÓ NHIỀU BIẾN ĐỘNG KHÓ LƯỜNG, NỀN KINH TẾ VIỆT NAM VẪN ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH TỰU QUAN TRỌNG, KHI GDP TĂNG 8,02% SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ ĐẠT MỨC TĂNG TRƯỞNG CAO NHẤT TRONG 10 NĂM QUA DO NỀN KINH TẾ ĐÃ KHÔI PHỤC TRỞ LẠI.

GDP ĐẠT **409** TỶ USD  
TĂNG 8,02% SO VỚI NĂM 2021

FDI ĐẠT **22,4** TỶ USD  
TĂNG 13,5% SO VỚI NĂM 2021

CPI TĂNG **3,15%**  
SO VỚI NĂM 2021

Trong năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, lần đầu tiên quy mô GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD. GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện tại Việt Nam năm 2022 đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước. Đây là số vốn FDI cao nhất trong 5 năm qua. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân quý IV/2022 tăng 4,41% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.



### Nền kinh tế vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro

Trước xu hướng lạm phát toàn cầu tăng cao và chính sách thắt chặt tiền tệ của các ngân hàng Trung ương Mỹ và Châu Âu (Hai thị trường xuất khẩu chính chiếm 41% thị phần xuất khẩu của Việt Nam). Việt Nam phải đối diện với nhiều áp lực chính sách điều hành giá, lãi suất, tỷ giá,... Sự ổn định vĩ mô và bảo đảm các cân đối lớn trong nước cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro trước xu hướng kinh tế thế giới đang ở thời điểm tăng trưởng chậm lại. Bên cạnh đó là những tác động của biến đổi khí hậu, những căng thẳng địa chính trị ngày càng phức tạp.



### Cần có giải pháp giữ vững ổn định kinh tế

Thực tiễn này đòi hỏi cần có nhiều đột phá thực sự và đồng bộ, thực chất cả về nhận thức và thể chế trong việc tháo gỡ điểm nghẽn về ổn định cung cầu, giá cả các mặt hàng thiết yếu (nổi bật là xăng, dầu) cho sản xuất, đời sống; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; tăng cường kiểm soát và lành mạnh hóa các thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường bất động sản và thị trường tín dụng, thị trường lao động, cũng như trong tái cơ cấu kinh tế và định hướng lại hoạt động sản xuất, kinh doanh. Cùng với đó là tăng cường thu hút FDI đầu tư mới và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy liên kết giữa khu vực FDI và kinh tế trong nước; tiếp tục đẩy mạnh kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kiểm soát nợ xấu, nợ thuế và chi phí vốn của DN; thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội...

# TỔNG QUAN NGÀNH ĐIỆN NĂM 2022

THEO TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM (EVN), ĐẾN CUỐI NĂM 2022, TỔNG CÔNG SUẤT ĐẶT NGUỒN ĐIỆN (ĐÃ COD) TOÀN HỆ THỐNG ĐẠT XẤP XỈ 77.800MW, TĂNG GẦN 1.400MW SO VỚI NĂM 2021

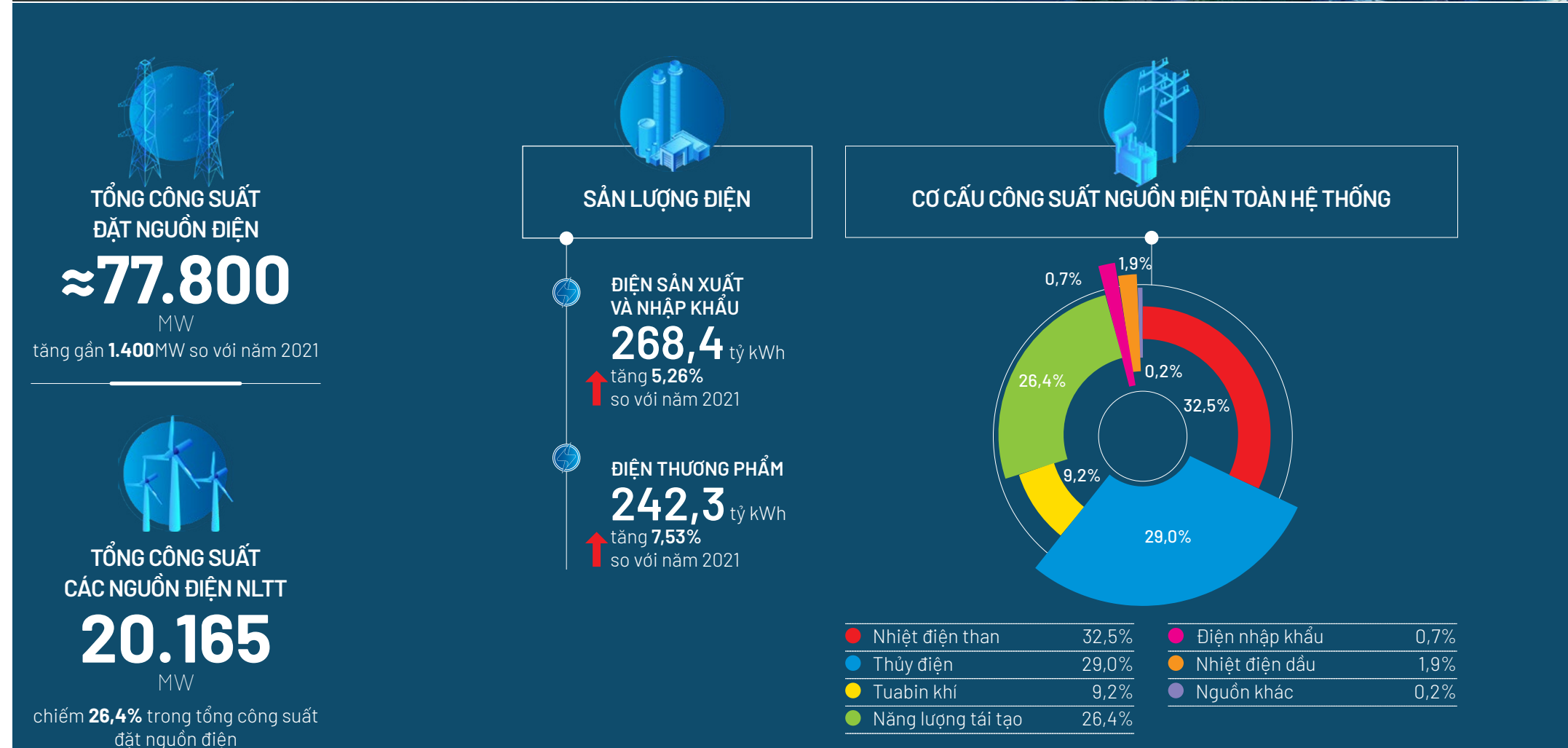
Trong năm 2022, tình hình thế giới phát sinh các biến động lớn như chính sách zero-covid tại Trung Quốc, xung đột địa chính trị tại Châu Âu, lạm phát tăng tốc tại hầu hết các Quốc gia trên thế giới, chính sách thắt chặt tiền tệ tại một số Quốc gia là đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam... ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu đã tác động trực tiếp tới hoạt động của ngành Điện. Đặc biệt, giá nhiên liệu tăng cao đã làm tăng chi phí sản xuất điện và ảnh hưởng trực tiếp đến việc đảm bảo cân đối tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); Công tác đầu tư xây dựng tiếp tục gặp nhiều vướng mắc do các quy định hiện hành còn thiếu đồng bộ, khó khăn trong việc chuyển đổi đất rừng, giải phóng mặt bằng, chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án điện.

Trong điều kiện như vậy, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các Bộ, ngành, các địa phương. Toàn thể CBCNV của Tập đoàn đã hết sức nỗ lực, cố gắng khắc phục khó khăn, đảm bảo cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Theo EVN, đến cuối năm 2022, tổng công suất đặt nguồn điện (đã COD) toàn hệ thống đạt xấp xỉ 77.800MW, tăng gần 1.400MW so với năm 2021. Trong đó, tổng công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo là 20.165MW chiếm tỷ trọng 26,4%. Quy mô hệ thống điện Việt Nam đứng đầu khu vực ASEAN về công suất nguồn điện.

Năm 2022, điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống là 268,4 tỷ kWh, tăng 5,26% so với năm 2021. Công suất phụ tải cực đại toàn hệ thống là 45.434MW, tăng 4,41%. Sản lượng điện sản xuất và mua của EVN là 261,2 tỷ kWh, tăng 6,08%, còn điện thương phẩm toàn Tập đoàn đạt 242,3 tỷ kWh, bằng 99,97% kế hoạch và tăng 7,53% so với năm 2021.

108 NHÀ MÁY ĐIỆN  
tham gia trực tiếp trong thị trường điện,  
chiếm 38% với tổng công suất đặt  
**30.937** MW





Phát triển ngành Điện phù hợp với

# CAM KẾT

của **VIỆT NAM** tại **COP26**



TẠI HỘI NGHỊ COP26, VIỆT NAM ĐÃ ĐƯA RA CAM KẾT MẠNH MẼ VỚI CỘNG ĐỒNG QUỐC TẾ VỀ VIỆC ĐẠT MỨC PHÁT THẢI RÒNG BẰNG "0" VÀO NĂM 2050. CAM KẾT NÀY THỂ HIỆN QUYẾT TÂM CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHUYỂN DỊCH TỪ NGUỒN NĂNG LƯỢNG HÓA THẠCH TRUYỀN THỐNG SANG CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG XANH, SẠCH, GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH, CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Ngay sau Hội nghị COP26, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã thành lập Ban Chỉ đạo Quốc gia về thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP26 và phân công các bộ, ngành xây dựng kế hoạch hành động trong từng lĩnh vực. Trong đó, quá trình chuyển dịch năng lượng đang được chỉ đạo đẩy nhanh trên tinh thần phát huy nội lực, đồng thời tăng cường hợp tác, hỗ trợ từ các đối tác quốc tế, các định chế tài chính song phương và đa phương.

Tại Hội thảo "Tác động của COP26 đến chuyển dịch năng lượng theo hướng tăng trưởng xanh" tổ chức ngày 17/8/2022, Thứ trưởng Bộ Công thương Đặng Hoàng An cho biết, để thực hiện các cam kết tại Hội nghị COP26, cũng như đạt được các mục tiêu tăng trưởng xanh Quốc gia giai đoạn 2021-2030, Việt Nam đặt ra bốn mục tiêu lớn trong chuyển dịch năng lượng, gồm:

Thứ nhất

Không phát triển thêm các nhà máy điện than mới sau năm 2030, phát triển các nguồn điện chạy khí ở mức độ hợp lý để tránh lệ thuộc vào thị trường thế giới và xây dựng lộ trình chuyển đổi nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện chạy than, khí hiện có.

Thứ hai

Tiếp tục tăng mạnh tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo để tận dụng thế mạnh của Việt Nam.

Thứ ba

Tìm hiểu, tiếp cận sớm các công nghệ sử dụng các nguồn năng lượng sơ cấp như hydro xanh, amoniac xanh.

Thứ tư

Cải thiện hạ tầng truyền tải và phân phối, nâng cấp khả năng kỹ thuật của hệ thống điện Quốc gia về vận hành an toàn, đủ khả năng hấp thụ tỷ trọng ngày càng lớn của năng lượng tái tạo.

Với các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26, nhiều chuyên gia và doanh nghiệp cũng cho rằng, dự thảo Quy hoạch điện VIII cần đưa năng lượng tái tạo phát triển nhanh hơn, bên cạnh việc loại bỏ dần các dự án điện than. Đặc biệt, Quy hoạch điện VIII được hy vọng sẽ tạo ra bước đổi mới quan trọng; là cơ sở, nền tảng để huy động các nguồn lực, đầu tư phát triển ngành Điện, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Hơn nữa, đây cũng là công cụ để kiểm soát, quản lý hiệu quả, bền vững, đảm bảo an ninh các nguồn năng lượng cho Quốc gia.



## MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Vận hành các tổ máy trong EVNGENCO3 đáp ứng theo phương thức huy động của Điều độ hệ thống điện Quốc gia.
- Đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHĐĐ thông qua.
- Triển khai xúc tiến đầu tư, hợp tác đầu tư dự án nguồn điện mới.
- Triển khai công tác tái cơ cấu nhằm nâng cao năng lực tài chính của Tổng Công ty, đáp ứng thu xếp vốn cho đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện mới được phê duyệt.
- Đảm bảo việc làm và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV.

## NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

- Đảm bảo vận hành ổn định, tin cậy và kinh tế các nhà máy điện.
- Thực hiện tối ưu hóa chi phí, đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh.
- Triển khai xúc tiến đầu tư Nhà máy điện khí LNG tại TTĐL Long Sơn; Khảo sát lập dự án đầu tư và xin chủ trương đầu tư NMTĐ Srêpôk 3 MR và Buôn Kuốp MR; Hợp tác góp vốn đầu tư Cụm Thủy điện nhỏ khu vực Tây Bắc; Nghiên cứu đầu tư nguồn điện gió trên bờ/ngoài khơi và loại hình năng lượng tái tạo khác theo Quy hoạch điện VIII.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác tiêu thụ tro xỉ của NMTĐ Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1 với khối lượng lớn và lâu dài, bền vững.
- Tiếp tục hoàn thiện: quản trị chuyên nghiệp, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực thành tổ chức học hỏi; sắp xếp lao động tối ưu, chuyên nghiệp, gắn tiền lương, thu nhập, cơ hội phát triển nghề nghiệp với hiệu quả công việc của từng cá nhân KPI.
- Bảo đảm công tác an ninh - quốc phòng; tích cực thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác kiểm soát nội bộ.





## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA EVNGENCO3

### ĐỊNH HƯỚNG DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN THỊ PHẦN

Nhận thức vai trò và vị trí trên thị trường phát điện, để phục vụ cho mục tiêu phát triển lâu dài và duy trì thị phần phù hợp trong giai đoạn tới, EVNGENCO3 đã và đang triển khai các định hướng chính như sau:

**Công tác sản xuất điện:** Tối đa sản xuất các nguồn điện hiện có và từng bước triển khai chuyển đổi nhiên liệu theo Nghị quyết số 121/NQ-HĐQT ngày 19/9/2022 về chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến 2035.

- » **Nhiệt điện than:** Với phương châm đa dạng hoá và chủ động nguồn cung nhiên liệu; tiếp tục tìm kiếm mua các nguồn than anthracite phù hợp trên thế giới để sử dụng vận hành trực tiếp cho các nhà máy, giảm dần sự phụ thuộc nguồn than trong nước ngày càng khan hiếm; triển khai nghiên cứu chuyển đổi vận hành phối trộn với Amonia, Biomass để giảm phát thải.
- » **Nhiệt điện khí:** Triển khai mua thêm khí LNG nhập khẩu để phát huy hiệu quả của các NMD Phú Mỹ, Bà Rịa có công nghệ thân thiện với môi trường. Nghiên cứu nâng cấp/đầu tư mới công nghệ để vận hành phối trộn với khí Hydrogen trong tương lai.
- » **Công tác đầu tư các dự án nguồn điện:** Dịch chuyển năng lượng sạch. Với các định hướng và tình hình tài chính vững vàng, EVNGENCO3 đặt mục tiêu phấn đấu tăng trưởng và duy trì tỷ lệ công suất lắp đặt hơn 10% so với hệ thống điện và đóng góp tỷ trọng sản lượng điện hàng năm vào khoảng 15% bằng việc phát triển đầu tư khoảng 2.700 MW nguồn điện mới bằng các công nghệ điện khí LNG, thủy điện vừa/nhỏ và điện gió trên bờ, ngoài khơi.





## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA EVNGENCO3 (TIẾP THEO)

### ĐỊNH HƯỚNG VỀ CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG



**NHẬN THỨC RÕ MỤC TIÊU PHẢI PHÁT TRIỂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, EVNGENCO3 ĐÃ XÁC ĐỊNH CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG SẠCH LÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI, ĐỂ CÙNG CHUNG TAY GIẢM THIỂU CÁC TÁC NHÂN GÂY BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.**

Ngày 19/9/2022, Hội đồng Quản trị EVNGENCO3 ban hành Nghị quyết số 121/NQ-HĐQT về chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến 2035. Hiệu lệnh đã ban ra, đoàn tàu EVNGENCO3 lần bánh trên con đường chuyển dịch năng lượng sạch.

Con đường chuyển dịch năng lượng sạch với nhiều tiềm năng và cũng lắm thách thức phải vượt qua để đạt được các mục tiêu đến 2035 và xa hơn nữa. Một chặng đường cần quyết tâm mạnh mẽ và hành động cụ thể để vượt qua.



Trong giai đoạn đầu của hành trình này, các nhà máy nhiệt điện than của EVNGENCO3 sẽ được ưu tiên đầu tư với mục tiêu đảm bảo phát thải bằng các giải pháp nâng cấp cải tiến thiết bị môi trường, thu giữ cacbon. Ngoài ra, áp dụng các công nghệ đốt trộn Amonia, đốt trộn Biomass cũng sẽ góp phần cho việc đảm bảo phát thải của các nhà máy điện than.

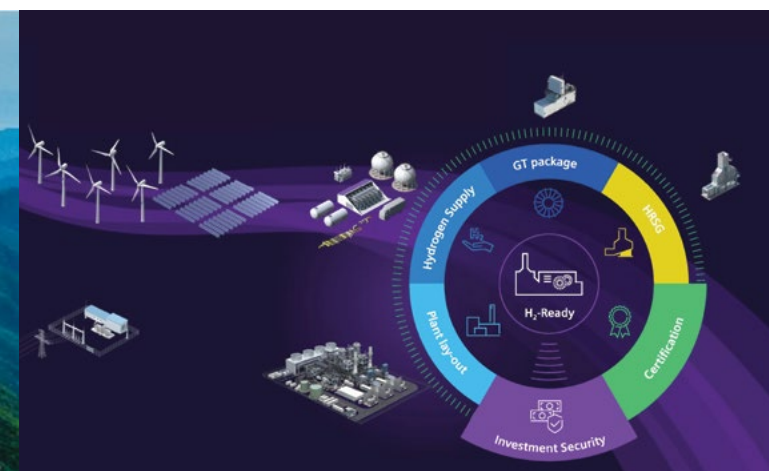
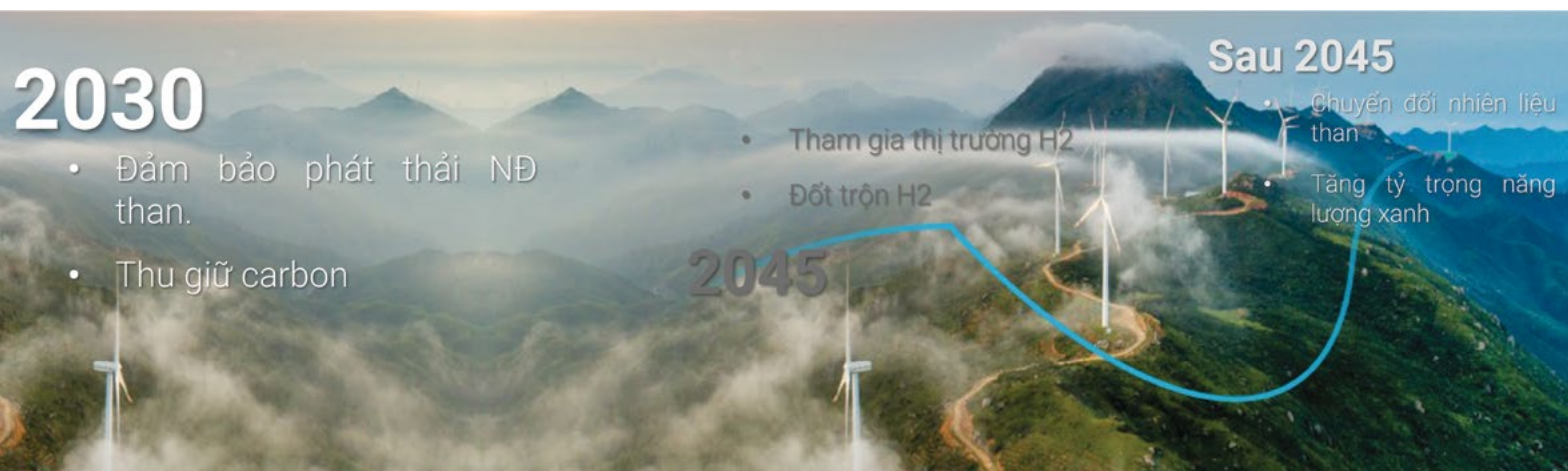
Đối với các turbine khí, việc chuyển dịch năng lượng sạch sẽ được thực hiện trong giai đoạn sau, trong đó việc đốt trộn được Hydro là ưu tiên hàng đầu. Các turbine khí hiện hữu sẽ được nâng cấp cải tiến, các dự án mới phải lựa chọn công nghệ đảm bảo việc đốt trộn Hydro và có thể mở rộng cho tương lai. Bên cạnh đó, EVNGENCO3 cũng sẽ tham gia vào nhiều lĩnh vực của thị trường Hydro đang rất sôi động và đầy tiềm năng hiện nay.



Không chỉ là định hướng, ngay lúc này EVNGENCO3 cùng với nhiều đối tác sẵn sàng về công nghệ, mong muốn đồng hành cùng EVNGENCO3 hiện thực hóa mục tiêu chuyển dịch năng lượng sạch bằng những dự án với tổng công suất khoảng 2.700 MW:

- » Nhà máy điện khí LNG Long Sơn 1: 1.500 MW
- » Điện gió ngoài khơi: 500 MW
- » Điện gió trên bờ: 250 MW
- » Thủy điện Srêpốck 3 mở rộng: 110 MW
- » Thủy điện Buôn Kuốp mở rộng: 140 MW
- » Thủy điện vừa và nhỏ khu vực Tây Bắc: 200 MW

Với khát vọng vươn lên thực hiện trọn vẹn sứ mệnh của mình EVNGENCO3 tự tin đi đến đích trên hành trình chuyển dịch năng lượng sạch, phát triển bền vững, hướng đến một tương lai tươi sáng hơn cho thế hệ mai sau.





## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA EVNGENCO3 (TIẾP THEO)

### ĐỊNH HƯỚNG TÁI CƠ CẤU EVNGENCO3



TRONG SUỐT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, DOANH NGHIỆP LUÔN PHẢI ĐỐI MẶT VỚI NHỮNG NGUY CƠ, THÁCH THỨC ĐẾN TỪ MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI VÀ TỪ TRONG NỘI TẠI DOANH NGHIỆP. DO ĐÓ, TÁI CƠ CẤU NHẪM NÂNG CAO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ BẮT ĐẦU MỘT CHU KỲ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DOANH NGHIỆP LÀ RẤT CẦN THIẾT TRONG KỶ NGUYÊN KINH DOANH VUCA NGÀY NAY.

Quá trình tái cơ cấu được đánh dấu từ thời điểm 27/9/2018 khi EVNGENCO3 là Tổng Công ty phát điện đầu tiên trong EVN chính thức chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, cổ phiếu PGV chính thức giao dịch trên sàn UpCom. Gần 4 năm sau đó, ngày 10/02/2022 cổ phiếu PGV chính thức niêm yết và giao dịch trên sàn HOSE, với những chuẩn mực cao hơn trong hoạt động niêm yết, quản trị công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn, mở ra cơ hội đưa EVNGENCO3 đến gần hơn với các Nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước để tiếp tục thúc đẩy quá trình tái cơ cấu theo định hướng chiến lược phát triển của EVNGENCO3.

Hiện nay, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Điện lực Việt Nam giai đoạn 2021-2025, theo đó EVN sẽ thực hiện giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần tại EVNGENCO3 xuống mức 51% vốn điều lệ.

Để chuẩn bị cho lộ trình tái cơ cấu trong giai đoạn tới, EVNGENCO3 đã và đang tiếp tục tìm kiếm các Nhà đầu tư tiềm năng, đặc biệt là các Nhà đầu tư chuyên nghiệp về tài chính, công nghệ,... và các Tập đoàn lớn trên Thế giới trong cùng lĩnh vực hoặc lĩnh vực tương đồng để tham gia mua cổ phần và trở thành cổ đông lớn của Tổng Công ty. Với sự tham gia của các Nhà đầu tư lớn, EVNGENCO3 mong muốn sẽ tiếp tục nâng cao nguồn lực và hướng đến một giai đoạn phát triển mới cùng với sự phát triển của ngành điện Việt Nam.





## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA EVNGENCO3 (TIẾP THEO)

### ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CUNG CẤP DỊCH VỤ

#### CUNG CẤP DỊCH VỤ SỬA CHỮA - VẬN HÀNH O&M

Với nền tảng hơn 25 năm sửa chữa các loại hình nhiệt điện của các nhà sản xuất MPW, GE, Siemens, Doosan, SEC,... Công ty EPS (chi nhánh của EVNGENCO3) đã không ngừng tích lũy kinh nghiệm, làm chủ công nghệ, phát triển thị trường và hiện nay đã thực hiện sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn các nhà máy điện thuộc EVNGENCO3 và EVN với tổng công suất gần 6.700 MW.

Bên cạnh duy trì thị trường, Công ty EPS không ngừng được đào tạo chuyên sâu về sửa chữa bảo dưỡng tuabin, máy phát, lò hơi, tuabin gió, công nghệ gia công chế tạo, công nghệ tối ưu hóa vận hành lò hơi, cân bằng động,... tại các nước tiên tiến trên thế giới nhằm hướng đến cung cấp dịch vụ Vận hành và bảo dưỡng trọn gói cho các nhà máy điện trong và ngoài nước.



#### CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cũng là thế mạnh của EVNGENCO3. Với kinh nghiệm hơn 25 năm tham gia phát triển đầu tư, xây dựng các dự án trung tâm điện lực quy mô lớn gồm tuabin khí chu trình hỗn hợp ở Phú Mỹ, nhiệt điện than ở Vĩnh Tân và Mông Dương, thủy điện (ở Buôn Kuốp, Bản Chát),... trong thời gian tới EVNGENCO3 sẽ là đối tác tin cậy cung cấp dịch vụ quản lý các dự án điện trong và ngoài ngành.

### LỄ KÝ KẾT BẢN GHI NHỚ MOU SIGNING CEREMONY

hợp Tác Phát Triển Công Nghệ Vận Hành và Bảo Dưỡng Nhà Máy Điện  
Cooperation on Operation and Maintenance Power Plant Engineer Training Program



of Synchronizing #1 for Vinh Ta  
2017 . 10. 3.



### KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

ĐẠI DIỆN, MÃ CHẤT VÀ  
LÀ MÃ CHẤT ĐIỆN P PHU



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

# NGUỒN NHÂN LỰC Bộ phận đưa EVNGENCO3 CẤT CÁNH BAY CAO



Con người luôn là gốc rễ của mọi sự phát triển, đổi mới và góp phần quan trọng trong việc cải tổ, phát triển, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ và cả ngành Điện Việt Nam đang tập trung vào quá trình chuyển dịch năng lượng, hướng tới giảm thải carbon bằng 0 theo cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị COP 26.

*Chia sẻ của Đ/c Trần Đình Nhân  
Tổng Giám đốc EVN tại Hội nghị TC&NS EVN*

Song hành với chiến lược chuyển đổi số và chuyển dịch năng lượng sạch, EVNGENCO3 chủ động triển khai các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực để “đi trước một bước”, trong đó “tinh thần khai phóng” là nét chủ đạo trong các khóa học tập và đào tạo kỹ năng mềm với tiêu chí “thấu hiểu để được hiểu”, xác lập tinh thần cùng nhau tạo ra sự khác biệt, đa dạng, hợp tác đưa ra quyết định là nét riêng của EVNGENCO3.



Cán bộ quản lý có vai trò tiên phong trong đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị, thích ứng linh hoạt để dẫn dắt và xây dựng đội ngũ CBCNV có trình độ kỹ thuật cao, tác phong chuyên nghiệp, đáp ứng được các yêu cầu phát triển ngành điện theo chuẩn mực quốc tế. Đội ngũ kỹ thuật của EVNGENCO3 được đào tạo chuyên môn sâu, nắm bắt và làm chủ công nghệ và hệ thống thiết bị, thay thế được các chuyên gia nước ngoài, quản lý vận hành hệ thống điện an toàn, hướng đến dịch vụ cung ứng nguồn lực chất lượng cao về vận hành, sửa chữa các loại hình công nghệ.

Với tinh thần chủ động “đi trước một bước” EVNGENCO3 đã chuẩn bị mọi nguồn lực về quản trị, QLDA, công nghệ vận hành, sửa chữa theo định hướng chiến lược phát triển năng lượng sạch góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển bền vững trong xu thế chuyển dịch năng lượng, điển hình là chương trình đào tạo công nghệ tuabin điện gió tại Mỹ, đào tạo điện gió offshore tại Úc, Đào tạo sửa chữa tuabin hơi tại GE, Hoa Kỳ,... và nhiều chương trình đào tạo khác.

Bước sang một chặng đường mới với khát vọng chinh phục các mục tiêu mới để tiếp tục bứt phá vươn xa hơn nữa, EVNGENCO3 với sự tràn đầy nhiệt huyết sức trẻ của các “chiến binh” trên các mặt trận từ quản lý vận hành, kỹ thuật, quản lý dự án, quản trị tiên tiến, cùng tinh thần không ngừng đổi mới tư duy sáng tạo, tinh thần khai phóng, chắc chắn rằng tập thể EVNGENCO3 sẽ tiếp tục cùng nhau tạo nên những giá trị mới, đa dạng và khác biệt trong hành trình tiếp theo.





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG NĂM 2022

- Giá than thế giới tăng cao bất thường gây khó khăn cho công tác cung ứng nhiên liệu; Giá nhiên liệu khí trong nước tăng theo giá dầu thế giới và nguồn khí suy giảm đã ảnh hưởng đến cơ hội được huy động của các nhà máy nhiệt điện khí của Tổng Công ty;
- Nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) chiếm tỷ trọng lớn và được ưu tiên huy động, đặc biệt là ảnh hưởng của điện mặt trời trong khoảng thời gian từ 09÷16 giờ hàng ngày.
- Các NMĐ khí đều phải phát ở công suất tối thiểu hoặc vận hành theo phương thức khởi động/dừng hàng ngày (Daily Start/Stop).
- Kết quả sản xuất kinh doanh đối diện với một số thử thách nhất định do tỷ giá hối đoái và lãi suất biến động mạnh.

MỘT SỐ KẾT QUẢ, THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2022

Sản lượng điện  
sản xuất năm 2022  
**32,242**  
tỷ kWh  
đạt 101,23%  
so với kế hoạch

Năm 2022, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do những biến động ảnh hưởng đến giá thành và nguồn cung ứng nhiên liệu, nhưng với tinh thần nỗ lực, quyết tâm cao của tập thể Ban Lãnh đạo và đội ngũ nhân viên EVNGENCO3 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, cụ thể như sau:

» Sản lượng điện sản xuất năm 2022 của EVNGENCO3 (bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các công ty con, công ty liên kết EVNGENCO3 có cử người đại diện) đạt 32,242 tỷ kWh, đạt 101,23% so với kế hoạch. Trong điều kiện khó khăn về nhiên liệu, cung ứng than bị thiếu hụt, EVNGENCO3 vẫn đảm bảo được kế hoạch sản lượng điện, điều này cho thấy sự linh hoạt và thích ứng trong điều hành công tác sản xuất.

Chi tiết sản lượng điện sản xuất của các đơn vị như sau:

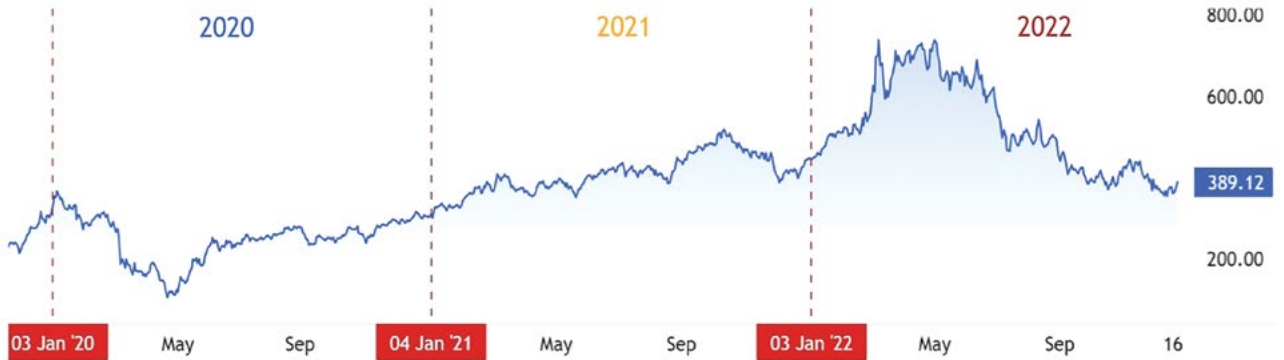
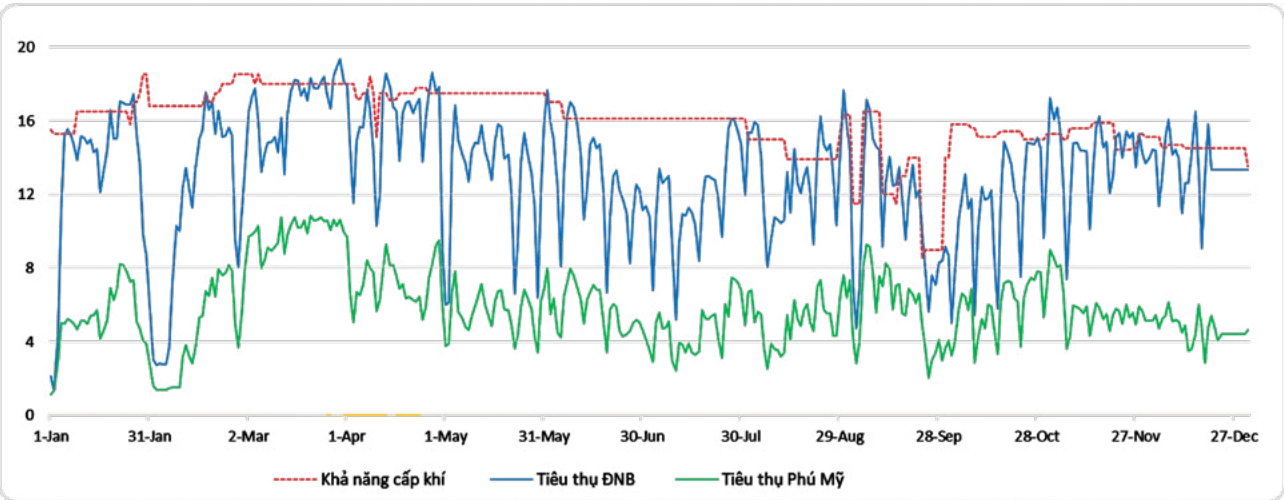
| STT       | Đơn vị                     | KH ĐHCĐ | TH 2022 | So sánh (%) |        |
|-----------|----------------------------|---------|---------|-------------|--------|
|           |                            |         |         | Cùng kỳ     | KH năm |
| I.        | Công ty mẹ                 | 28.472  | 28.141  | 108,65      | 98,84  |
| 1         | CTNĐ Phú Mỹ                | 11.561  | 11.060  | 113,08      | 95,67  |
| 2         | CTNĐ Vĩnh Tân              | 7.269   | 6.760   | 98,80       | 93,00  |
| 2.1       | NMĐ Vĩnh Tân 2             | 7.210   | 6.711   | 98,84       | 93,08  |
| 2.2       | ĐMT Vĩnh Tân 2             | 59,0    | 49,5    | 93,89       | 83,94  |
| 3         | CTNĐ Mông Dương            | 6.996   | 7.020   | 105,84      | 100,34 |
| 4         | CTTĐ Buôn Kuốp             | 2.645   | 3.300   | 124,76      | 124,76 |
| II.       | Công ty cổ phần            | 3.380   | 4.101   | 111,03      | 121,33 |
| 1         | CTCP NĐ Bà Rịa             | 425     | 169     | 25,05       | 39,66  |
| 2         | CTCP NĐ Ninh Bình          | 346     | 409     | 94,43       | 118,21 |
| 3         | CTCP TĐ Vĩnh Sơn-Sông Hình | 1.857   | 2.616   | 146,02      | 140,86 |
| 4         | CTCP TĐ Thác Bà            | 345     | 409     | 119,96      | 118,50 |
| 5         | CTCP TĐ Sê San 3A          | 407     | 498     | 109,50      | 122,56 |
| Tổng cộng |                            | 31.852  | 32.242  | 108,95      | 101,23 |

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO NHIÊN LIỆU CHO SẢN XUẤT



NHIÊN LIỆU KHÍ

Năm 2022, nhiên liệu khí cơ bản đáp ứng cho nhu cầu sản xuất điện theo kế hoạch phê duyệt của Bộ Công Thương. Khí tiêu thụ của các NMĐ khu vực Đông Nam bộ khoảng 12,9 triệu m<sup>3</sup>/ngày và của các NMĐ Phú Mỹ là 5,8 triệu m<sup>3</sup>/ngày. Tuy nhiên, do khả năng cấp khí tối đa bị hạn chế nên trong một số chu kỳ phụ tải tăng cao, tình trạng thiếu khí cho phát điện vẫn xảy ra.



Biểu đồ giá dầu HSFO tăng cao trong năm 2022



GIÁ DẦU THẾ GIỚI TĂNG CAO DO CUỘC KHỦNG HOẢNG NĂNG LƯỢNG TOÀN CẦU ĐÃ KÉO THEO GIÁ KHÍ TRONG NƯỚC TĂNG CAO. GIÁ KHÍ BÌNH QUÂN TRONG NĂM 2022 LÀ 8,83 USD/MMBTU, TĂNG 23,6% SO VỚI NĂM 2021.



Năm 2022, thị trường than thế giới xảy ra nhiều sự kiện bất lợi ảnh hưởng đến cung ứng than như: nhu cầu than tăng mạnh cho phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19, việc tạm ngừng xuất khẩu than của Indonesia trong tháng 01/2022, cuộc chiến giữa Nga - Ucraina,... dẫn đến nguồn cung cấp than bị gián đoạn và đẩy giá than tăng cao đột biến làm cho việc mua than nhập khẩu gặp nhiều khó khăn phần nào ảnh hưởng đến cung ứng than nói chung và các NMD của TCT nói riêng.

### NHIÊN LIỆU THAN

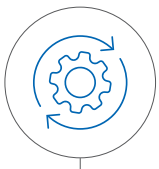


Năm 2022 giá than nhập khẩu Nam Phi (API 4) tăng cao

### KẾT QUẢ CUNG ỨNG THAN NĂM 2022

**CTND Vĩnh Tân:** Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) cung cấp 1,34 triệu tấn, Tổng Công ty Đông Bắc 1,43 triệu tấn, đạt khối lượng hợp đồng, EVNGENCO3 tự mua 0,53 triệu tấn.

**CTND Mông Dương:** Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) cung cấp 3,04 triệu tấn đạt theo hợp đồng, Tổng Công ty Đông Bắc cung cấp khoảng 0,22 triệu tấn, đảm bảo nhu cầu sản xuất.



### ĐẢM BẢO CÔNG TÁC SỬA CHỮA LỚN

Năm 2022, các đơn vị HTPT đã hoàn thành 06 công trình sửa chữa lớn các tổ máy (Phụ Mỹ 1: Trung tu TI GT11, Trung tu TI GT12 và Trung tu CI GT13; Phú Mỹ 4: Đại tu GT42; Mông Dương 1: Trung tu tổ máy S1; BuônTuaSrah: Đại tu Tổ máy H1) đảm bảo an toàn, chất lượng, vượt tiến độ 14 ngày.

Trong năm 2022, công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3 (EPS) cũng đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, ứng dụng công nghệ RCM, RMS trong công tác bảo dưỡng sửa chữa, đảm bảo cho các nhà máy điện vận hành ổn định, an toàn tin cậy. Đồng thời, EPS cũng đã hoàn thành bộ định mức sửa chữa lớn tổ máy 600MW nhiệt điện than được Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phê duyệt.



#### CỔ PHIẾU PGV CHÍNH THỨC GIAO DỊCH TRÊN SÀN HOSE

Từ ngày 10/02/2022, cổ phiếu PGV chính thức chuyển niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Điều này khẳng định uy tín, sự minh bạch trong quản trị doanh nghiệp, mở ra nhiều cơ hội thực hiện các mục tiêu tái cấu trúc trong chiến lược phát triển của EVNGENCO3.



#### CÔNG TÁC ĐẢM BẢO MÔI TRƯỜNG

Các nhà máy điện của Tổng Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy định về môi trường, các thông số được công khai, minh bạch và truyền trực tiếp về Sở TN&MT địa phương để giám sát và luôn đảm bảo nằm trong tiêu chuẩn cho phép. Các nhà máy nhiệt điện than tiếp tục tăng cường mật độ phủ xanh với diện tích cây xanh, thảm cỏ đã đạt hơn 30% trên tổng diện tích của các nhà máy.

### KẾT QUẢ SXKD NĂM 2022 CỦA CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY

| STT | Chỉ tiêu                  | ĐVT     | KH 2022 | TH 2022           | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------------|---------|---------|-------------------|-----------|
| 1   | Tổng doanh thu            | tỷ đồng | 45.417  | 46.382            | 102,13%   |
| 2   | Tổng chi phí              | tỷ đồng | 43.199  | 43.681            | 101,12%   |
| 3   | Tổng lợi nhuận trước thuế | tỷ đồng | 2.218   | 2.701             | 121,78%   |
| 4   | Cổ tức                    | %       | 11%     | Đảm bảo tỷ lệ 11% | 100%      |



#### Nhận xét

Tổng Công ty đạt các chỉ tiêu KH ĐHCĐ giao, cổ tức năm 2022 sẽ trình ĐHCĐ thường niên 2023 thông qua

Nộp ngân sách Nhà nước năm 2022 của Công ty mẹ Tổng Công ty là 2.079 tỷ đồng.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

DOANH THU



DOANH THU CỦA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY NĂM 2022 ĐẠT 45.342 TỶ ĐỒNG, TĂNG 29,8% SO VỚI NĂM 2021 DO GIÁ NHIÊN LIỆU THAN, KHÍ TĂNG SO VỚI NĂM 2021.

| STT | Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 2021   | 2022   | Tăng/Giảm (%) |
|-----|---------------------------------------------|--------|--------|---------------|
| 1   | Doanh thu bán điện Công ty mẹ               | 34.925 | 45.342 | 29,8%         |
| 1.1 | Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ                   | 15.519 | 20.132 | 29,7%         |
| 1.2 | Công ty Thủy điện Buôn Kuốp                 | 1.764  | 3.010  | 70,7%         |
| 1.3 | Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân                 | 9.289  | 11.033 | 18,8%         |
| 1.4 | Công ty Nhiệt điện Mông Dương               | 8.353  | 11.166 | 33,7%         |
| 2   | Doanh thu tại công ty con và doanh thu khác | 2.833  | 1.945  | -31,3%        |
|     | Tổng cộng doanh thu hợp nhất                | 37.758 | 47.287 | 25,2%         |



TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TỶ ĐỒNG)

47.287



TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)

3.057



TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ ĐỒNG)

2.550

LỢI NHUẬN

| STT        | CHỈ TIÊU                                    | TH 2021 | KH 2022 | TH 2022 | TH/ KH2022 | TĂNG/ GIẢM (%) |
|------------|---------------------------------------------|---------|---------|---------|------------|----------------|
| Công ty mẹ |                                             |         |         |         |            |                |
| 1          | Lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG) | 2.516   | 1.905   | 3.236   | 169,85%    | 28,64%         |
| 2          | Lợi nhuận trước thuế                        | 3.726   | 2.218   | 2.701   | 121,78%    | -27,51%        |
| 3          | Lợi nhuận sau thuế                          | 3.022   | 1.827   | 2.207   | 120,81%    | -26,96%        |
| Hợp nhất   |                                             |         |         |         |            |                |
| 1          | Lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG) | 2.612   | 1.970   | 3.293   | 167,09%    | 26,05%         |
| 2          | Lợi nhuận trước thuế                        | 3.912   | 2.334   | 3.057   | 131,01%    | -21,85%        |
| 3          | Lợi nhuận sau thuế                          | 3.179   | 1.920   | 2.550   | 132,84%    | -19,79%        |

Trong năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện các giải pháp tối ưu sản xuất do đó lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG) là 3.236 tỷ đồng, đạt 169,85% kế hoạch năm và tăng 28,64% so với năm 2021. Năm 2022, Công ty mẹ Tổng Công ty đạt lợi nhuận trước thuế ở mức 2.701 tỷ đồng, đạt 121,78% kế hoạch, tuy nhiên giảm 27,51% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 2.207 tỷ đồng, đạt 120,81% kế hoạch được thông qua tại ĐHĐCĐ.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| CHỈ TIÊU                                | ĐVT | 2021   | 2022   | TĂNG/GIẢM (+/-) |
|-----------------------------------------|-----|--------|--------|-----------------|
| Khả năng thanh khoản                    |     |        |        |                 |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn            | Lần | 1,8    | 1,5    | (0,26)          |
| Khả năng thanh toán nhanh               | Lần | 1,51   | 1,40   | (0,11)          |
| Khả năng thanh toán tức thời            | Lần | 0,23   | 0,13   | (0,10)          |
| Cơ cấu tài sản                          |     |        |        |                 |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản           | %   | 27,70% | 30,63% | 7,93%           |
| Tài sản dài hạn/Tổng tài sản            | %   | 72,30% | 69,37% | -2,93%          |
| Cơ cấu nguồn vốn                        |     |        |        |                 |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn              | %   | 74,38% | 73,36% | -1,02%          |
| Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn            | %   | 25,62% | 26,64% | 1,02%           |
| Hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu        | Lần | 2,90   | 2,75   | (0,15)          |
| Năng lực hoạt động                      |     |        |        |                 |
| Vòng quay tổng tài sản                  | Lần | 0,54   | 0,70   | 0,16            |
| Vòng quay tài sản cố định               | Lần | 0,81   | 1,11   | 0,30            |
| Khả năng sinh lời                       |     |        |        |                 |
| Tỷ suất sinh lời của Tổng tài sản (ROA) | %   | 4,51%  | 3,80%  | -0,71%          |
| Tỷ suất sinh lời Vốn chủ sở hữu (ROE)   | %   | 19,64% | 14,55% | -5,09%          |
| Hệ số bảo toàn vốn                      | Lần | 1,16   | 1,01   | (0,15)          |

ĐÁNH GIÁ/NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

**Về khả năng thanh toán:** Năm 2022, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của EVNGENCO3 là 1,5 lần, hệ số khả năng thanh toán nhanh là 1,4 lần, giảm nhẹ so với năm 2021. Các năm vừa qua, EVNGENCO3 luôn duy trì các hệ số tỷ suất thanh toán ngắn hạn và tỷ suất thanh toán nhanh đều > 1 cho thấy khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn của EVNGENCO3.

**Về cơ cấu vốn:** EVNGENCO3 là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, đặc thù tài chính của các nhà máy điện là cơ cấu nợ tương đối cao. EVNGENCO3 có nguồn thu ổn định từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, Tổng Công ty xây dựng lộ trình trả nợ dài hạn đều đặn. Năm 2022, nợ phải trả chiếm 73,36% trên tổng nguồn vốn của Tổng Công ty, giảm 1,02% so với năm 2021. Cấu trúc vốn của EVNGENCO3 đang dần trở nên lành mạnh hơn, đòn bẩy tài chính giảm dần qua các năm. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 3,87 lần (31/12/2020) xuống còn 2,75 lần (31/12/2022), đảm bảo an toàn tài chính.

**Về năng lực hoạt động:** Hệ số vòng quay tổng tài sản và vòng quay tài sản cố định tăng tương ứng 0,16 lần và 0,3 lần so với năm 2021 cho thấy hiệu quả của việc sử dụng tài sản ngày càng tăng. Với đặc thù hoạt động kinh doanh có sử dụng tài sản cố định lớn, EVNGENCO3 luôn chú trọng đến việc quản trị chi phí hoạt động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của tài sản. Đồng thời, các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định luôn được EVNGENCO3 chú trọng trong những năm qua.

**Về khả năng sinh lời:** Các chỉ số về khả năng sinh lời của EVNGENCO3 giảm so với cùng kỳ năm 2021. Năm 2022, ROE giảm từ mức 19,64% xuống 14,55% và ROA giảm từ 4,51% xuống mức 3,88%.

**Kết luận:** Nhìn chung, EVNGENCO3 đã ghi nhận một năm 2022 đảm bảo sản xuất điện ổn định dù giá nguyên liệu tăng cao và tỷ giá biến động mạnh. Ngoài việc cải thiện đáng kể hệ số nợ, EVNGENCO3 còn duy trì được khả năng sinh lời cho đến hiệu quả sử dụng tài sản - nguồn vốn của chủ sở hữu.



## DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

|   | BAN ĐIỀU HÀNH                | CHỨC VỤ                                        |
|---|------------------------------|------------------------------------------------|
| 1 | Ông Lê Văn Danh              | Tổng Giám đốc                                  |
| 2 | Ông Cao Minh Trung           | Phó Tổng Giám đốc Sửa chữa và Công nghệ        |
| 3 | Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương | Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Thị trường điện |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Thanh Hương    | Phó Tổng Giám đốc Kinh tế - Tài Chính          |
| 5 | Ông Võ Minh Thắng            | Phó Tổng Giám đốc Đầu tư - Xây dựng            |
| 6 | Bà Vũ Phương Thảo            | Kế toán trưởng                                 |

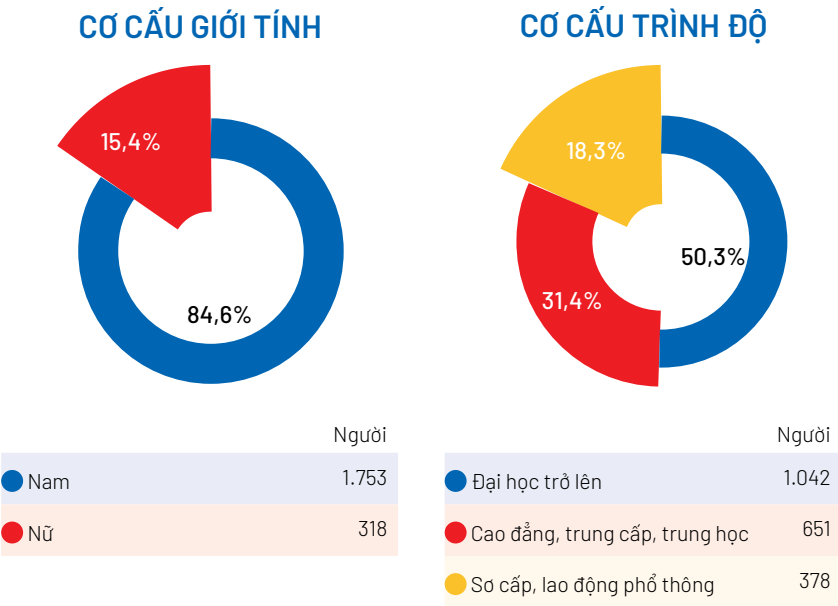
## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

Năm 2022, EVNGENCO3 không có sự thay đổi trong Ban Điều hành



## NHÂN SỰ CÁN BỘ NHÂN VIÊN

TỔNG CÔNG TY THƯỜNG XUYÊN SẮP XẾP TỐI ƯU LAO ĐỘNG, TUYỂN DỤNG VÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG THẤP HƠN KẾ HOẠCH ĐƯỢC GIAO, LAO ĐỘNG SXKD ĐIỆN BÌNH QUÂN LÀ 2.055 NGƯỜI (KH LÀ 2.075 NGƯỜI), TRONG ĐÓ CÔNG TY MẸ LÀ 1.392 NGƯỜI (KH LÀ 1.393 NGƯỜI). TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2022, SỐ LAO ĐỘNG CƠ QUAN TCT VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC LÀ 2.071 NGƯỜI. THEO ĐÓ:



Năng suất lao động đạt kế hoạch được giao:

| STT | Chỉ tiêu                             | ĐVT       | KH 2022 | TH 2022 |
|-----|--------------------------------------|-----------|---------|---------|
| 1   | Điện sản xuất/lao động               | Tr.kWh/ng | 13,37   | 13,97   |
|     | Trong đó Công ty mẹ                  | Tr.kWh/ng | 19,65   | 20,22   |
| 2   | Số lao động/đơn vị công suất lắp đặt | Người/MW  | 0,35    | 0,35    |
|     | Trong đó Công ty mẹ                  | Người/MW  | 0,25    | 0,25    |

## NHỮNG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc tại EVNGENCO3 là 8h/ngày. Mỗi tuần người lao động được nghỉ ít nhất 48h liên tục. Tất cả cán bộ, công nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động.



**Ưu đãi và phúc lợi:** Tổng Công ty đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

**Những ưu đãi và phúc lợi bao gồm:** Chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động. Chúng tôi còn thường xuyên rà soát, điều chỉnh chính sách phúc lợi, tạo thêm nhiều ưu đãi thiết thực để đảm bảo an sinh cho toàn thể cán bộ nhân viên.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



EVNGENCO3 TẬP TRUNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN NHƯ: DỰ ÁN NÂNG CẤP CẢNG THAN VÀ CẢNG DẦU NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 2, CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MẶT TRỜI PHỤC VỤ ĐIỆN TỰ DÙNG NHÀ MÁY, CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CHO DỰ ÁN TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC LONG SƠN, THỦY ĐIỆN VỪA VÀ NHỎ, CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI. TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỰC HIỆN NĂM 2022 ĐẠT 86,41% SO VỚI KẾ HOẠCH.

TỔNG GIÁ TRỊ ĐTXD  
thực hiện năm 2022 đạt  
**86,41%**  
so với kế hoạch



| Thực hiện năm 2022 (triệu đồng) |                        |           |           |           |         |                |
|---------------------------------|------------------------|-----------|-----------|-----------|---------|----------------|
| TT                              | Danh mục               | KH 2022   | Thực hiện | Giải ngân | % TH/KH | % giải ngân/KH |
| 1                               | Trả nợ gốc             | 4.851.413 | 5.028.227 | 5.028.227 | 103,64  | 103,64         |
| 2                               | Góp vốn các dự án điện | 199.849   | -         | -         | 0       | 0              |
| 3                               | Đầu tư thuần           | 918.568   | 130.021   | 108.588   | 14,15   | 11,82          |
| Tổng cộng                       |                        | 5.969.830 | 5.158.248 |           | 86,41   | 86,05          |

### BÊN CẠNH NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC, VẪN CÒN MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

» Các hạng mục ĐTXD còn vướng các thủ tục nên không đạt tiến độ kế hoạch và khối lượng ĐTXD thấp.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

|    |                                          | Năm 2022 (triệu đồng)    |           |                    |         |
|----|------------------------------------------|--------------------------|-----------|--------------------|---------|
|    |                                          | Sản lượng điện (tr. kWh) | Doanh thu | Lợi nhuận sau thuế | ROE (%) |
| TT | Các Công ty có vốn góp của EVNGENCO3     |                          |           |                    |         |
| 1  | CTCP Nhiệt điện Bà Rịa                   | 168,58                   | 599.408   | 70.744             | 12%     |
| 2  | CTCP Nhiệt điện Ninh Bình                | 409,07                   | 932.671   | 24.264             | 19%     |
| 3  | CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh      | 2.616,15                 | 3.094.609 | 1.264.845          | 54%     |
| 4  | CTCP Thủy điện Thác Bà                   | 408,83                   | 742.224   | 378.788            | 59%     |
| 5  | CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A | 498,39                   | 422.655   | 130.899            | 47%     |
| 6  | Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE-PMTP  | -                        | 236.358   | 32.146             | 6,4%    |

Sản lượng điện (SLĐ) sản xuất năm 2022 của các công ty con và công ty liên kết của EVNGENCO3 đạt 4,101 tỷ kWh, đạt 121,33% so với kế hoạch

- » Trong năm 2022, các CTCP sản xuất kinh doanh đều có lãi, bảo toàn và phát triển vốn.
- » Lợi nhuận sau thuế năm 2022 của các đơn vị vượt so với kế hoạch ĐHCĐ giao như VSH đạt 241%, TBC đạt 230% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ của một số đơn vị tương đối cao như TBC là 59%, VSH là 54%, S3A là 47%.



**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ,  
NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG**



ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐÃ HOÀN THÀNH 24 NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021- 2022.

**CÁC CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ TIÊU BIỂU HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2022**

- » Hệ thống giám sát và chẩn đoán từ xa RMS cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1.
- » Triển khai đầy đủ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị theo phương pháp RCM cho các NMNĐ.
- » Hệ thống thu thập dữ liệu thủy văn và cảnh báo lũ với các hạng mục chính như: xây dựng mô hình dự báo dòng chảy, huấn luyện mạng Nơ-ron cho các hồ chứa; xây dựng các bản đồ số hiển thị các công trình, mốc ranh, trạm cảnh báo, phạm vi ngập lụt, tích hợp lên website; xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du, ...
- » Phần mềm Elogbook cho các NMNĐ với các chức năng nổi bật như: Quản lý thông số, Nhật ký vận hành, Quản lý Phiếu công tác, Phiếu thao tác, cho phép nhập liệu bằng giọng nói, nhận dạng thiết bị thông qua RFID.QR Code, giao nhận ca bằng chữ ký số, ...



**CÁC CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ TIÊU BIỂU HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2022**

- » Cập nhật dữ liệu của phần mềm PMIS, vượt kế hoạch EVN giao: Tổng số hệ thống thiết bị của các NMNĐ đã nhập lên PMIS là 126.128, đạt 100% thiết bị được số hóa (tăng 17,2% so với năm 2021) cho 06 trường dữ liệu.
- » Hoàn thành công tác quản lý dự án với các nhiệm vụ chính như: ứng dụng nhật ký công trình điện tử, áp dụng phần mềm quản lý tiến độ BIM, số hóa công tác quản lý mua sắm thiết bị cho dự án, ...
- » Đưa vào sử dụng 90 Dashboard trên hệ thống Báo cáo quản trị, điều hành BI để phục vụ nhu cầu khai thác phân tích, đánh giá số liệu hàng ngày trong các lĩnh vực hoạt động của TCT.
- » Triển khai số hóa 14 quy trình nội bộ của TCT trên nền tảng Base.vn.
- » Triển khai Ứng dụng di động phục vụ Người lao động - SmartEVN trong toàn Tổng Công ty.
- » Phần mềm quản lý kho vật tư thông minh (WMS) và chuẩn hóa mã vật tư (eCAT): triển khai xây dựng và đưa vào vận hành thử nghiệm phần mềm WMS tại Công ty Thủy điện Buôn Kuốp từ ngày 19/12/2022 trước khi áp dụng trong toàn bộ Tổng Công ty.



**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Năm 2022, EVNGENCO3 quyết tâm triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao chỉ tiêu kỹ thuật, tối ưu hóa chi phí SXKD, thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, góp phần vào sự phát triển của ngành Điện Việt Nam.

**ĐẢM BẢO CÔNG TÁC SẢN XUẤT ĐIỆN ỔN ĐỊNH**

- Các nhà máy điện của EVNGENCO3 đảm bảo an toàn vận hành, đáp ứng tốt yêu cầu huy động của Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (A0), tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về môi trường và thị trường điện, hiệu quả cao. Đồng thời, phát huy tối đa mọi nguồn lực đảm bảo nâng cao năng lực sửa chữa bảo dưỡng thiết bị hướng tới nâng cao hoạt động tin cậy và ổn định thiết bị, hệ thống điện (RCM).
- Năm 2022, tổng sản lượng điện toàn Tổng Công ty đạt 32.242 tỷ kWh đạt 101,23% kế hoạch.

**CƠ CẤU NGUỒN VỐN TỐI ƯU**

- EVNGENCO3 phấn đấu duy trì cơ cấu vốn lành mạnh, phù hợp với môi trường kinh doanh, nhưng phải linh hoạt tận dụng tối đa những cơ hội của thị trường để có thể huy động được nguồn vốn tốt. Đồng thời, lựa chọn linh hoạt các công cụ tài chính khác nhau của thị trường nợ & thị trường vốn, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn nhằm đảm bảo dòng tiền được sử dụng hợp lý với chi phí vốn tốt nhất.
- Năm 2022, doanh thu của toàn Tổng Công ty đạt 48.156 tỷ đồng, đạt 102,25% kế hoạch và bằng 122,67% so với cùng kỳ năm 2021. Doanh thu Công ty Mẹ năm 2022 đạt 46.382 tỷ đồng, bằng 102,13% KH và bằng 125,11% so với cùng kỳ năm 2021.
- Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng Công ty đạt 3.057 tỷ đồng, bằng 131,01% KH năm và bằng 78,15% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ năm 2022 đạt 2.701 tỷ đồng, bằng 121,78% KH năm 2022 và bằng 72,49% so với năm 2021.

**ĐÓNG GÓP CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

- Năm 2022, Công ty mẹ Tổng Công ty nộp ngân sách Nhà nước đạt 2.079 tỷ đồng.

**CÙNG CỐ NĂNG LỰC QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

- EVNGENCO3 luôn hướng tới sự phát triển một bộ máy quản trị gọn nhẹ, linh hoạt & hiệu quả. Chính vì vậy, việc củng cố năng lực quản trị là một trong những chiến lược trọng yếu trong năm 2023. Để làm được điều đó, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra các định hướng chính sau:
  - Tinh gọn bộ máy, tinh gọn hệ thống quy định, quy trình để tăng năng suất, hiệu quả.
  - Thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng công tác đào tạo nội bộ, đào tạo thực tế qua công việc và các khóa đào tạo đặc biệt chuyên sâu tại nước ngoài.
  - Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ kỹ thuật 4.0 và kinh nghiệm vào quản trị nhằm tạo ra những đột phá mới.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**TÀI SẢN**

- Tại thời điểm 31/12/2022, Tổng tài sản TCT đạt 66.218 tỷ đồng, giảm 1.739 tỷ đồng tương ứng giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó:
  - Tài sản ngắn hạn đạt 20.281 tỷ đồng, tăng 1.457 tỷ đồng tương ứng tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2021;
  - Tài sản dài hạn đạt 45.937 tỷ đồng, giảm 3.196 tỷ đồng tương ứng giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2021;

**NỢ PHẢI TRẢ**

- Tính đến hết ngày 31/12/2022, nợ phải trả của Tổng Công ty là 48.575 tỷ đồng, giảm 1.973 tỷ đồng, tương đương giảm 3,9% so với cùng kỳ

**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2023**

Tiếp tục xây dựng và triển khai các phương án lành mạnh hóa tài chính và nâng cao năng lực, sức hấp dẫn của EVNGENCO3 trên thị trường.

| Chỉ tiêu                                | ĐVT     | KH 2023 |
|-----------------------------------------|---------|---------|
| Tổng doanh thu                          | tỷ đồng | 48.456  |
| Tổng chi phí                            | tỷ đồng | 45.985  |
| Tổng lợi nhuận (chưa bao gồm CLTG)      | tỷ đồng | 2.472   |
| Trong đó:                               |         |         |
| Lợi nhuận SXKD điện (chưa bao gồm CLTG) | tỷ đồng | 1.976   |
| Lợi nhuận hoạt động tài chính và khác   | tỷ đồng | 495     |

Việc phân phối lợi nhuận (bao gồm nội dung chia cổ tức) sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.





## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

#### Chỉ tiêu thực hiện năm 2022 Công ty mẹ so với kế hoạch ĐHĐCĐ

- » Tổng Công ty đã hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 giao.
- » Công tác môi trường được Tổng Công ty đảm bảo, duy trì.

### ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY

Trong năm 2022, HĐQT đã chỉ đạo TCT hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết 81/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/6/2022 của ĐHĐCĐ, cụ thể:

- » HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo, kịp thời giải quyết những nội dung trọng tâm, nhiệm vụ cấp bách cũng như có định hướng dài hạn để đảm bảo các hoạt động TCT; thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua và ban hành đều trên cơ sở thống nhất cao (tỷ lệ 100%) của các thành viên HĐQT; thường xuyên duy trì việc kiểm tra, kiểm toán, giám sát đối với các hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.
- » Ban Điều hành đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD-TC-ĐTXD trong TCT kịp thời, hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định Điều lệ TCT, thực hiện các công việc theo đúng phân cấp và các chỉ đạo của HĐQT.



### VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. HĐQT luôn theo dõi hoạt động của Ban Điều hành, kịp thời giải quyết những kiến nghị/đề xuất của Ban Điều hành và các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
2. HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc trong Tổng Công ty (TCT) đảm bảo các công việc trong Tổng Công ty tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ tại Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ và các quy định của pháp luật liên quan.
3. Tham gia các cuộc họp giao ban tuần, tháng; theo dõi sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Tổng Công ty, kịp thời chỉ đạo đảm bảo các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao.
4. Chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành trong việc điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.
2. Điều hành của Ban Tổng Giám đốc nhất quán với định hướng của Hội đồng Quản trị và luôn bám sát thực tiễn, sáng tạo, chủ động tháo gỡ khó khăn và tạo được lợi nhuận ở mức tốt nhất. Có các biện pháp tích cực nâng cao hoạt động quản lý - vận hành thể hiện qua các quy định được ban hành.



**HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT  
ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TGD ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG**

- » Giám sát Tổng Công ty và các Công ty con trong việc công bố thông tin theo quy định.
- » Kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2021, thời gian thực hiện từ ngày 23/02 đến ngày 04/3/2022.
- » Lập báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (thực hiện vào tháng 04 năm 2022).
- » Thẩm định báo cáo quyết toán quỹ tiền lương sản xuất điện năm 2021 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 03/2022).
- » Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 03 năm 2022).
- » Thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2022 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 07 năm 2022).
- » Thẩm định kế hoạch tiền lương năm 2022 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 05 năm 2022).
- » Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn chọn nhóm 04 Công ty lớn nhất Việt Nam mời tham gia đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của toàn Tổng Công ty năm 2022 và giai đoạn năm 2023 - 2025.
- » Chủ trì và phối hợp Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tổng Công ty tổ chức giám sát kiểm toán độc lập PwC thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021 của Tổng Công ty (đã thực hiện trong năm 2021 và tháng 01, tháng 02 năm 2022);
- » Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ EVNGENCO3 một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.
- » Hợp sơ kết 6 tháng đầu năm 2022 vào ngày 12/7/2022 (họp trực tuyến).
- » Hợp tổng kết công tác kiểm soát năm 2022 vào ngày 29/11/2022.
- » Chủ trì và phối hợp Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tổng Công ty tổ chức giám sát Kiểm toán độc lập PwC thực hiện kiểm toán BCTC giữa niên độ năm 2022 thực hiện giám sát trong tháng 7 năm 2022; Giám sát công tác kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho tại các đơn vị vào cuối tháng 12/2022.
- » Thực hiện kiểm toán trực tiếp các mặt hoạt động của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp từ ngày 24 đến ngày 30/11/2022.

**SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT  
VỚI HĐQT, BAN TGD ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

- » Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát thông qua chương trình E-office, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, khi có yêu cầu.
- » Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý của Tổng Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.



**NHẬN XÉT CHUNG**

- » Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Ban, các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

**HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS**

- » Tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, tập huấn hàng năm về nghiệp vụ Kiểm toán nội bộ, giám sát tài chính và kiểm soát tuân thủ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức.
- » Tham dự các phiên họp của Hội đồng Quản trị và các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng của Tổng Công ty.

**CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC**

- » Không có

THÔNG TIN

VỀ CỔ PHIẾU

Mã chứng khoán

PGV



GIÁ TRỊ VỐN HÓA

THỊ TRƯỜNG

(TỶ ĐỒNG)

20.335

(tính đến ngày 31/12/2022)



CỔ ĐÔNG LỚN

Tập đoàn Điện lực Việt Nam

(chiếm 99,19%) – tương đương

1.114,42

TRIỆU CỔ PHIẾU



SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

LƯU HÀNH

(TRIỆU CỔ PHIẾU)

1.123,47

Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng

cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 5,5%

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN

NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

HOẶC CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

- Căn cứ
- »

Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/12/2022 bởi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
- »

Công văn số 2985/GENCO3-KH ngày 20/10/2021 của Tổng Công ty Phát điện 3 về việc điều chỉnh loại chứng khoán cho người sở hữu chứng khoán
- »

Công văn số 5464/CNVSD-ĐK ngày 25/10/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM về việc thay đổi loại chứng khoán – mã CK: PGV

| TT        | Họ và tên                | Chức vụ nắm giữ tại tổ chức niêm yết | Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng | Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (1) | Tổng số cổ phiếu sở hữu (2) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----------|--------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|------------------|
| 1         | Đinh Quốc Lâm            | Chủ tịch HĐQT                        | 23.455                          | 5.000                                 | 28.455                      | 0,003%           |
| 2         | Lê Văn Danh              | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc       | 12.600                          | -                                     | 12.600                      | 0,001%           |
| 3         | Trương Quốc Phúc         | Thành viên HĐQT                      | 6.720                           | -                                     | 6.720                       | 0,0006%          |
| 4         | Nguyễn Minh Khoa         | Thành viên HĐQT                      | -                               | -                                     | -                           | -                |
| 5         | Đỗ Mộng Hùng             | Thành viên HĐQT                      | -                               | -                                     | -                           | -                |
| 6         | Cao Minh Trung           | Phó Tổng Giám đốc                    | 23.415                          | -                                     | 23.415                      | 0,002%           |
| 7         | Nguyễn Thanh Trùng Dương | Phó Tổng Giám đốc                    | 11.170                          | 5.000                                 | 16.170                      | 0,001%           |
| 8         | Nguyễn Thị Thanh Hương   | Phó Tổng Giám đốc                    | 10.080                          | -                                     | 10.080                      | 0,001%           |
| 9         | Võ Minh Thắng            | Phó Tổng Giám đốc                    | 7.180                           | 5.000                                 | 12.180                      | 0,001%           |
| 10        | Phạm Hùng Minh           | Trưởng Ban Kiểm soát                 | -                               | -                                     | -                           | -                |
| 11        | Đậu Đức Chiến            | Thành viên BKS                       | -                               | -                                     | -                           | -                |
| 12        | Vũ Hải Ngọc              | Thành viên BKS                       | -                               | -                                     | -                           | -                |
| 13        | Vũ Phương Thảo           | Kế toán trưởng                       | 945                             | -                                     | 945                         | 0,0001%          |
| Tổng cộng |                          |                                      | 95.565                          | 15.000                                | 110.565                     | 0,01%            |

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của CBCNV: 70.400 cổ phiếu

- »

Lý do hạn chế chuyển nhượng: là số cổ phiếu mà CBCNV được mua theo số năm cam kết làm việc lâu dài của CBCNV theo phương án cổ phần hóa.
- »

Thời gian hạn chế chuyển nhượng: kể từ ngày 27/9/2018 (theo Giấy Chứng nhận ĐKKD của Công ty Cổ phần) cho đến hết thời gian cam kết làm việc lâu dài của CBCNV.
- »

Số lượng cổ phiếu niêm yết bị hạn chế chuyển nhượng theo số năm như sau:

»

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 10 năm đến ngày 27/9/2028: 55.000 cổ phiếu;

»

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 8 năm đến ngày 27/9/2026: 4.000 cổ phiếu;

»

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 5 năm đến ngày 27/9/2023: 7.000 cổ phiếu;

»

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 4 năm đến ngày 27/9/2022: 4.400 cổ phiếu;

Số lượng cổ phiếu do các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng, cổ đông lớn là người có liên quan đến cổ đông nội bộ được các thành viên cam kết nắm giữ như sau:

Ghi chú:

(1) Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: là số cổ phiếu mà CBCNV được mua theo số năm cam kết làm việc lâu dài tại Tổng Công ty theo phương án cổ phần hóa và bị hạn chế chuyển nhượng theo số năm cam kết làm được.

(2) Tổng số cổ phiếu sở hữu: là số lượng cổ phiếu sở hữu của cá nhân, không bao gồm số cổ phiếu đại diện sở hữu của Nhà nước.

PGV

78

79

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính đến thời điểm 31/12/2022, cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty như sau:

| TT        | Cổ đông            | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Tổng giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ (%) |
|-----------|--------------------|------------------|-------------------|-------------------------------------------|-----------|
| 1         | Cổ đông trong nước | 1.998            | 1.123.274.956     | 11.232.749.560.000                        | 99,98%    |
| 1.1       | Cổ đông tổ chức    | 7                | 1.114.522.889     | 11.145.228.890.000                        | 99,20%    |
| 1.2       | Cổ đông cá nhân    | 1.991            | 8.752.067         | 87.520.670.000                            | 0,78%     |
| 2         | Cổ đông ngoài nước | 30               | 193.090           | 1.930.900.000                             | 0,02%     |
| 2.1       | Cổ đông tổ chức    | 5                | 147.600           | 1.476.000.000                             | 0,01%     |
| 2.2       | Cổ đông cá nhân    | 25               | 45.490            | 454.900.000                               | 0,004%    |
| Tổng cộng |                    | 2.028            | 1.123.468.046     | 11.234.680.460.000                        | 100%      |

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

|                                       | Họ tên – Chức vụ                                                                | Số CP sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ | Ghi chú                        |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------|--------------------------------|
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ                     | Ông Đinh Quốc Lâm – Chủ tịch HĐQT                                               | 28.455               | 0,003%                  |                                |
|                                       | Ông Lê Văn Danh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc                                | 12.600               | 0,001%                  |                                |
|                                       | Ông Trương Quốc Phúc – Thành viên HĐQT                                          | 6.720                | 0,0006%                 | Thôi giữ chức vụ từ 14/06/2022 |
|                                       | Ông Nguyễn Minh Khoa – Thành viên HĐQT                                          | 0                    |                         |                                |
|                                       | Ông Đỗ Mộng Hùng – Thành viên HĐQT độc lập                                      | 0                    |                         |                                |
| BAN KIỂM SOÁT                         | Ông Phạm Hùng Minh – Trưởng Ban Kiểm soát                                       | 0                    |                         |                                |
|                                       | Bà Vũ Hải Ngọc – Thành viên BKS                                                 | 0                    |                         |                                |
|                                       | Ông Đậu Đức Chiến – Thành viên BKS                                              | 0                    |                         |                                |
| BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                     | Ông Cao Minh Trung – Phó TGĐ                                                    | 23.415               | 0,002%                  |                                |
|                                       | Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương – Phó TGĐ, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhiệt điện Ninh Bình | 16.170               | 0,001%                  |                                |
|                                       | Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Phó TGĐ                                             | 10.080               | 0,001%                  |                                |
|                                       | Ông Võ Minh Thắng – Phó TGĐ                                                     | 12.180               | 0,001%                  |                                |
|                                       | Bà Vũ Phương Thảo – Kế toán trưởng                                              | 945                  | 0,0001%                 |                                |
| KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY | Bà Châu Thị Duy Lan – Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Tổng Công ty         | 2.205                | 0,0002%                 |                                |

NĂM 2022 – LÀ CỘT MỐC CHO TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 KHI MÃ CỔ PHIẾU PGV CHÍNH THỨC ĐƯỢC NIÊM YẾT TRÊN SÀN HOSE VÀO NGÀY 10/02/2022. ĐIỀU NÀY KHẮNG ĐỊNH TẦM VÓC CỦA PGV TRÊN THỊ TRƯỜNG VỐN VIỆT NAM VÀ CÀNG NHẤN MẠNH SỰ NỖ LỰC TRONG CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY.

Các hoạt động IR tiêu biểu:

- Ngày 10/02/2022, tổ chức thành công lễ trao Quyết định niêm yết và chào mừng ngày giao dịch chính thức cổ phiếu Tổng Công ty Phát điện 3 (mã chứng khoán: PGV) với sự tham gia đông đảo của các đối tác.
- EVNGENCO3 ưu tiên đẩy mạnh các kênh online, trong đó có mảng báo chí. Trong năm qua, tất cả các tin tức về hoạt động của PGV đều cập nhật liên tục trên các trang báo với độ phủ thị trường lớn, nhằm mục đích cung cấp nhanh nhất các hoạt động của EVNGENCO3 đến nhà đầu tư.
- Để các cổ đông và nhà đầu tư có thêm góc nhìn về mã cổ phiếu PGV qua các chuyên viên phân tích hàng đầu trong thị trường. Tổng Công ty đã liên tục cập nhập báo cáo quan hệ cổ đông (IR) theo tháng để các chuyên viên phân tích có thể thường xuyên ra báo cáo về mã cổ phiếu PGV.



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Từ khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần tới thời điểm hiện nay, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 5%, thời điểm thực hiện: tháng 7/2021), vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng tương ứng.

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY

| STT | Thời gian     | Vốn thực góp trước khi tăng (đồng) | Vốn thực góp sau khi tăng (đồng) | Hình thức phát hành                                                       |
|-----|---------------|------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tháng 07/2021 | 10.699.695.770.000                 | 11.234.680.460.000               | Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2020, với tỷ lệ phát hành là 5%. |

TÌNH HÌNH GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP không có cổ phiếu quỹ.

03

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

# PHÁT HUY SỨC MẠNH





CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HĐQT

| STT | Thành viên HĐQT             | Chức vụ                            | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT                     |                 |
|-----|-----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|
|     |                             |                                    | Ngày bổ nhiệm                                       | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông <b>Đinh Quốc Lâm</b>    | Chủ tịch HĐQT                      | 17/9/2018 (Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ 15/01/2020) | -               |
| 2   | Ông <b>Lê Văn Danh</b>      | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc     | 15/01/2020                                          | -               |
| 3   | Ông <b>Trương Quốc Phúc</b> | Thành viên HĐQT chuyên trách       | 17/9/2018                                           | 14/6/2022       |
| 4   | Ông <b>Nguyễn Minh Khoa</b> | Thành viên HĐQT không chuyên trách | 15/01/2020                                          | -               |
| 5   | Ông <b>Đỗ Mộng Hùng</b>     | Thành viên HĐQT độc lập            | 17/9/2018                                           | -               |

CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022, HĐQT EVNGENCO3 đã tổ chức thực hiện/chỉ đạo và ban hành 48 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề trọng tâm, chủ trương, kế hoạch và công tác quản trị của TCT; ngoài ra, HĐQT cũng có các Nghị quyết, quyết định, văn bản để thông qua, chỉ đạo các công việc có tính chất định kỳ trong hoạt động của TCT với tỷ lệ thông qua là 100% để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng Công ty.



SỐ LƯỢNG CUỘC HỌP CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022

| STT | Thành viên HĐQT                                              | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự                   |
|-----|--------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------|---------------------------------------|
| 1   | Ông <b>Đinh Quốc Lâm</b><br>Chủ tịch HĐQT                    | 12/12                    | 100%              |                                       |
| 2   | Ông <b>Lê Văn Danh</b><br>Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 12/12                    | 100%              |                                       |
| 3   | Ông <b>Trương Quốc Phúc</b><br>Thành viên HĐQT               | 5/5                      | 100%              | Thôi giữ chức vụ TV.HĐQT từ 14/6/2022 |
| 4   | Ông <b>Nguyễn Minh Khoa</b><br>Thành viên HĐQT               | 12/12                    | 100%              |                                       |
| 5   | Ông <b>Đỗ Mộng Hùng</b><br>Thành viên HĐQT                   | 12/12                    | 100%              |                                       |

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ

Các Thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS và các cán bộ quản lý khác của Tổng Công ty đã và tiếp tục tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty đại chúng theo khung quản trị tiên tiến trên Thế giới



THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên Ban Kiểm soát | Chức vụ                  | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn                          |
|-----|--------------------------|--------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Ông Phạm Hùng Minh       | Trưởng Ban Kiểm soát     | 17/9/2018                      | Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Cử nhân Kế toán   |
| 2   | Ông Đậu Đức Chiến        | Thành viên Ban Kiểm soát | 17/9/2018                      | Thạc sĩ Kỹ thuật điện, Kỹ sư Hệ thống điện   |
| 3   | Bà Vũ Hải Ngọc           | Thành viên Ban Kiểm soát | 17/9/2018                      | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán |

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên Ban Kiểm soát | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|--------------------------|---------------------|-------------------|------------------|
| 1   | Ông Phạm Hùng Minh       | 4                   | 100%              | 100%             |
| 2   | Ông Đậu Đức Chiến        | 4                   | 100%              | 100%             |
| 3   | Bà Vũ Hải Ngọc           | 4                   | 100%              | 100%             |

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO

TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT THỰC HIỆN NĂM 2022: 7,469 TỶ ĐỒNG



## HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO



EVNGENCO3 XÂY DỰNG KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO HƯỚNG ĐẾN THÔNG LỆ VÀ CHUẨN MỰC QUỐC TẾ, NHƯNG VẪN ĐẢM BẢO PHÙ HỢP VỚI MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VIỆT NAM. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO (“QTRR”) TẠI EVNGENCO3 ĐƯỢC XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI NHẢM CÁC MỤC TIÊU CHÍNH SAU ĐÂY:



1. Hạn chế và ngăn ngừa những rủi ro không cần thiết hoặc những thiệt hại không đáng có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.



2. Tạo ra cơ chế vận hành trơn tru, minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý điều hành.



3. Đảm bảo cơ chế và tác nghiệp tuân thủ theo quan điểm quản trị điều hành, hệ thống quy trình quy chuẩn hoạt động cũng như quản lý tài chính.

Quan điểm của EVNGENCO3 là có cơ hội trong rủi ro. Vì vậy, QTRR không phải chỉ bao gồm giảm thiểu rủi ro, mà cần phân tích đầy đủ rủi ro, tối ưu hóa tương quan giữa rủi ro và cơ hội, chấp nhận rủi ro trong phạm vi cho phép của Tổng Công ty. Nhờ đó, Tổng Công ty chọn lọc và chấp nhận rủi ro một cách thận trọng và có kiểm soát vì những mục tiêu kinh doanh hợp lý.

EVNGENCO3 có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, toàn diện và đồng bộ, liên thông giữa các cấp, trong đó xác định rõ cơ cấu tổ chức và kế hoạch quản trị rủi ro tại EVNGENCO3. Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro được thiết lập tích hợp với cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của EVNGENCO3 trong đó phải có sự tham gia của cấp quản lý, điều hành cao nhất tại EVNGENCO3, đơn vị, các ban, phòng chuyên môn nghiệp vụ và bộ phận kiểm soát tuân thủ của EVNGENCO3. EVNGENCO3 đã áp dụng ISO/IEC 27001 là hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS) để đánh giá theo các tiêu chuẩn quốc tế. Chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 21001 sẽ thiết lập và duy trì một hệ thống quản lý hiệu quả giúp EVNGENCO3 kiểm soát tính an toàn và bảo mật tài sản thông tin của đơn vị mình.



## CÁC VẤN ĐỀ RỦI RO

### RỦI RO VỀ KINH TẾ



Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: Tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân thương mại, dịch bệnh... Nền kinh tế hội nhập không chỉ kéo theo sự lan truyền rủi ro ngày càng nhanh mà còn khuếch đại tác động mà rủi ro đó đem lại. Là một cá thể tham gia vào tổng thể hoạt động của nền kinh tế, chắc chắn Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng trước sự thay đổi của các nhân tố đó.

Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế giúp dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

### RỦI RO VỀ PHÁP LÝ



Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các chính sách thuế, chính sách về giá bán điện, các cam kết hội nhập, các quy định về bảo vệ môi trường... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Tổng Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Do đó, Tổng Công ty luôn thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan để nắm bắt kịp thời những thay đổi trong các quy định pháp luật, đồng thời giảm thiểu rủi ro cho Tổng Công ty.



## QUẢN TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

### RỦI RO ĐẶC THÙ



#### VỀ NHIÊN LIỆU THAN

- » Hiện nay các NMNĐ than của EVNGENCO3 đều đã ký hợp đồng cung cấp than dài hạn với Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Đông Bắc để đảm bảo khoảng 80% nhu cầu than cho nhà máy hoạt động. Giá than của Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Đông Bắc bán cho sản xuất điện chịu sự điều tiết của cơ quan nhà nước nên giá than khá ổn định.
- » Đối với nguồn than nhập khẩu, Tổng Công ty sẽ cân đối so với nguồn trong nước để nhập khẩu khi giá phù hợp.

#### VỀ NHIÊN LIỆU KHÍ

- » Các nhà máy điện Phú Mỹ được bao tiêu khí đến năm 2023, sau thời điểm trên, Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần có thể có rủi ro về giá khí và nguồn cung cấp. Nhưng đây cũng là cơ hội để Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần tìm được nguồn nhập LNG có giá cạnh tranh hơn. EVNGENCO3 sẽ triển khai mua nguồn khí thiên nhiên hóa lỏng LNG nhập khẩu để bù đắp cho phần khí trong nước thiếu hụt so với nhu cầu sản xuất điện do các mỏ khí khu vực Đông Nam Bộ ngày càng suy giảm. Trong thời gian tới, theo quy hoạch một số Kho cảng LNG mới cũng sẽ được xây dựng, khi đó thị trường khí sẽ có tính cạnh tranh cao hơn.

#### VỀ GIÁ ĐIỆN

- » Đặc thù giá bán điện được Nhà nước kiểm soát và điều chỉnh sao cho hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng điện. Để đảm bảo lợi ích chung, nhà nước ban hành ra các khung giá bán điện áp dụng cho các khu vực và đối tượng khác nhau, chính vì thế giá bán điện đôi lúc chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường. Biến động giá không linh hoạt bên cạnh rủi ro về giá nhiên liệu luôn là hạn chế ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Tổng Công ty.



### RỦI RO KHÁC



#### RỦI RO VỀ CỔ PHIẾU

Việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là một xu hướng tất yếu nhằm nâng cao giá trị cho các cổ đông thông qua việc tăng tính thanh khoản và nâng cao hoạt động quản trị, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên, khi cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên sàn HOSE, giá cổ phiếu sẽ biến động không chỉ phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh nội tại mà còn chịu sự tác động từ biến động chung của thị trường chứng khoán.

#### RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trên, Tổng Công ty còn chịu các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty. Để hạn chế rủi ro, Tổng Công ty thường thu thập, nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và thời tiết để lên kế hoạch điều hành Tổng Công ty một cách tối ưu, phù hợp với tình hình chung.

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2022

- » Năm 2022, có sự biến động mạnh về tỷ giá ngoại tệ, giá nhiên liệu (khí, than) tăng mạnh, do đó việc đảm bảo nhiên liệu than, khí cho hoạt động sản xuất điện, chế độ vận hành daily start/stop đối với các NMNĐ Phú Mỹ, thời gian dừng dự phòng các tổ máy dài do không có nhu cầu huy động từ Hệ thống điện, công tác triển khai đầu tư xây dựng các nguồn điện mới và công tác quyết toán CPH gặp nhiều khó khăn, đây là những yếu tố rủi ro tác động mạnh đến hiệu quả hoạt động của TCT.
- » TCT đã triển khai xây dựng hồ sơ rủi ro trọng yếu, hồ sơ rủi ro cấp quy trình năm 2022 theo tiến độ được EVN giao. Hiện nay, TCT đã hoàn thành 198/366 HSRR cấp quy trình (đạt 54,1%). Trong đó, cơ quan TCT hoàn thành 54/97 hồ sơ (đạt 55,7%); các đơn vị trong TCT hoàn thành 144/269 hồ sơ (đạt 53,5%).
- » Công tác xây dựng HSRR cấp quy trình được các đơn vị thực hiện theo hướng dẫn/cấu trúc chung từ EVN và phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ của từng ban/phòng/phân xưởng; trong thời gian tới TCT sẽ kiểm tra, rà soát để đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả trong công tác quản trị rủi ro đối với các quy trình/nghiệp vụ.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY

DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN



TRONG NĂM 2022, EVNGENCO3 ĐÃ CÓ NHỮNG NỖ LỰC ĐÁNG GHI NHẬN TRONG VIỆC CẢI THIỆN TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ ĐANG TIẾN ĐẾN GẦN NHƯ TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC CHUẨN MỰC CỦA KHU VỰC. CỤ THỂ, KHI THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN, EVNGENCO3 ĐÃ ĐÁP ỨNG TỐT CÁC TIÊU CHÍ LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG, ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG, VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH. EVNGENCO3 ĐANG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐỂ CÓ THỂ ĐÁP ỨNG TỐT NHẤT CÁC TIÊU CHÍ CỦA THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN Ở TẤT CẢ CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG THẺ ĐIỂM.

MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA TỔNG CÔNG TY THAM CHIẾU VỚI THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

| THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN            | MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA EVNGENCO3 |
|----------------------------------------------------|------------------------------|
| A  Đối xử bình đẳng với cổ đông                    | Đáp ứng tốt                  |
| B  Đảm bảo tất cả các quyền của cổ đông            | Đáp ứng tốt                  |
| C  Đảm bảo quyền và vai trò của các bên liên quan  | Đáp ứng tốt                  |
| D  Công bố và minh bạch thông tin                  | Đáp ứng tốt                  |
| E  Tăng cường trách nhiệm của HĐQT đối với cổ đông | Đáp ứng tốt                  |



Dưới đây là thông tin chi tiết về quản trị công ty của EVNGENCO3 trong năm 2022 tham chiếu với các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN

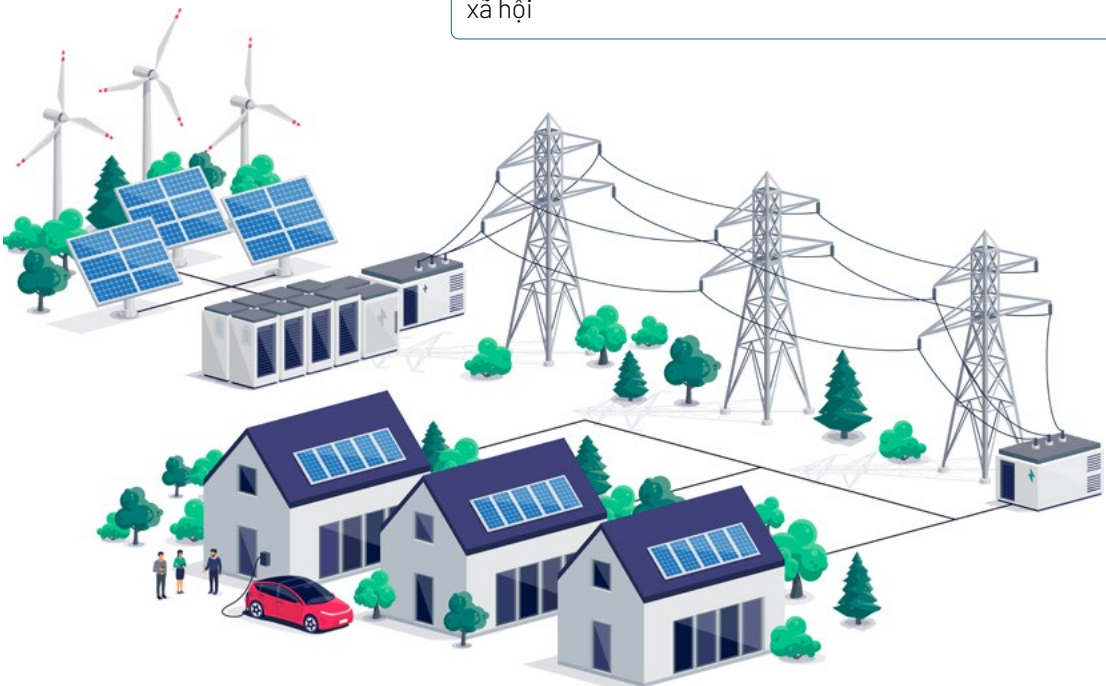
| STT | Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN                                                                                                                   | Mức độ đáp ứng của EVNGENCO3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | <b>ĐẢM BẢO TẤT CẢ CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG</b>                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|     |                                                                                                                                                                    | Năm 2022, EVNGENCO3 đã đảm bảo quyền cho tất cả các cổ đông, nhà đầu tư bao gồm cả quyền lợi về tài chính, quyền tiếp cận thông tin và tham gia vào một số quyết định quan trọng của Tổng Công ty.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| A.1 | <b>Quyền cơ bản của cổ đông:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>» Quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</li> <li>» Quyền nhận cổ tức</li> </ul>                          | <b>Quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:</b><br><p>Ngày 14/6/2022, tại TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (EVNGENCO3), mã chứng khoán PGV đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Đến dự Đại hội có đại diện Lãnh đạo Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư, các nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Lãnh đạo EVNGENCO3, Ban Kiểm soát, lãnh đạo các ban, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty và 54 cổ đông được ủy quyền đại diện cho 1.115.428.656 cổ phần, tương đương 99,3% trên tổng số cổ phần của Tổng Công ty.</p> <b>Quyền nhận cổ tức:</b><br><p>EVNGENCO3 đã thực hiện chi trả đầy đủ cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 thông qua và theo đúng quy định của pháp luật về thủ tục và thời gian chi trả. Cụ thể: chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 13% từ ngày 29/7/2022. TCT cũng đã tạm ứng cổ tức năm 2022 từ ngày 10/02/2023.</p> |
| A.2 | Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty                                                                              | Trong năm 2022, EVNGENCO3 không có sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| A.3 | Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết | Ngày 14/06/2022, ĐHĐCĐ thường niên của EVNGENCO3 đã được tổ chức thành công, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền và lợi ích tối đa của cổ đông, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>» Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông với nội dung thông tin đầy đủ về thời gian, địa điểm, đối tượng dự họp, chương trình họp, cách thức tham dự ĐHĐCĐ và các thông tin cơ bản khác về việc đăng ký tham dự.</li> <li>» Toàn bộ tài liệu họp được đăng tải công khai trên website TCT bằng tiếng Việt trong thời gian 21 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ.</li> <li>» Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên website TCT vào ngày 15/6/2022, theo đúng quy định với đầy đủ thông tin theo đúng trình tự thời gian trong vòng 24 giờ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                      |
| A.4 | Thị trường giao dịch thầu tóm Công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.                                                                     | Trong năm 2022, EVNGENCO3 không phát sinh các trường hợp này                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |



**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY  
DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (TIẾP THEO)**

| STT                                                                                                                                                                                                                             | Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN                                                    | Mức độ đáp ứng của EVNGENCO3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> <b>ĐẢM BẢO TẤT CẢ CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG</b>                                                                                                                                                                            |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| A.5                                                                                                                                                                                                                             | <b>Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.</b> | <p>Năm 2022, Tổng Công ty thực hiện bản tin nhà đầu tư định kỳ hàng tháng để cung cấp thông tin tình hình sản xuất – kinh doanh đến các nhà đầu tư và được đăng tải trên website: <a href="https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu">https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu</a>.</p> <p>Bộ phận quan hệ nhà đầu tư của TCT cũng sẵn sàng giải đáp các thắc mắc cũng như ghi nhận những thông tin phản hồi từ phía cổ đông và nhà đầu tư.</p> <p>Trong năm, EVNGENCO3 tham gia chương trình gặp mặt nhà đầu tư do CTCP Chứng khoán SSI, VCBS tổ chức.</p> |
| <b>B</b> <b>ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG</b>                                                                                                                                                                                    |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| EVNGENCO3 cung cấp đầy đủ và công khai các thông tin theo quy định cho tất cả các cổ đông bằng cả hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Các cổ đông đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên của EVNGENCO3. |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| B.1                                                                                                                                                                                                                             | <b>Cổ phiếu và quyền biểu quyết</b>                                                                 | TCT chỉ có cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có một quyền biểu quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| B.2                                                                                                                                                                                                                             | <b>Thông báo ĐHĐCĐ</b>                                                                              | Toàn bộ thông báo, tài liệu ĐHĐCĐ được gửi trực tiếp đến địa chỉ cổ đông đã đăng ký và đăng tải trên website của TCT: <a href="https://www.genco3.com/">https://www.genco3.com/</a> trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ 21 ngày.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| B.3                                                                                                                                                                                                                             | <b>Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân</b>                          | Chương X trong Điều lệ EVNGENCO3 quy định rõ các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của EVNGENCO3. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm phải bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Bên cạnh đó, TCT còn thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.                                                                                         |
| B.4                                                                                                                                                                                                                             | <b>Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao</b>                        | Các giao dịch liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT được quy định tại khoản 7 điều 42 trong Điều lệ TCT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| STT                                                                                                                          | Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN                                                                                                                                             | Mức độ đáp ứng của EVNGENCO3                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>C</b> <b>ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>                                                           |                                                                                                                                                                                              |                                                  |
| Các hoạt động kinh doanh của EVNGENCO3 đều được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cao nhất cho các bên liên quan.    |                                                                                                                                                                                              |                                                  |
| <b>Các bên liên quan</b>                                                                                                     |                                                                                                                                                                                              | <b>Cam kết của TCT đối với các bên liên quan</b> |
|  <b>Khách hàng</b>                        | <p>Tuân thủ quy định của pháp luật và các hợp đồng mua bán điện với Công ty mua bán điện EPTC</p> <p>Ban hành đầy đủ các quy chế đấu thầu và mua sắm hàng hóa đảm bảo quy định pháp luật</p> |                                                  |
|  <b>Cổ đông, nhà đầu tư</b>               | Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ TCT                                                                                                                                           |                                                  |
|  <b>Cán bộ nhân viên</b>                  | Thỏa ước lao động tập thể và nội quy TCT                                                                                                                                                     |                                                  |
|  <b>Cộng đồng</b>                        | Chăm lo cộng đồng bằng nhiều hoạt động an sinh xã hội                                                                                                                                        |                                                  |
|  <b>Chính phủ và các bộ ngành</b>       | Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động và đóng góp vào ngân sách Nhà nước.                                                             |                                                  |
|  <b>Đối tác, nhà cung cấp</b>           | Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về đấu thầu và mua sắm hàng hóa.                                                                                                                      |                                                  |
|  <b>Báo chí và cơ quan truyền thông</b> | TCT chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh với Báo chí và truyền thông mạng xã hội                                                         |                                                  |





**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (TIẾP THEO)**

| STT                                                                                                                                                                                                                                                         | Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN                          | Mức độ đáp ứng của EVNGENCO3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>D CÔNG BỐ VÀ MINH BẠCH THÔNG TIN</b>                                                                                                                                                                                                                     |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| EVNGENCO3 luôn tuân thủ đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn các quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Đồng thời, tất cả các bên liên quan đều có thể tiếp cận thông tin phải công bố của EVNGENCO3 cập nhật trên website của Tổng Công ty. |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| D.1                                                                                                                                                                                                                                                         | Cấu trúc sở hữu minh bạch                                                 | Thông tin về cấu trúc sở hữu và mô hình hoạt động của TCT; dữ liệu về cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, thành viên HĐQT và Ban Điều hành; giao dịch với các bên liên quan được công bố và cập nhật công khai trong Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị và website của TCT.                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| D.2                                                                                                                                                                                                                                                         | Chất lượng và thời hạn công bố của Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính | Báo cáo thường niên của EVNGENCO3 được lập đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.<br><br>Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính của EVNGENCO3 luôn được công bố đúng thời hạn và theo đúng các quy định về công bố thông tin.                                                                                                                                                                                                                                                    |
| D.3                                                                                                                                                                                                                                                         | Cung cấp thông tin hoạt động kinh doanh của công ty                       | Các thông tin liên quan và trọng yếu về hoạt động kinh doanh của EVNGENCO3 được công bố kịp thời thông qua website TCT: <a href="https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu">https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu</a> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| D.3                                                                                                                                                                                                                                                         | Quan hệ nhà đầu tư                                                        | EVNGENCO3 ưu tiên đẩy mạnh các kênh online, trong đó có mạng báo chí. Trong năm qua, tất cả các tin tức về hoạt động của TCT đều cập nhật liên tục trên các trang báo với độ phủ thị trường lớn, nhằm mục đích cung cấp nhanh nhất các hoạt động của TCT đến nhà đầu tư.<br><br>Để các cổ đông và nhà đầu tư có thêm góc nhìn về mã cổ phiếu PGV qua các chuyên viên phân tích hàng đầu trong thị trường, Tổng Công ty đã liên tục cập nhật báo cáo quan hệ cổ đông (IR) theo tháng để các chuyên viên phân tích có thể thường xuyên ra báo cáo về mã cổ phiếu PGV. |



| STT                                                      | Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN   | Mức độ đáp ứng của EVNGENCO3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>E TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG</b> |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| E.1                                                      | Cơ cấu và vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT | Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và thù lao của thành viên HĐQT được quy định rõ trong Chương VII Điều lệ TCT;<br><br>HĐQT trình ĐHCĐ thông qua thù lao, lương thưởng hàng năm; ban hành Nghị quyết ĐHCĐ để thực hiện theo quy định và được công bố công khai trên Báo cáo thường niên.                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| E.2                                                      | Cuộc họp HĐQT                                      | Trình tự và thủ tục họp HĐQT được quy định cụ thể tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của EVNGENCO3. Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện 12 phiên họp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| E.3                                                      | Tính độc lập của thành viên HĐQT                   | Tại EVNGENCO3, chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc được tách bạch, giúp gia tăng trách nhiệm và nâng cao năng lực ra quyết định độc lập của HĐQT và Ban Điều hành.<br><br>TCT có 1 thành viên độc lập HĐQT để hỗ trợ và thực hiện các công việc liên quan.                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| E.4                                                      | Các tiểu ban trực thuộc HĐQT                       | Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT là không bắt buộc. Theo nhu cầu công việc, cho đến thời điểm này HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| E.5                                                      | Hiệu quả HĐQT                                      | Năm 2022, HĐQT EVNGENCO3 đã tổ chức thực hiện/chỉ đạo và ban hành 48 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề trọng tâm, chủ trương, kế hoạch và công tác quản trị của TCT; ngoài ra, HĐQT cũng có các Nghị quyết, quyết định, văn bản để thông qua, chỉ đạo các công việc có tính chất định kỳ trong hoạt động của TCT với tỷ lệ thông qua là 100% để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng Công ty.<br><br>Các thành viên HĐQT đều tích cực tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty đại chúng để cập nhật thông tin theo khung quản trị tiên tiến trên thế giới. |

04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



KIẾN TẠO **NIỀM TIN**



# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**là THÁCH THỨC,  
TRỌNG TÂM của EVNGENCO3**



CHÚNG TÔI ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN CƠ SỞ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC VÀ TIÊU CHUẨN GRI 2021. EVNGENCO3 VỚI KHÁT KHAO TRỞ THÀNH MỘT ĐƠN VỊ SẢN XUẤT ĐIỆN ĐA DẠNG CÁC LOẠI HÌNH TỪ NĂNG LƯỢNG TRUYỀN THỐNG ĐẾN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO. CHÚNG TÔI TẬP TRUNG CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NHƯ SAU:

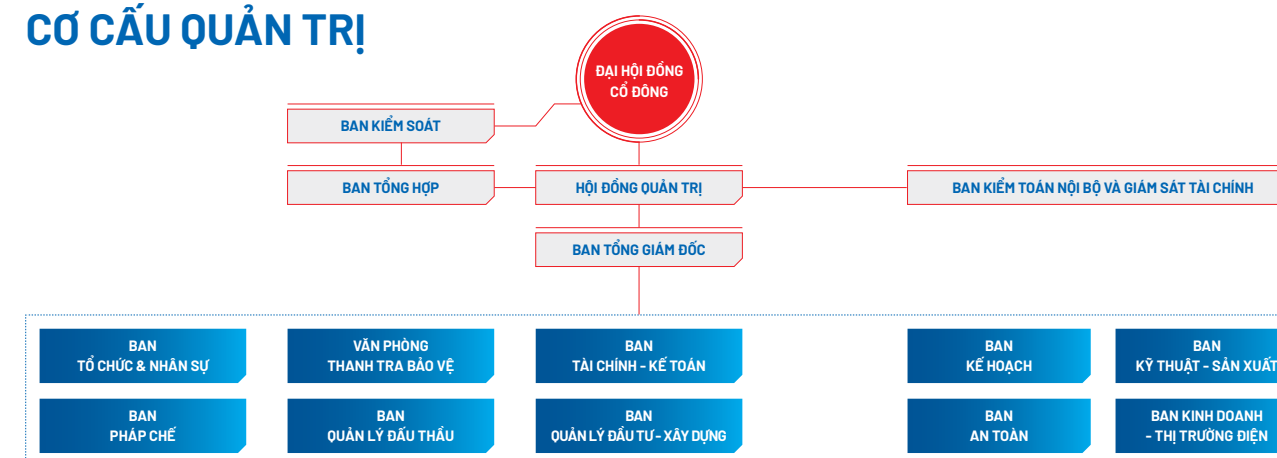
- » Duy trì hoạt động sản xuất điện ổn định đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.
- » Tuân thủ các quy định về đảm bảo môi trường.
- » Phát triển nguồn điện sạch mới theo chương trình chuyển dịch năng lượng của Quốc gia
- » Xây dựng đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai.



**Quản trị bền vững  
là TRỌNG TÂM**  
trong mọi hoạt động quản trị  
và vận hành của Tổng Công ty



## CƠ CẤU QUẢN TRỊ



## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA EVNGENCO3 ĐƯỢC THỰC HIỆN DỰA TRÊN SỰ KẾT HỢP HÀI HÒA GIỮA CÁC YẾU TỐ:

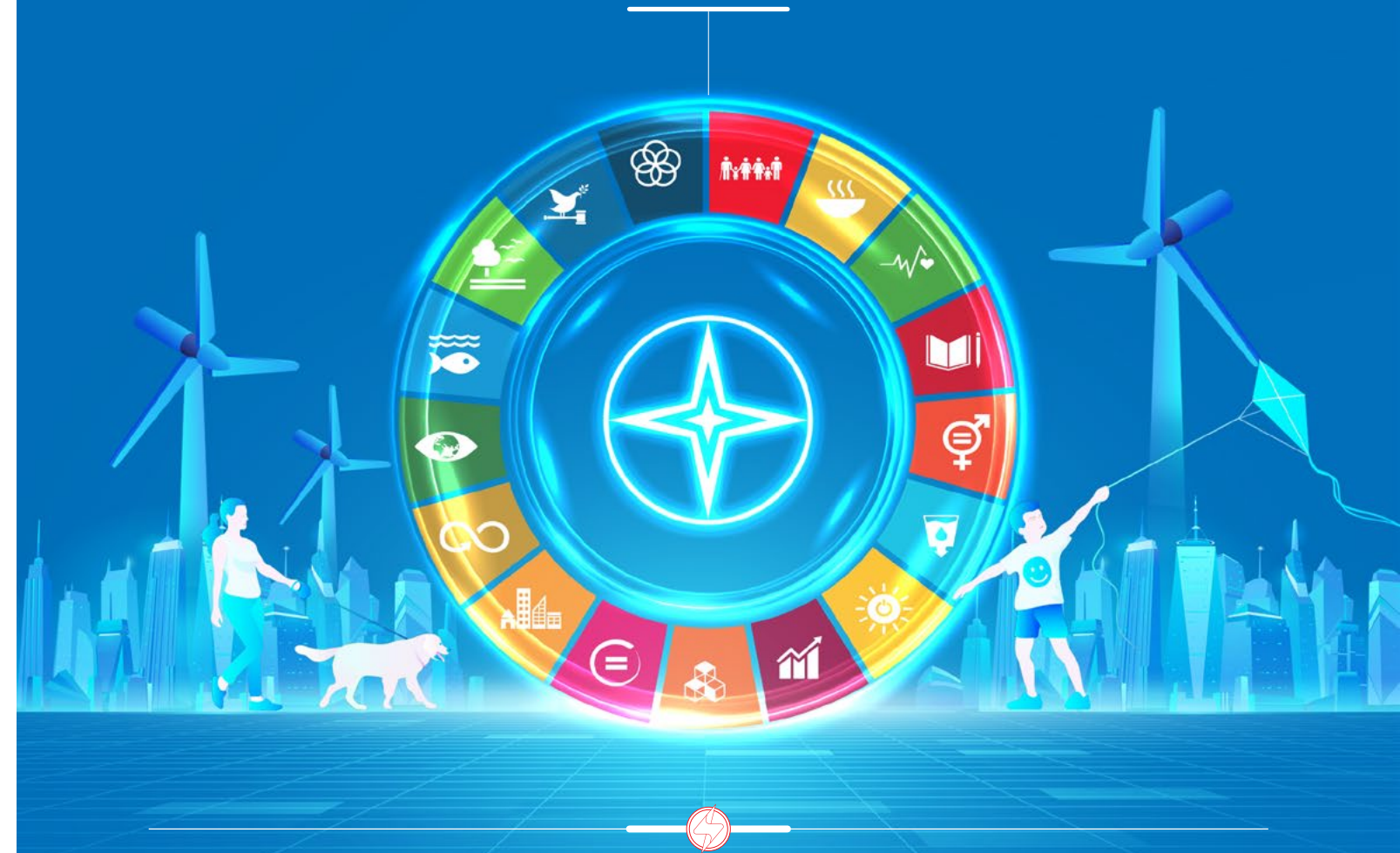
- » Nền tảng cơ cấu quản trị công ty vững chắc: Cơ cấu quản trị của EVNGENCO3 có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, các Ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- » Phù hợp thông lệ và pháp luật Việt Nam: Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết.
- » Áp dụng thống nhất các công cụ quản trị doanh nghiệp trong toàn Tổng Công ty.



## NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



## GẮN KẾT VỚI 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA LIÊN HỢP QUỐC



SDG - SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS ĐƯỢC HIỂU LÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, HAY MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TOÀN CẦU. ĐÂY LÀ LỜI KÊU GỌI CỦA LIÊN HỢP QUỐC ĐẾN TẤT CẢ CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI NHẪM GIẢI QUYẾT NHỮNG THÁCH THỨC LỚN MÀ NHÂN LOẠI PHẢI ĐỐI MẶT, HƯỚNG ĐẾN MỘT TƯƠNG LAI TỐT ĐẸP VÀ BỀN VỮNG HƠN CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI VÀO NĂM 2030.

## Mục tiêu

**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  
được chia thành **17 mục tiêu** liên quan đến các vấn đề phổ biến nhất

từ đó định hướng cho các cá nhân, doanh nghiệp, chính quyền và các Quốc gia biết phải quan tâm tới vấn đề gì và làm thế nào để xóa đói giảm nghèo, bảo vệ trái đất khỏi những tác động sống của chính con người và đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống mỗi người.



## GẮN KẾT CÁC MỤC TIÊU PTBV CỦA EVNGENCO3 VỚI 17 MỤC TIÊU PTBV CỦA LHQ

HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN MỌI MẶT CỦA CÁC PHƯƠNG DIỆN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG. TRONG NĂM 2022, EVNGENCO3 ĐÃ PHÁT TRIỂN VÀ ĐẠT MỘT SỐ THÀNH TỰU GẮN LIỀN VỚI 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC NHƯ SAU:



**1**  
**XÓA NGHÈO**  
Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở tất cả mọi nơi

- » Trong hoạt động cộng đồng, EVNGENCO3 tài trợ 12 căn nhà “Đại đoàn kết” cho gia đình khó khăn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- » Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân cũng phối hợp xây dựng 34 Mái ấm yêu thương và bàn giao cho các gia đình khó khăn, với tổng giá trị hơn 3,4 tỷ đồng.

**2**  
**XÓA ĐÓI**  
Đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện dinh dưỡng, phát triển nông nghiệp bền vững.

- » Tổng kinh phí cho các hoạt động ASXH năm 2022 khoảng 10 tỷ đồng
- » EVNGENCO3 tài trợ cho 47 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi cha mẹ do dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn TP.HCM với số tiền 02 triệu đồng/tháng (bắt đầu từ tháng 10/2021) cho đến khi hoàn thành chương trình học lớp 12 (07 năm)
- » Tài trợ cho chương trình “Sữa học đường” hàng năm.

**3**  
**SỨC KHỎE VÀ CỘNG ĐỒNG SỐNG TỐT**  
Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi.

- » Hàng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Năm 2022, chi phí Bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe cho CBCNV là 17,62 tỷ đồng
- » Chi phí phụ cấp độc hại đối với NLĐ: 1,43 tỷ đồng
- » Chi phí thực hiện đảm bảo an toàn lao động: 1,09 tỷ đồng

**4**  
**GIÁO DỤC CÓ CHẤT LƯỢNG**  
Đảm bảo giáo dục chất lượng, rộng mở và công bằng và nâng cao cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.

- » Trong năm 2022, cơ quan TCT và các đơn vị trực thuộc thực hiện đào tạo, tập huấn 13.810 lượt với sự tham gia của 2.071 học viên, (đào tạo qua E-learning 31.884 lượt). Chi phí đào tạo là 59,55 tỷ đồng. Đảm bảo tối thiểu 40h đào tạo/năm/CBCNV.



EVNGENCO3 thực hiện trong năm 2022

**5**  
**BÌNH ĐẲNG GIỚI**  
Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái

- » EVNGENCO3 thực hiện bình đẳng giới trong công tác tuyển dụng nhân sự, phát triển tài năng trẻ, đào tạo cán bộ nữ và chính sách phúc lợi. Cụ thể:
  - » 100% nữ CBCNV quay lại làm việc sau kỳ nghỉ thai sản.
  - » Tỷ lệ lao động nữ/tổng số CBCNV năm 2022 là 17,8%
  - » Số cán bộ nữ trong các cấp lãnh đạo, quản lý là 60 người, chiếm 16,9% so với tổng số cán bộ quản lý nam cùng cấp. Năm 2022, đã bổ nhiệm mới thêm 3 nữ cán bộ.
- » EVNGENCO3 đạt được chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu EDGE (Economic Dividends for Gender Equality - Lợi ích kinh tế từ bình đẳng giới), cấp độ ASSESS do tổ chức EDGE Certified Foundation - Thụy Sĩ trao năm 2020-2022 và tái đánh giá thành công chứng chỉ này kể từ ngày 11/01/2023.

**6**  
**NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH**  
Đảm bảo quyền được có nước sạch và các điều kiện vệ sinh môi trường cho tất cả mọi người

### 1. Nước tiêu thụ

EVNGENCO3 đang khai thác và sử dụng các nguồn nước sau đây:

- » Nước chạy máy sản xuất điện trong nhà máy thủy điện: được tích trong các hồ chứa phía thượng lưu nhà máy, qua hệ thống tuyến năng lượng dẫn vào tuabin phát điện, sau đó đổ ra hạ lưu nhà máy qua hệ thống kênh dẫn và nhập vào các nhánh sông, suối.
- » Nước làm mát trong các nhà máy nhiệt điện: được lấy từ sông hoặc biển qua hệ thống kênh dẫn nước vào, đưa vào bình ngưng để trao đổi nhiệt làm mát, sau đó đổ ra lại sông hoặc biển qua hệ thống kênh thoát nước làm mát.
- » Ngoài ra, các nhà máy nhiệt điện còn sử dụng nước thủy cục (từ đơn vị cung cấp), nước hồ hoặc nước biển để sản xuất nước khử khoáng phục vụ sản xuất điện; nước biển còn được tận dụng để xử lý môi trường đối với khói thải trước khi qua ống khói.

### 2. Nước thải

- » Nước thải công nghiệp: nước thải phát sinh trong các hoạt động sản xuất của nhà máy, như nước thải nhiễm dầu, nhiễm than, nhiễm hóa chất,... Các nguồn nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung, sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng cho các các mục đích phù hợp hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.
- » Nước thải sinh hoạt: không đáng kể. Nước thải sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng để tưới cây hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

### 3. Hệ thống quan trắc online đối với nước mặt, nước biển và nước thải

- » Các NMTĐ đã lắp đặt đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc, giám sát việc khai thác, sử dụng nước hồ và truyền số liệu về cơ quan chức năng theo quy định.
- » Các NMNĐ đã lắp đặt đầy đủ hệ thống quan trắc online đối với nước mặt, nước biển, nước thải và truyền về Sở TN&MT địa phương theo quy định.
- » Đồng thời cũng truyền về trụ sở EVNGENCO3 để phối hợp giám sát, kiểm soát, góp phần cho công tác quản lý môi trường được kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn.



## GẮN KẾT CÁC MỤC TIÊU PTBV CỦA EVNGENCO3 VỚI 17 MỤC TIÊU PTBV CỦA LHQ (TIẾP THEO)



EVNGENCO3 thực hiện trong năm 2022



### 7 NĂNG LƯỢNG SẠCH VỚI GIÁ THÀNH HỢP LÝ

Đảm bảo việc tiếp cận năng lượng với giá cả hợp lý, tin cậy, bền vững và hiện đại cho tất cả mọi người.

- » EVNGENCO3 là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất đến ngày 31/12/2022 xấp xỉ 6.559MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời).
- » Sản lượng điện (SLĐ) sản xuất năm 2022 của EVNGENCO3 (bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các đơn vị EVNGENCO3 có chủ người đại diện) đạt 32,242 tỷ kWh, đạt 101,23% so với kế hoạch
- » Các NMĐ tham gia chào giá trên thị trường điện cạnh tranh với giá bán điện bình quân năm 2022 của EVNGENCO3 (chỉ bao gồm các NMĐ HTPT, đã bao gồm các loại phí thuế, chưa VAT) là 1.694,95 đồng/kWh.

### 8 CÔNG VIỆC TỐT VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, rộng mở và bền vững, việc làm đầy đủ và năng suất và công việc tốt cho tất cả mọi người.

- » Doanh thu sản xuất điện (hợp nhất): 46.779 tỷ đồng
- » Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất): 3.057 tỷ đồng
- » Nộp ngân sách nhà nước (hợp nhất): 2.127 tỷ đồng.
- » Lao động SXKD điện bình quân: 2.055 người
- » Năng suất lao động:

| STT | Chỉ tiêu                             | ĐVT       | KH 2022 | TH 2022 |
|-----|--------------------------------------|-----------|---------|---------|
| 1   | Điện sản xuất/lao động               | Tr.kWh/ng | 13,37   | 13,97   |
|     | Trong đó Công ty mẹ                  | Tr.kWh/ng | 19,65   | 20,22   |
| 2   | Số lao động/đơn vị công suất lắp đặt | Người/MW  | 0,35    | 0,35    |
|     | Trong đó Công ty mẹ                  | Người/MW  | 0,25    | 0,25    |

### 9 CÔNG NGHIỆP, SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp hóa rộng mở và bền vững, khuyến khích đổi mới.

- » Trong giai đoạn 2021-2025, EVNGENCO3 tập trung thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trên các lĩnh vực quản trị, quản lý kỹ thuật, đầu tư xây dựng, quản lý dự án, công nghệ thông tin và viễn thông. Tiêu biểu như ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để khai thác kho dữ liệu tập trung, phân tích trích xuất thông tin tự động; Xây dựng hệ thống quản lý công tác vận hành - sửa chữa các Nhà máy điện trên thiết bị Mobile; Hoàn thiện hệ thống quan trắc thủy văn, kết hợp bản tin dự báo thời tiết các lưu vực và ứng dụng AI phục vụ cho công tác quản lý vận hành các hồ chứa, nhà máy và cảnh báo lũ cho vùng hạ du các Nhà máy Thủy điện. Đồng thời, tăng cường các giải pháp an ninh bảo mật trong điều kiện các hoạt động công tác của Tổng Công ty diễn ra trên môi trường mạng...



EVNGENCO3 thực hiện trong năm 2022



### 10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG

Giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia.

- » EVNGENCO3 luôn tôn trọng và giúp đỡ tất cả mọi người, không phân biệt tuổi tác, giới tính, khuyết tật, chủng tộc, sắc tộc, nguồn gốc, tôn giáo, kinh tế và các tình trạng khác.

### 11 CÁC THÀNH PHỐ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG

Xây dựng các đô thị và các khu dân cư mở cửa cho tất cả mọi người, an toàn, vững chắc và bền vững.

- » EVNGENCO3 là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất đến ngày 31/12/2022 xấp xỉ 6.559MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời). Mỗi năm các nhà máy điện của EVNGENCO3 cung cấp sản lượng điện hàng năm bình quân khoảng 31-32 tỷ kWh trên toàn lãnh thổ Việt Nam, góp phần quan trọng trong cung ứng điện cho phát triển KT-XH của đất nước.

### 12 TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM

Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững

- » Tại EVNGENCO3, tất cả nguồn chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đều được quản lý, thu gom, lưu giữ, xử lý đạt yêu cầu theo các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường, các quy định của pháp luật hiện hành.
- » Chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế. Chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại được đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo hợp đồng ký kết.
- » Nước thải sau xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng hoặc xả ra môi trường.
- » Nước làm mát, nước thải và khí thải được kiểm soát 24/24h qua hệ thống thiết bị quan trắc online tại chỗ, đồng thời truyền số liệu về Sở TN&MT và trụ sở Tổng Công ty.
- » Tro xỉ được tiến hành lấy mẫu phân tích đạt hợp chuẩn, hợp quy và sử dụng san lấp mặt bằng, phụ gia bê tông, xi măng, làm vật liệu xây không nung, phối trộn bê tông làm đường giao thông nông thôn,... Trong năm 2022, 100% tro xỉ phát sinh của NMNĐ Mông Dương 1 được tiêu thụ; đối với NMNĐ Vĩnh Tân 2, tỷ lệ này là 92,28% và của NMNĐ Ninh Bình là trên 99%.



## GẮN KẾT CÁC MỤC TIÊU PTBV CỦA EVNGENCO3 VỚI 17 MỤC TIÊU PTBV CỦA LHQ (TIẾP THEO)



EVNGENCO3 thực hiện trong năm 2022

13

### HÀNH ĐỘNG VỀ KHÍ HẬU

Hãy hành động khẩn cấp để chống biến đổi khí hậu và các tác động của nó

- » EVNGENCO3 đã và đang triển khai thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực biến đổi khí hậu, như kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng nhiên liệu đầu vào, thực hiện các giải pháp kỹ thuật để tối ưu hóa các quá trình sản xuất, hạn chế tối đa lưu lượng khí thải phát thải cũng như nồng độ các chất khí gây ô nhiễm, các khí gây hiệu ứng nhà kính.
- » EVNGENCO3 đã xây dựng định hướng phát triển Sản xuất kinh doanh và Đầu tư xây dựng giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo cam kết COP26, lộ trình chuyển dịch cơ cấu nguồn năng lượng, chuyển đổi nhiên liệu vận hành, tham gia đầu tư các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo.

14

### TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN

Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững

- » EVNGENCO3 sử dụng nước biển để làm mát máy móc thiết bị, xử lý khói thải và sản xuất nước biển thành nước ngọt để phục vụ vận hành sản xuất điện của NMNĐ Vĩnh Tân 2. Nước biển sau làm mát qua quá trình giải nhiệt được dẫn qua kênh hở và đưa trở lại điểm tiếp nhận, không bị nhiễm bởi bất kỳ hóa chất hoặc vật chất nào khác.
- » Nước biển sau hệ thống xử lý nước biển thành nước ngọt được đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt yêu cầu và tái sử dụng.
- » Nước biển sau khi qua hệ thống khử SOx được đưa đến hệ thống sục khí Oxy để xử lý đạt yêu cầu trước khi hòa vào kênh hở.
- » Tại kênh dẫn nước biển vào làm mát và kênh xả nước biển làm mát được lắp đặt thiết bị quan trắc chất lượng nước tự động liên tục.
- » Chất lượng nước biển tại cầu cảng được kiểm soát định kỳ hàng quý. Hoàn toàn không có việc khai thác nguồn lợi biển.
- » Trong những năm qua, rất nhiều loài thủy hải sản đã vào khu vực cầu cảng, kênh nước của NMNĐ Vĩnh Tân 2 sinh sống, phát triển; đặc biệt là các loài san hô với nhiều màu sắc sặc sỡ đã sinh sôi, phát triển tại chân cầu cảng Nhà máy. Điều này chứng tỏ chất lượng nước biển tại khu vực này được bảo vệ nghiêm và duy trì tốt.

15

### TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐẤT LIỀN

Bảo vệ, khôi phục và thúc đẩy sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn, quản lý rừng bền vững, chống sa mạc hóa, ngăn chặn và đảo ngược suy thoái đất và ngăn chặn mất đa dạng sinh học

- » Tại các nhà máy điện, cảnh quan cây xanh luôn chăm sóc, cải tạo, tăng diện tích phủ xanh và hình thành môi trường xung quanh xanh, sạch, đẹp.
- » Rừng phòng hộ hoặc rừng nguyên sinh tại khu vực lân cận được bảo vệ tuyệt đối, đảm bảo nguyên trạng.
- » Không có bất kỳ sự tác động nào làm thay đổi hiện trạng môi trường đất, không khí, hệ sinh thái trên cạn hoặc làm mất đa dạng sinh học.



EVNGENCO3 thực hiện trong năm 2022

16

### HÒA BÌNH, CÔNG LÝ VÀ CÁC THỂ CHẾ MẠNH MẼ

Thúc đẩy các xã hội hòa bình và hòa nhập để phát triển bền vững, cung cấp quyền tiếp cận công lý cho tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm và bao trùm ở tất cả các cấp.

- » Công đoàn Tổng Công ty Phát điện 3 tổ chức Hội nghị NLĐ cấp EVNGENCO3 định kỳ 2 năm/lần, và trong TCT hàng năm luôn có 100% đơn vị cơ sở tổ chức Hội nghị Người lao động (NLĐ) theo quy định... Thông qua các hoạt động này, các cấp lãnh đạo Công đoàn kịp thời giải quyết những kiến nghị, tâm tư nguyện vọng chính đáng của NLĐ. Công đoàn phối hợp xây dựng, thương lượng, ký kết và ban hành Thỏa ước lao động tập thể TCT năm 2022 với 48 điểm có lợi hơn các quy định cho NLĐ.

17

### QUAN HỆ ĐỐI TÁC VỚI CÁC MỤC TIÊU

Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

- Năm 2022, EVNGENCO3 đã đẩy mạnh trao đổi, hợp tác với các đối tác Năng lượng tại Hoa Kỳ, Châu Âu:
  - » Làm việc với một số đối tác cung cấp LNG như Tellurian Inc, Cheniere Energy và làm việc với đối tác lâu năm Tập đoàn General Electric.
  - » Làm việc với World Bank trao đổi về tình hình triển khai các dự án đang tài trợ vốn và khả năng WB hỗ trợ vốn cho EVN trong thời gian tới.
  - » Làm việc với Babcock&Wilcox, các đối tác kỹ thuật và các định chế tài chính nhằm thúc đẩy cơ hội hợp tác và hỗ trợ trong các dự án, chương trình đầu tư nguồn điện sạch của EVNGENCO3.



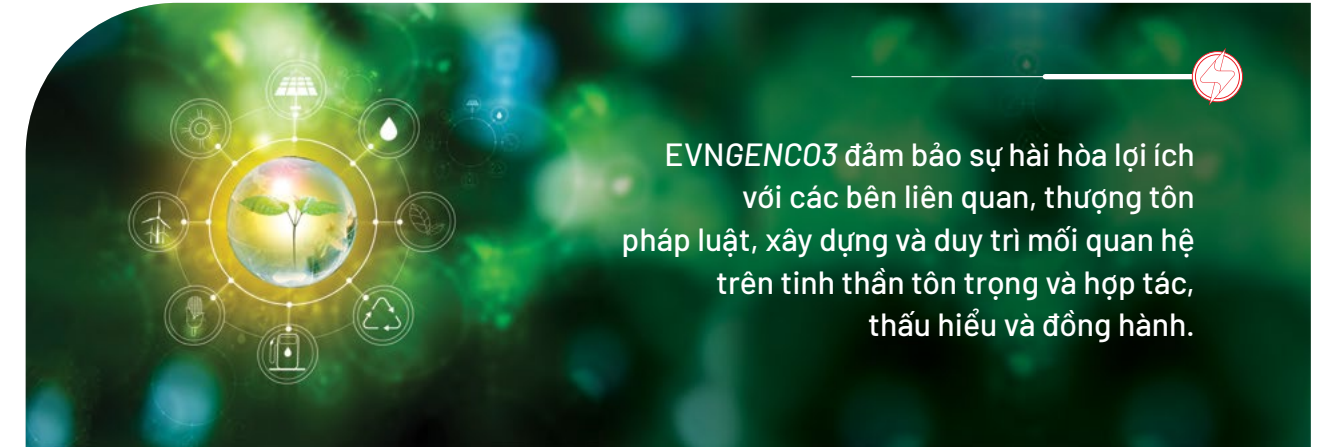


## GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan là những đối tượng có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động của EVNGENCO3, hoặc chịu ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO3. Theo đó, các bên liên quan được EVNGENCO3 xác định bao gồm:



Việc gắn kết với các bên liên quan được thực hiện hiệu quả sẽ giúp ích cho quá trình hoạt động và phát triển của Tổng Công ty. EVNGENCO3 đảm bảo sự hài hòa lợi ích với các bên liên quan, thượng tôn pháp luật, xây dựng và duy trì mối quan hệ trên tinh thần tôn trọng và hợp tác, thấu hiểu và đồng hành.



| CÁC BÊN LIÊN QUAN                                                | CÁC MỐI QUAN TÂM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | HÀNH ĐỘNG CỦA EVNGENCO3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>CỔ ĐÔNG/<br/>NHÀ ĐẦU TƯ</b></p>                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>» Đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư;</li> <li>» Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và được cung cấp kịp thời;</li> <li>» Ổn định và gia tăng giá trị của doanh nghiệp và giá trị cổ phiếu trên sàn chứng khoán;</li> <li>» Đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền lợi cổ đông, nhà đầu tư</li> </ul> | <p>Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường theo luật định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>» Tiếp nhận, trao đổi qua email, điện thoại, fax...</li> <li>» Hợp định kỳ hàng năm tổng kết, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty để cổ đông và nhà đầu tư nắm rõ thông tin.</li> <li>» Công bố thông tin trên website của Tổng Công ty.</li> <li>» Tham gia các diễn đàn, hội thảo nhà đầu tư nhằm chia sẻ thông tin, cơ hội đầu tư</li> </ul> | <p>Luôn ý thức thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>» Chủ động công bố những thông tin quan trọng, có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định đầu tư của nhà đầu tư, giúp cổ đông, nhà đầu tư theo sát diễn biến hoạt động của EVNGENCO3.</li> <li>» Việc trao đổi, tiết lộ thông tin được thực hiện công bằng, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng cho mọi nhà đầu tư.</li> </ul> |
| <p><b>ĐỐI TÁC<br/>MUA ĐIỆN<br/>(KHÁCH HÀNG<br/>MUA ĐIỆN)</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>» Đảm bảo độ khả dụng các tổ máy</li> <li>» Chi phí mua điện cạnh tranh</li> <li>» Chia sẻ rủi ro trong quá trình tham gia thị trường điện</li> </ul>                                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>» Đề xuất, thương thảo, đàm phán giá điện và Hợp đồng mua bán điện</li> <li>» Chào giá hợp lý trên thị trường điện</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>» Tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm chi phí, giá thành điện, đảm bảo sản lượng theo cam kết.</li> <li>» Tuân thủ các quy định trong Hợp đồng mua bán điện và quy định vận hành thị trường điện</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <p><b>ĐỐI TÁC<br/>TRIỂN KHAI<br/>DỰ ÁN</b></p>                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>» Hợp tác cùng phát triển</li> <li>» Tiến độ triển khai dự án</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>» Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp.</li> <li>» Thông qua thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác giữa hai bên để tạo cơ sở xây dựng mối quan hệ gắn bó lâu dài.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>» Thực hiện trên nguyên tắc kinh doanh công bằng, chính trực, đôi bên cùng có lợi trong mọi hoạt động hợp tác kinh doanh cùng EVNGENCO3.</li> <li>» Thực hiện đối xử công bằng giữa các đối tác trong và ngoài nước.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |



## GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

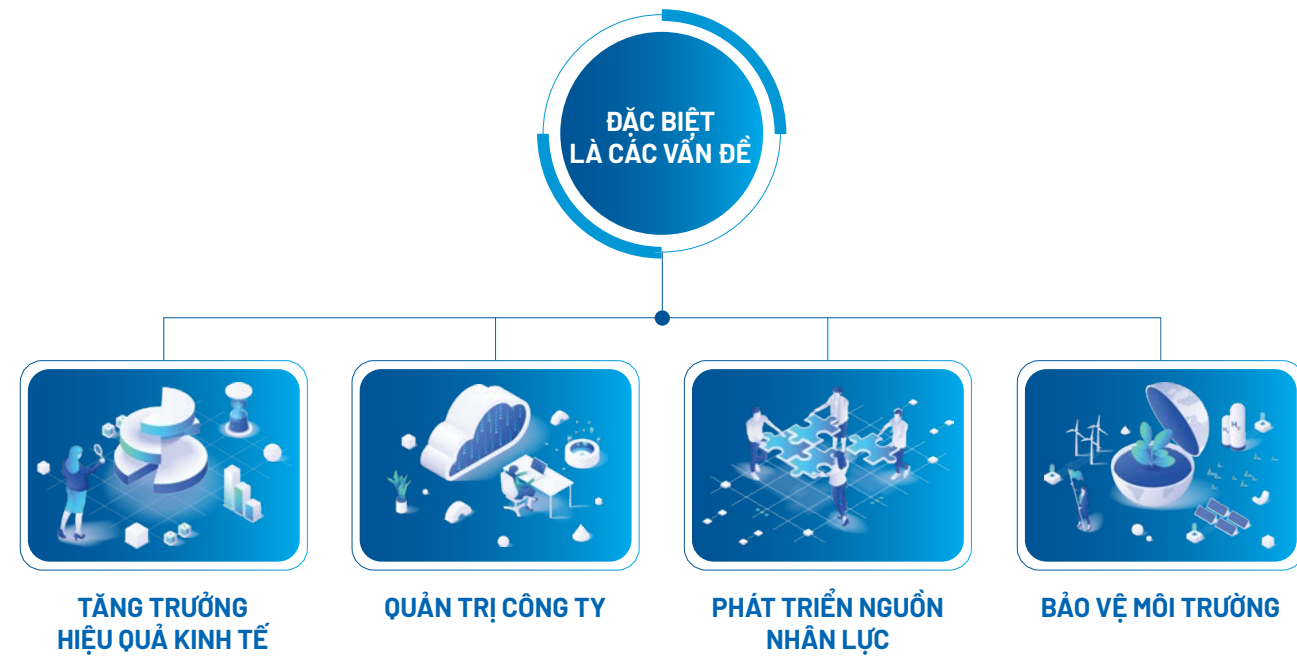
| CÁC BÊN LIÊN QUAN | CÁC MỐI QUAN TÂM                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | HÀNH ĐỘNG CỦA EVNGENCO3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                   | <ul style="list-style-type: none"><li>» Thượng tôn pháp luật;</li><li>» Triển khai và ủng hộ chủ trương của Nhà nước;</li><li>» Phát triển kinh tế địa phương và phát triển ngành;</li><li>» Thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp;</li><li>» Đóng góp vào ngân sách Nhà nước.</li></ul>                       | <ul style="list-style-type: none"><li>» Thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo vệ môi trường, PCCC,...</li><li>» Đóng góp ý kiến về các văn bản, quyết định, luật do các cơ quan Nhà nước ban hành.</li><li>» Phối hợp với các đoàn kiểm tra của các Bộ, Ban, Ngành giải trình về các vấn đề liên quan, khắc phục các tồn tại, hạn chế (nếu có) theo yêu cầu, khuyến nghị của các đoàn kiểm tra.</li><li>» Tham gia hội nghị, hội thảo chuyên ngành do các Bộ, Ban, Ngành tổ chức.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>» Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động,...</li><li>» Chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác xây dựng, sửa chữa các nhà máy điện, hoàn thiện các giai đoạn đúng tiến độ, đóng góp vào ngân sách Nhà nước và giải quyết việc làm cho lao động địa phương.</li><li>» Đưa ra đề xuất điều chỉnh phù hợp đối với các chính sách, quy định còn nhiều bất cập khi đi vào triển khai thực hiện, giúp Chính phủ và chính quyền các cấp ngày càng thực hiện tốt hơn công tác quản lý.</li></ul>                              |
|                   | <ul style="list-style-type: none"><li>» Thực thi các quy định về môi trường đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy (PCCC) và an toàn môi trường (ATMT) tại các nhà máy điện;</li><li>» Hỗ trợ phát triển kinh tế, cơ sở vật chất, y tế, giáo dục,... cho địa phương.</li></ul>                                       | <ul style="list-style-type: none"><li>» Phối hợp với chính quyền địa phương;</li><li>» Phổ biến và nâng cao nhận thức về an toàn môi trường;</li><li>» Trao đổi song phương qua các sự kiện.</li><li>» Thông qua hoạt động công đoàn qua đoàn thanh niên.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"><li>» Thực hiện sản xuất kinh doanh gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường, an toàn và an sinh xã hội.</li><li>» Triển khai các chương trình, hoạt động an sinh xã hội hàng năm theo kế hoạch của TCT cho cộng đồng như: Xây dựng nhà tình thương, trường học, tặng học bổng, xây cầu,...</li><li>» Tổ chức các hoạt động chia sẻ, hỗ trợ những hoàn cảnh nghèo, gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh,...</li></ul>                                                                                                                                                                                      |
|                   | <ul style="list-style-type: none"><li>» Đảm bảo nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi và an toàn lao động</li><li>» Môi trường làm việc văn minh, không phân biệt đối xử</li><li>» Được đào tạo, nâng cao năng lực, tay nghề và có cơ hội phát triển bản thân;</li><li>» Được ghi nhận sự cống hiến, đóng góp.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>» Hội nghị người lao động hàng năm</li><li>» Các cuộc họp tổng kết</li><li>» Tổ chức các lớp đào tạo</li><li>» Truyền thông nội bộ hiệu quả;</li><li>» Cơ chế trao đổi trực tiếp, giải quyết khiếu nại</li><li>» Ban hành và thực thi các chính sách</li><li>» Duy trì và phát huy văn hóa doanh nghiệp thông qua các hoạt động team building</li></ul>                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>» Thông qua Thỏa ước lao động kết giữa lãnh đạo TCT và đại diện của người lao động.</li><li>» Thành lập các tổ chức Công đoàn, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Câu lạc bộ Phụ nữ...</li><li>» Lấy ý kiến thông qua email, báo cáo khảo sát...</li><li>» Tổ chức chương trình bình chọn cá nhân, tập thể tiêu biểu.</li><li>» Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền An toàn - Sức khỏe - Môi trường cho CBCNV.</li><li>» Xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức cho CBCNV.</li><li>» Tổ chức các hoạt động nội bộ Công ty: Văn hóa nghệ thuật, thể thao, du lịch...</li></ul> |



## CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



EVNGENCO3 TIẾP CẬN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN QUA NHIỀU KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ BẰNG NHIỀU HÌNH THỨC KHÁC NHAU. CHÚNG TÔI LUÔN TÌM HIỂU NGUYỆN VỌNG VÀ SỰ QUAN TÂM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỂ MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY NGÀY Càng HIỆU QUẢ HƠN.



## QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Xác định các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới EVNGENCO3, cũng như tác động đến mối quan tâm của các bên liên quan.

- » Nghiên cứu, rà soát các thông tin từ thị trường và ngành điện
- » Phân tích thông tin báo chí
- » Đánh giá, khảo sát từ khách hàng, đối tác,...
- » Thông tin từ các Hiệp hội ngành
- » Các thảo luận nội bộ với người lao động buổi tiếp xúc với lãnh đạo địa phương.

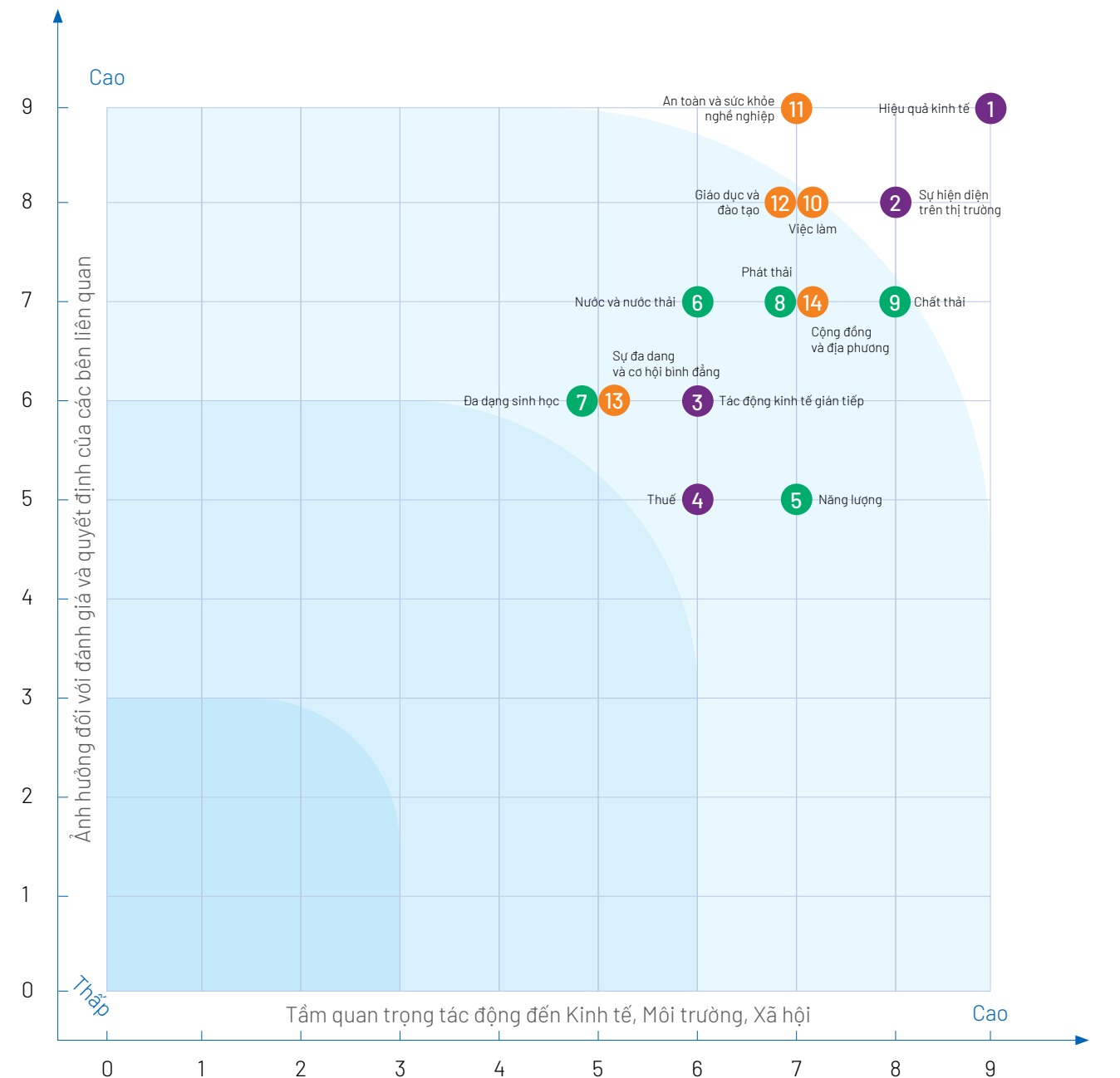
Lựa chọn các lĩnh vực trọng yếu được các bên quan tâm

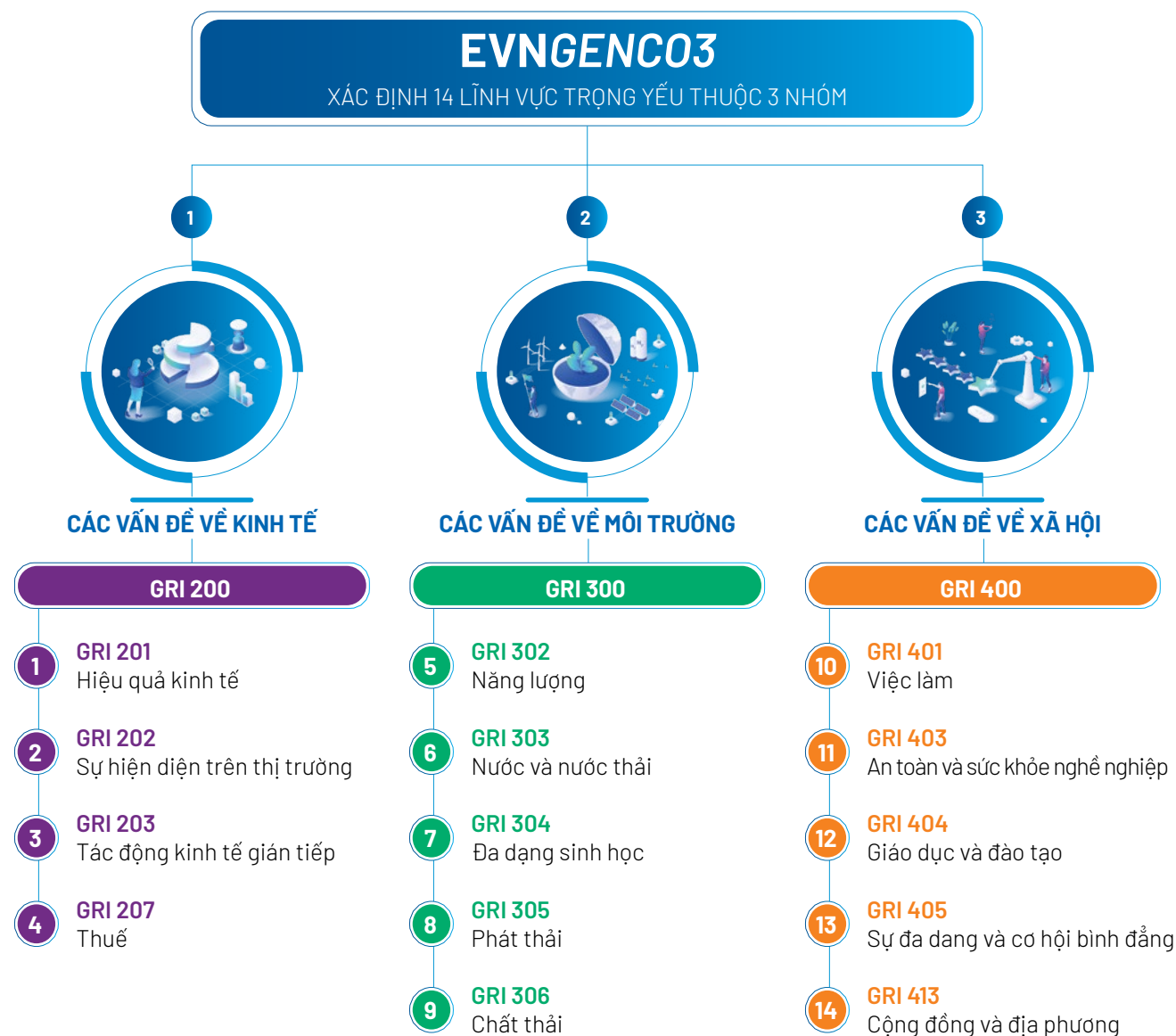
- » Sàng lọc các lĩnh vực quan trọng cần được ưu tiên
- » Xác thực lĩnh vực trọng yếu từ lãnh đạo cấp cao
- » Lựa chọn các lĩnh vực được coi là trọng yếu với EVNGENCO3
- » Phân loại các lĩnh vực trọng yếu dựa theo 3 nhóm nội dung: Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

## MA TRẬN CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



THÔNG QUA VIỆC ĐÁNH GIÁ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÁC LĨNH VỰC XÉT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA MỨC ĐỘ QUAN TÂM CỦA CÁC BÊN VÀ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG TỚI HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, EVNGENCO3 XÂY DỰNG “MA TRẬN CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU” NHẪM XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ ƯU TIÊN VÀ THỰC HIỆN PHÂN BỐ NGUỒN LỰC HỢP LÝ NHẪM ĐÁP ỨNG TỐT NHẤT CÁC KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN CŨNG NHƯ ĐẢM BẢO CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TCT.





## HIỆU QUẢ KINH TẾ

### HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - GRI 201

#### GRI 201-1

GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỐ

##### Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra - Doanh thu

- » Các nhà máy của EVNGENCO3 tham gia trực tiếp thị trường điện, do đó Tổng Công ty điều hành và kiểm soát công tác chào giá hiệu quả; phối hợp với công tác vận hành, sửa chữa các tổ máy, nhà máy để tăng doanh thu; tuân thủ các quy định trên thị trường điện.
- » Trong năm 2022, mặc dù giá nhiên liệu khí tăng cao trong giai đoạn đầu năm đã ảnh hưởng đến khả năng được huy động của các tổ máy tuabin khí và tình hình cung cấp nhiên liệu than gặp khó khăn nên một số thời điểm đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên EVNGENCO3 vẫn linh hoạt thích ứng và đạt được nhiều kết quả quan trọng:
  - › Sản lượng điện của Tổng Công ty là 32,242 tỷ kWh, đạt 101,23% kế hoạch.
  - › Tổng doanh thu của Công ty mẹ Tổng Công ty là 46.382 tỷ đồng, đạt 102,13% kế hoạch.

##### Giá trị kinh tế được phân bổ - Chi phí hoạt động

- » Tổng Công ty Phát điện 3 rút ngắn tiến độ sửa chữa lớn các tổ máy, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số và các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm chi phí hoạt động.
- » Năm 2022, các đơn vị HTPT đã hoàn thành 06 công trình sửa chữa lớn các tổ máy (Phụ Mỹ 1: Trung tu T1 GT11, Trung tu T1 GT12 và Trung tu CI GT13; Phụ Mỹ 4: Đại tu GT42; Mông Dương 1: Trung tu tổ máy S1; Buôn Tua Srah: Đại tu Tổ máy H1) đảm bảo an toàn, chất lượng, vượt tiến độ 14 ngày.
- » Thực hiện chi phí SCL năm 2022 của các đơn vị là 513.385 tỷ đồng thấp hơn 155.733 tỷ đồng so với kế hoạch.
- » Triển khai đề án giảm sự cố, chỉ tiêu tỷ lệ dừng máy do sự cố của các khối được cải thiện tốt, đạt thấp hơn rất nhiều so kế hoạch giao.

- » Thực hiện đề án giảm suất hao nhiệt, các đơn vị đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, kết quả thực hiện năm 2022 đạt 10.536 kJ/kWh, giảm 36 kJ/kWh so với thực hiện năm 2021

- » Giá vốn hàng bán/Doanh thu năm 2022 là 88,35%, xấp xỉ cùng kỳ năm 2021

##### Giá trị kinh tế được phân bổ - Lương và phúc lợi

- » Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP thực hiện chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.
- » Tổng Công ty thường xuyên rà soát, điều chỉnh chính sách phúc lợi, tạo thêm nhiều ưu đãi thiết thực để đảm bảo an sinh cho toàn thể cán bộ nhân viên.

##### Giá trị kinh tế được phân bổ - Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn

- » Với đặc thù ngành điện, các dự án đầu tư cần huy động nguồn vốn vay lớn. Trong thời gian qua, Tổng Công ty luôn đảm bảo thanh toán nợ vay cho các tổ chức tài chính đầy đủ, đúng hạn. Tổng dư nợ vay đến cuối năm 2022 của Tổng Công ty đạt 40.499 tỷ đồng, giảm 5.073 tỷ đồng so với cuối năm 2021.

##### Giá trị kinh tế được phân bổ - Các khoản phải nộp cho Chính phủ

- » Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP luôn thực hiện đầy đủ các khoản nộp ngân sách Nhà nước. Nộp ngân sách Nhà nước năm 2022 của Công ty mẹ là 2.079 tỷ đồng. Trong đó, thuế phí tài nguyên nước, phí môi trường rừng đã nộp 608,65 tỷ đồng.

##### Giá trị kinh tế được phân bổ - Các khoản đầu tư cộng đồng

- » Thường xuyên thực hiện các hoạt động thăm hỏi tặng quà cho người nghèo, gia đình chính sách, hỗ trợ các chương trình của địa phương.
- » Tổng kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ, hướng đến cộng đồng của EVNGENCO3 năm 2022 khoảng 10 tỷ đồng.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ – GRI 201

GRI 201-2  
ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH,  
CÁC RỦI RO VÀ CÁC CƠ HỘI KHÁC DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- » Thời tiết, khí hậu ở Việt Nam những năm gần đây ngày càng bất thường thể hiện qua các biểu hiện dị thường của các yếu tố nhiệt độ, lượng mưa, mực nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Do đó, các yếu tố đầu vào của nhà máy thủy điện của EVNGENCO3 cũng bị ảnh hưởng, như: mưa, bốc hơi, dòng chảy mùa lũ, dòng chảy mùa cạn, xói mòn lưu vực, bồi lắng hồ chứa... Những sự thay đổi này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng sản xuất điện (an toàn năng lượng), an toàn công trình, ngập lụt, hạn hán...

» Các rủi ro và cơ hội phát sinh do biến đổi khí hậu (BĐKH) có khả năng tạo ra những thay đổi lớn trong công tác vận hành, doanh thu hoặc chi phí các nhà máy điện, bao gồm:

| Rủi ro                                                                                                                                                  | Cơ hội                                                                          | Ảnh hưởng đến EVNGENCO3                                                                                                                                                                                                                    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div> <div>» Ảnh hưởng đến an toàn công trình do mưa lũ.</div> <div>» Giảm lưu lượng nước về do ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết El nino</div> </div> | <div> <div>» Tăng lưu lượng nước về do hiện tượng La Nina kéo dài.</div> </div> | <div> <div>» Diễn biến thời tiết phức tạp đã ảnh hưởng đến công tác dự báo lưu lượng nước về và công tác vận hành của EVNGENCO3.</div> <div>» Đặc biệt những năm thời tiết khô hạn sẽ làm giảm sản lượng điện của các nhà máy</div> </div> |



Phương án quản lý rủi ro:

- » Để vận hành các nhà máy thủy điện an toàn, hiệu quả trong mùa mưa bão, hàng năm, Tổng Công ty lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị các tổ máy, trạm điện và đường dây 220kV theo đúng kế hoạch vào thời điểm phù hợp theo thời tiết của khu vực để phát huy tối đa công suất các tổ máy.

» Với từng hồ, cần đánh giá tác động của BĐKH đến tình hình dòng chảy đến hồ trong tương lai và xây dựng quy trình vận hành tối ưu để tận dụng được sự gia tăng lượng nước vào mùa lũ phục vụ phát điện. Có kế hoạch khảo sát đo đạc lại địa hình lòng hồ, để xuất phương án nạo vét để đảm bảo dung tích hữu ích và dung tích phòng lũ của hồ chứa như thiết kế.

» Xây dựng kế hoạch PCTT&TKCN với phương châm “4 tại chỗ” về chỉ huy- lực lượng - phương tiện - vật tư và hậu cần nhằm nâng cao năng lực và trách nhiệm chuyên trách cho công tác đảm bảo an toàn của công trình trong mùa lũ, đưa tiêu chí an toàn lên hàng đầu và xuyên suốt trong hoạt động của Công ty.

» Để kịp thời thông tin vận hành điều tiết các hồ chứa đến người dân dọc hạ du, Công ty đã thiết lập 24 trạm cảnh báo lũ dọc hạ du (hồ Buôn Tua Srah: 14 Trạm; hồ Buôn Kuốp 10 trạm) đặt dọc sông vùng hạ du hồ chứa để cảnh báo cho nhân dân biết và chủ động phòng tránh. Đồng thời Công ty đã lập các nhóm Zalo cho 3 hồ chứa với Chính quyền địa phương để thông báo, trao đổi và cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng giữa các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác ứng phó với mưa lũ.

» Công ty Thủy điện Buôn Kuốp đã nghiên cứu, đưa vào ứng dụng thành công hệ thống cảnh báo lũ từ xa thay cho việc cảnh báo bằng còi giúp cho người dân vùng hạ du thủy điện tránh được các tai nạn đáng tiếc, hạn chế được thiệt hại khi có bão lũ xảy ra.

GRI 201-4  
HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ

- » Trong quá trình đầu tư, các Dự án nguồn điện của Tổng Công ty đã nhận được sự hỗ trợ của các cấp có thẩm quyền trong việc cho vay lại, bảo lãnh vay vốn nguồn vốn vay nước ngoài, điển hình như:

> Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1: vay ADB và KEXIM với tổng hạn mức vay 1.440.710.000 USD.

> Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2: vay China Eximbank với tổng hạn mức vay 980.025.629,05 USD và 600.000.000 CNY.

SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG – GRI 202

GRI 202-1  
TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG

- » Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP thực hiện chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

» Tổng Công ty thực hiện mức lương khởi điểm cho NLĐ đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định pháp luật và không có sự khác biệt về mức lương theo giới tính.

TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP – GRI 203

GRI 203-1  
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĐƯỢC HỖ TRỢ

- » Trong năm 2022, EVNGENCO3 tiếp tục đồng hành cùng các địa phương, nơi đóng chân của các nhà máy trong công tác cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống của người dân

» Tổng Công ty/Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân cũng phối hợp với Đài truyền hình Bình Thuận, UBMTTQVN tỉnh Bình Thuận tiếp tục triển khai chương trình “Mái ấm yêu thương” trao tặng nhà tình thương cho các gia đình khó khăn tại tỉnh Bình

Thuận, mỗi căn trị giá 100 triệu đồng. Từ năm 2019 đến nay, chương trình đã thực hiện và bàn giao được 34 căn nhà.

» Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, CTNĐ Mông Dương, CTTĐ Buôn Kuốp, CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh trao tặng 19 căn nhà Đại đoàn kết cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn các tỉnh.

» Đoàn thanh niên EVNGENCO3 hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn bằng bê tông tro xỉ NMNĐ Vĩnh Tân 2, thắp sáng các tuyến đường quê dài 3km bằng đèn năng lượng mặt trời tại Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu.

THUẾ – GRI 207

GRI 207-1  
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN THUẾ

- » Tổng Công ty thực hiện kê khai và nộp các loại thuế theo quy định như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật.

» Ngoài ra, từng Công ty con, công ty liên kết được áp dụng mức thuế riêng do được hưởng ưu đãi từ việc đầu tư, xây dựng các nhà máy điện.

» Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Tổng Công ty thực hiện nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn có liên quan Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của

Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

» Thuế Thu nhập cá nhân: Tổng Công ty và các cổ đông trong Tổng Công ty khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu phải nộp thuế Thu nhập cá nhân theo các quy định hiện hành.





CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG

NĂNG LƯỢNG - GRI 302

Nhận thức được vai trò của việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất điện là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo phát triển bền vững. Tổng Công ty Phát điện 3 thực hiện nhiều giải pháp giảm suất hao nhiệt, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, tồn kho nhiên liệu tối ưu.

KHỐI LƯỢNG NHIÊN LIỆU CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN ĐÃ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT ĐIỆN NĂM 2022

| Nhà máy điện                 | Nhiên liệu sử dụng | Đơn vị tính | Khối lượng sử dụng | Nhà cung cấp                                               |
|------------------------------|--------------------|-------------|--------------------|------------------------------------------------------------|
| Nhiên liệu không thể tái tạo |                    |             |                    |                                                            |
| NMNĐ Phú Mỹ                  | Khí tự nhiên       | Triệu BTU   | 80.870.221         | Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP                           |
|                              | Dầu DO             | Lít         | 1.711.065          | Các đơn vị cung cấp xăng dầu                               |
|                              | Điện tự dùng       | kWh         | 214.213.759        | Tự sản xuất và mua ngoài                                   |
| NMNĐ Vĩnh Tân 2              | Than cám           | Tấn         | 3.088.301          | » Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam                        |
|                              |                    |             |                    | » Tổng Công ty Đông Bắc                                    |
|                              |                    |             |                    | » Than nhập khẩu (NK) từ các nhà cung cấp (NCC) khác       |
|                              | Dầu DO             | Lít         | 5.946.741          | » Nhiều NCC                                                |
|                              | Điện tự dùng       | kWh         | 466.597.812        | » Tự sản xuất và mua EVN (đối với lượng điện nhận từ lưới) |
| NMNĐ Mông Dương 1            | Than cám           | Tấn         | 3.393.937          | » Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam                        |
|                              |                    |             |                    | » Tổng Công ty Đông Bắc                                    |
|                              | Dầu DO             | Lít         | 3.311.547          | » Nhiều NCC                                                |
|                              | Điện tự dùng       | kWh         | 712.126.542        | Tự sản xuất và mua ngoài                                   |
| Nhiên liệu có thể tái tạo    |                    |             |                    |                                                            |
| NMĐMT Vĩnh Tân 2             | Bức xạ Nhiệt       | W/m²        | 1.643.602          |                                                            |

NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI - GRI 303

NƯỚC TIÊU THỤ

Tổng Công ty đang khai thác và sử dụng các nguồn nước sau đây:

- » Nước chạy máy sản xuất điện trong nhà máy thủy điện: được tích trong các hồ chứa phía thượng lưu nhà máy, qua hệ thống tuyến năng lượng dẫn vào tuabin phát điện, sau đó đổ ra hạ lưu nhà máy qua hệ thống kênh dẫn và nhập vào các nhánh sông, suối.
- » Nước làm mát trong các nhà máy nhiệt điện: được lấy từ sông hoặc biển qua hệ thống kênh dẫn nước vào, đưa vào bình ngưng để trao đổi nhiệt làm mát, sau đó đổ ra lại sông hoặc biển qua hệ thống kênh thoát nước làm mát.
- » Ngoài ra, các nhà máy nhiệt điện còn sử dụng nước thủy cục (từ đơn vị cung cấp), nước hồ hoặc nước biển để sản xuất nước khử khoáng phục vụ sản xuất điện; nước biển còn được tận dụng để xử lý môi trường đối với khói thải trước khi qua ống khói.

NƯỚC THẢI

- » Nước thải công nghiệp: nước thải phát sinh trong các hoạt động sản xuất của nhà máy, như nước

thải nhiễm dầu, nhiễm than, nhiễm hóa chất,...Các nguồn nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung, sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng cho các các mục đích phù hợp hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

- » Nước thải sinh hoạt: không đáng kể. Nước thải sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng để tưới cây hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

HỆ THỐNG QUAN TRẮC ONLINE ĐỐI VỚI NƯỚC MẶT, NƯỚC BIỂN VÀ NƯỚC THẢI

- » Các NMTĐ đã lắp đặt đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc, giám sát việc khai thác, sử dụng nước hồ và truyền số liệu về cơ quan chức năng theo quy định.
- » Các NMNĐ đã lắp đặt đầy đủ hệ thống quan trắc online đối với nước mặt, nước biển, nước thải và truyền về Sở TN&MT địa phương theo quy định.
- » Đồng thời cũng truyền về trụ sở EVNGENCO3 để phối hợp giám sát, kiểm soát, góp phần cho công tác quản lý môi trường được kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn.

KHỐI LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN NĂM 2022

| Nhà máy điện       | Thông số                     | Đơn vị tính | Khối lượng sử dụng |
|--------------------|------------------------------|-------------|--------------------|
| NMNĐ Phú Mỹ        | Nước sạch tiêu thụ           | m³          | 1.085.951.808      |
| NMNĐ Vĩnh Tân 2    | Nước sạch tiêu thụ           | m³          | 1.185.789.833      |
| NMNĐ Mông Dương 1  | Nước sạch tiêu thụ           | m³          | 1.223.261.000      |
| NMTĐ Buôn Kướp     | Tổng lưu lượng nước chạy máy | m³          | 3.141.931.680      |
| NMTĐ Buôn Tua Srah | Tổng lưu lượng nước chạy máy | m³          | 6.594.492.960      |
| NMTĐ Srêpôk 3      | Tổng lưu lượng nước chạy máy | m³          | 8.584.729.920      |

KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI NĂM 2022

| Nhà máy điện      | Khối lượng (m³) |
|-------------------|-----------------|
| NMNĐ Phú Mỹ       | 298.112         |
| NMNĐ Vĩnh Tân 2   | 99.020          |
| NMNĐ Mông Dương 1 | 831.640         |





**ĐA DẠNG SINH HỌC - GRI 304**

- » Trong khuôn viên các NMNĐ được phủ xanh tối đa tại các vị trí đất trống, trừ những khu vực cần phải ngăn ngừa tuyệt đối vấn đề cháy nổ. Đối với các NMNĐ than còn trồng cây xanh tại khu vực xung quanh bãi xỉ.
- » Đối với các NMTĐ, bên cạnh trồng cây xanh bổ sung phần diện tích xây dựng nhà máy, đơn vị còn thực hiện nghĩa vụ đóng phí dịch vụ môi trường rừng, nộp vào ngân sách nhà nước.
- » Đối với các nhà máy điện có sử dụng nước mặt để sản xuất điện, làm mát máy móc thiết bị thực hiện nghĩa vụ đóng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước.
- » Các nhà máy có phát sinh nước thải sau xử lý xả ra nguồn tiếp nhận đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.



**PHÁT THẢI - GRI 305**

| Chỉ tiêu            | Đơn vị đo | Thông số năm 2022 |               |                 |                |
|---------------------|-----------|-------------------|---------------|-----------------|----------------|
|                     |           | CTNĐ Phú Mỹ       | CTNĐ Vĩnh Tân | CTNĐ Mông Dương | CTNĐ Buôn Kuốp |
| Tổng lượng khí thải | triệu m³  | 33.620,26         | 10.555,99     | 23.233,54       | -              |

**HỆ THỐNG XỬ LÝ**

- » Khói thải các NMNĐ khí tương đối sạch do nhiên liệu đầu vào là nhiên liệu sạch, kết hợp sử dụng các vòi đốt có công nghệ tiên tiến giảm phát thải, vì vậy nồng độ các khí thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như SOx, NOx, bụi chỉ ở mức thấp so với giới hạn cho phép. Khí thải sau khi qua khỏi lò thu hồi nhiệt được đưa đến ống khói cao xả ra nguồn tiếp nhận.
- » Khí thải các NMNĐ than sau khi ra khỏi buồng đốt được dẫn qua lần lượt hệ thống SCR xử lý NOx, hệ thống FGD xử lý SOx, hệ thống ESP xử lý bụi, sau đó đưa đến ống khói cao xả ra nguồn tiếp nhận, vì vậy nồng độ các khí thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở mức thấp, trong ngưỡng giới hạn cho phép.
- » Khí thải nhà kính hiện nay của các NMNĐ chủ yếu là CO<sub>2</sub>. Hiện EVNGENCO3 đang triển khai tìm hiểu, nghiên cứu các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính để tổ chức áp dụng đạt hiệu quả cao nhất.

**HỆ THỐNG QUAN TRẮC KHÍ THẢI ONLINE**

- » Các NMNĐ than trong EVNGENCO3 đã lắp đặt đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc khí thải online và truyền về Sở TN&MT địa phương theo quy định.
- » Đồng thời cũng truyền về trụ sở EVNGENCO3 để phối hợp giám sát, kiểm soát, góp phần cho công tác quản lý môi trường được kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn.



**CHẤT THẢI - GRI 306**

**CHẤT THẢI NGUY HẠI**

- » Phần lớn phát sinh nhiều trong các NMNĐ, chủ yếu là các chất thải sau: Vật liệu mài dạng hạt có thành phần nguy hại (cát, bột mài, ...); Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Dầu mỡ thải các loại; Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước; Vật liệu lọc (bao gồm vật liệu lọc dầu) bị nhiễm các thành phần nguy hại; Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại; Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu thải; Vật liệu lót và chịu lửa có các thành phần nguy hại; Các loại chất oxy hóa thải.
- » Chất thải nguy hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý.

**CHẤT THẢI KHÔNG NGUY HẠI**

- » Chất thải rắn phát sinh trong hoạt động làm việc tại văn phòng và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong hoạt động ăn uống, sinh hoạt thường nhật.
- » Tro xỉ phát sinh trong hoạt động sản xuất điện của NMNĐ than.
- » Chất thải rắn công nghiệp thông thường: vật tư kém, mất phẩm chất.
- » Chất thải không nguy hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý.

**PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN HẠN CHẾ PHÁT SINH CHẤT THẢI**

- » Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và thực hiện chính sách thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tài nguyên hiện có đến từng CBCNV; kết hợp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở.
- » **Quan điểm:** khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên, các nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất, văn phòng phẩm,...; tối ưu trong việc tận dụng, tái sử dụng, tái chế nguyên nhiên vật liệu, văn phòng phẩm, vật tư, phế liệu kém, mất phẩm chất, hạn chế việc thải bỏ.
- » Khai thác tro xỉ như một dạng sản phẩm hàng hóa, có thể trao đổi, buôn bán hoặc sử dụng trong hoạt động xây dựng, làm đường giao thông, san nền,...

| Chỉ tiêu                                            | Đơn vị đo | Thông số năm 2022 |               |                 |                | Tổng cộng |
|-----------------------------------------------------|-----------|-------------------|---------------|-----------------|----------------|-----------|
|                                                     |           | CTNĐ Phú Mỹ       | CTNĐ Vĩnh Tân | CTNĐ Mông Dương | CTNĐ Buôn Kuốp |           |
| Chất thải rắn thông thường (bao gồm CTRSH và CTRCN) | tấn       | 76,71             | 155,45        | 277,09          | 2,00           | 511,25    |
| Tro xỉ nhiệt điện than                              | tấn       | -                 | 1.429.496     | 2.045.762,11    | -              | 1.429.496 |
| Chất thải nguy hại                                  | tấn       | 194,61            | 121,89        | 226,92          | 1.310,00       | 1.626,50  |



## CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI



### CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI

#### VIỆC LÀM - GRI 401

##### GRI 401-1

###### SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

- » Số lượng nhân viên tuyển dụng mới trong TCT năm 2022: 74 người
- » Tỷ lệ thôi việc trong Tổng Công ty năm 2022: 106 người.

##### GRI 401-2

###### PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN

- » Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP đảm bảo thu nhập cạnh tranh; các chế độ phúc lợi như: bảo hiểm chăm sóc sức khỏe; tham quan nghỉ mát; chế độ làm việc linh hoạt; cơ hội học tập và phát triển trong/ngoài nước, chế độ thai sản đối với lao động nữ.

##### GRI 401-3

###### NGHỈ THAI SẢN

- » TCT thực hiện chế độ thai sản cho NLD theo đúng các quy định pháp luật, người lao động được nghỉ thai sản hưởng chế độ BHXH và các chế độ trợ cấp, hỗ trợ của TCT theo Thỏa ước lao động tập thể.



#### VIỆC LÀM - GRI 403

- » Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước, các Bộ, ngành, EVN về việc đo kiểm tra môi trường lao động, định kỳ đo kiểm và đánh giá, các chỉ số đều trong tiêu chuẩn cho phép; định kỳ quản lý, chăm sóc sức khỏe người lao động.
- » Thực hiện tốt công tác cải tạo điều kiện, môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên triển khai công tác an toàn, vệ sinh phòng dịch, nhất là các biện pháp phòng dịch COVID-19.
- » Tổ chức và tham gia đầy đủ các đợt tập huấn công tác y tế, sơ cấp cứu ban đầu, an toàn vệ sinh lao động.
- » Tổ chức nghỉ điều dưỡng, phục hồi chức năng lao động cho người lao động có sức khỏe loại 4 hoặc loại 5 hoặc người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

##### GRI 403-1

###### HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

- » Tổng Công ty đã lập hồ sơ quản lý sức khỏe theo đúng quy định và nhập kết quả khám bệnh, theo dõi sức khỏe cá nhân trên hệ thống phần mềm HRMS giúp người sử dụng lao động, CBCNV dễ dàng quản lý theo dõi tình trạng sức khỏe, phân công công tác hợp lý, phù hợp với đặc thù, tính chất công việc.
- » Phòng y tế của các đơn vị được trang bị đầy đủ thuốc và các dụng cụ cần thiết; nhân viên y tế được huấn luyện, bồi dưỡng và có chứng nhận đầy đủ, thực hiện tốt việc cấp phát thuốc, săn sóc người lao động những bệnh thông thường và tiến hành sơ cấp cứu ban đầu, theo dõi chuyển bệnh nhân đến các cơ sở y tế có ký hợp đồng khám chữa bệnh ban đầu kịp thời để tiếp tục điều trị có hiệu quả, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

##### GRI 403-3

###### DỊCH VỤ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

- » Hàng năm, Tổng Công ty/đơn vị đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBCNV theo đúng quy định 01 lần/năm, người làm việc nặng nhọc độc hại được khám 6 tháng/1 lần; tạo điều kiện để người lao động được khám chuyên sâu để phát hiện sớm, hỗ trợ điều trị bệnh theo phác đồ chữa trị. Ngoài ra, một số đơn vị còn chủ động tổ chức khám bệnh phụ khoa cho người lao động nữ 2 lần/năm.
- » Tổng Công ty triển khai mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe hàng năm cho CBCNV.

##### GRI 403-5

###### HUẤN LUYỆN SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

- » Tích cực tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng, huấn luyện chuyên sâu về nghiệp vụ y tế nhằm nâng cao trình độ và tay nghề của đội ngũ y bác sỹ tại các phòng y tế của các đơn vị, đảm bảo có đầy đủ hồ sơ và được cấp Giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận tham gia các khóa tập huấn đầy đủ.
- » Tổng Công ty đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các đợt tập huấn, nâng cao kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên tuyên truyền về công tác an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên nhằm giảm rủi ro và các yếu tố có hại tại nơi làm việc.



## CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

### GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - GRI 404

#### GRI 404-1

##### SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN

Trong năm 2022, Cơ quan TCT và các đơn vị trực thuộc thực hiện đào tạo, tập huấn 13.810 lượt với sự tham gia của 2.071 học viên, (đào tạo qua E-learning 31.884 lượt). Chi phí đào tạo là 59,55 tỷ đồng. Đảm bảo tối thiểu 40h đào tạo/năm/CBCNV.

#### GRI 404-2

##### CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CHUYỂN TIẾP

- » Triển khai theo Kế hoạch đào tạo năm, TCT luôn chú trọng các nội dung đào tạo gắn với nhiệm vụ SXKD, theo mô hình Tổ chức học hỏi, xây dựng đội ngũ CBCNV có năng lực, chuyên nghiệp.
- » Chủ động đào tạo và đào tạo lại, đặc biệt đối với các lĩnh vực đã áp dụng chuyển đổi số, đảm bảo người lao động có đủ năng lực và thể lực đáp ứng linh hoạt, an toàn và hiệu quả; tập trung đào tạo kỹ thuật chuyên sâu, kết hợp đào tạo trong nước và nước ngoài (Chuyên gia tháo lắp cân chỉnh Máy phát điện tại Thụy Sĩ; SC Turbine hơi, Bảo dưỡng SC điện gió tại Mỹ; Công nghệ Mô phỏng CFD tại Đức; Điện gió ngoài khơi tại Úc)

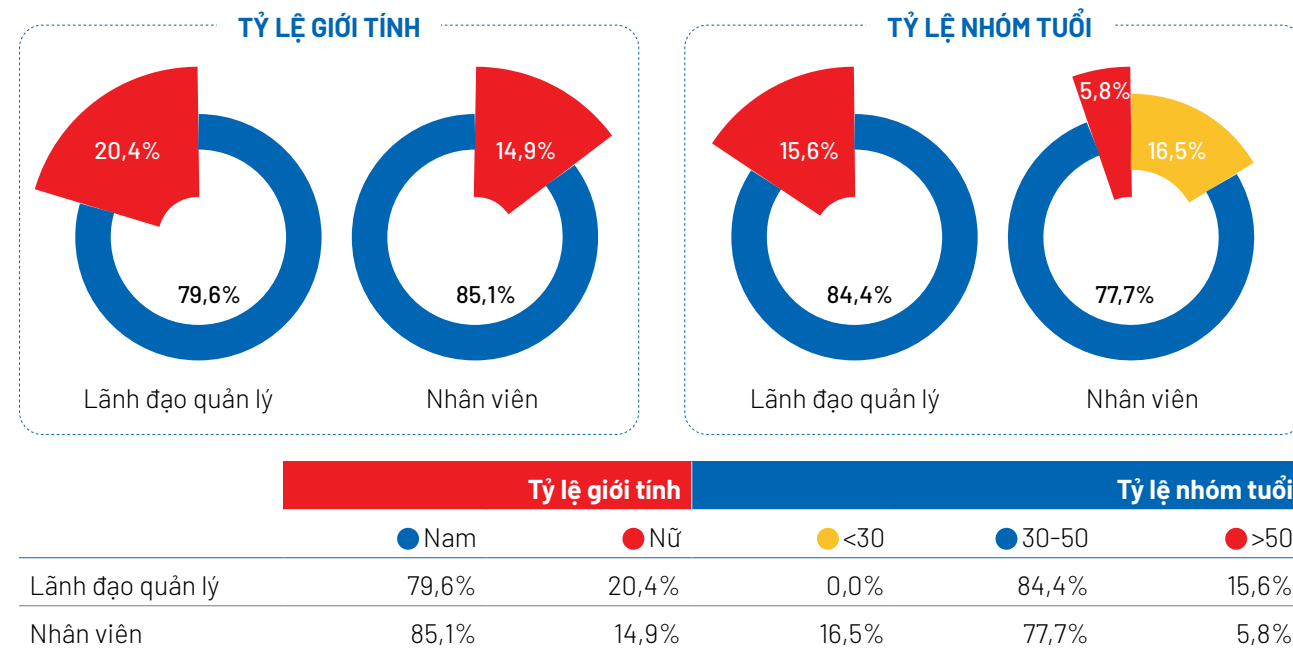
### SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG - GRI 405

#### GRI 405-1

##### SỰ ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- » EVNGENCO3 luôn đảm bảo nguyên tắc tuyển dụng bình đẳng, công bằng. Đồng thời, không phân biệt giới tính trong các chính sách cũng như chế độ phúc lợi
- » Tham gia đánh giá và đạt chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu là sự khẳng định cho quyết tâm của EVNGENCO3 trong quá trình xây dựng một môi trường làm việc bình đẳng thực chất về giới, hướng đến sự phát triển bền vững của TCT dựa vào những lợi ích mà một môi trường làm việc bình đẳng mang lại.

##### BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN SỰ ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN



### CỘNG ĐỒNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG - GRI 413

- » Hỗ trợ định kỳ hàng tháng cho 47 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi cha mẹ do dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, đến khi hoàn thành chương trình học lớp 12, mỗi năm tài trợ 1,28 tỷ đồng;
- » Triển khai chương trình "Sửa học đường" cho các trường tiểu học tại Phú Mỹ và Vĩnh Tân hơn 01 tỷ đồng; trao tặng 50 bộ máy vi tính và dụng cụ học tập cho các trường ở Phú Yên, Bình Định bị ảnh hưởng thiên tai, bão lũ.
- » Đồng thời, Tổng Công ty, các đơn vị tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho buôn kết nghĩa, người dân vùng hạ du, gia đình chính sách, hộ nghèo... trên địa bàn nhân dịp lễ, tết; Các hoạt động hiến máu nhân đạo hưởng ứng tuần lễ Hồng, tháng Tri ân khách hàng; hỗ trợ xây dựng trường học, làm đường giao thông... theo nhu cầu thực tế tại địa phương và chủ trương, tinh thần của EVN/EVNGENCO3





VỮNG BƯỚC **TƯƠNG LAI**

|                                      |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                              |
|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP                 | Số 3025/QĐ-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 1 tháng 6 năm 2012.                                                                                                                                                                                        |                                              |
| GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP | Số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 10 năm 2021. |                                              |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ                    | Ông Đinh Quốc Lâm                                                                                                                                                                                                                                    | Chủ tịch                                     |
|                                      | Ông Trương Quốc Phúc                                                                                                                                                                                                                                 | Thành viên<br>(đến ngày 14 tháng 6 năm 2022) |
|                                      | Ông Lê Văn Danh                                                                                                                                                                                                                                      | Thành viên                                   |
|                                      | Ông Nguyễn Minh Khoa                                                                                                                                                                                                                                 | Thành viên                                   |
|                                      | Ông Đỗ Mộng Hùng                                                                                                                                                                                                                                     | Thành viên độc lập                           |
| BAN KIỂM SOÁT                        | Ông Phạm Hùng Minh                                                                                                                                                                                                                                   | Trưởng ban                                   |
|                                      | Ông Đậu Đức Chiến                                                                                                                                                                                                                                    | Thành viên                                   |
|                                      | Bà Vũ Hải Ngọc                                                                                                                                                                                                                                       | Thành viên                                   |
| BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                    | Ông Lê Văn Danh                                                                                                                                                                                                                                      | Tổng Giám đốc                                |
|                                      | Ông Cao Minh Trung                                                                                                                                                                                                                                   | Phó Tổng Giám đốc                            |
|                                      | Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương                                                                                                                                                                                                                         | Phó Tổng Giám đốc                            |
|                                      | Bà Nguyễn Thị Thanh Hương                                                                                                                                                                                                                            | Phó Tổng Giám đốc                            |
|                                      | Ông Võ Minh Thắng                                                                                                                                                                                                                                    | Phó Tổng Giám đốc                            |
| NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT        | Ông Lê Văn Danh                                                                                                                                                                                                                                      | Tổng Giám đốc                                |
| TRỤ SỞ CHÍNH                         | Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.                                                                                                                             |                                              |
| CÔNG TY KIỂM TOÁN                    | Công ty TNHH PwC (Việt Nam)                                                                                                                                                                                                                          |                                              |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Phát Điện 3 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

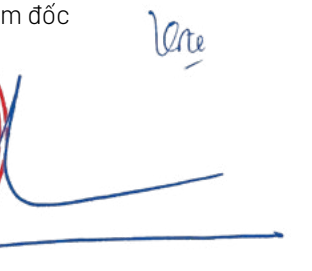
- » chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- » thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- » lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Nhóm Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Nhóm Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 56. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Phó Tổng Giám đốc  
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phát Điện 3 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, và được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 13 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 56.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH**

Như được trình bày tại Thuyết minh 37 – Cổ phần hóa của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan thẩm quyền có liên quan chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Do đó, các ảnh hưởng tài chính (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất này có thể được thực hiện bổ sung khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa. Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)**



Mai Viết Hùng Trân  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền  
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12972  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Thái Văn Cường  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3435-2020-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01 - DN/HN

| Tại ngày 31 tháng 12 năm |                                              |             |                      |                      |
|--------------------------|----------------------------------------------|-------------|----------------------|----------------------|
| Mã số                    | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | 2022 VND             | 2021 VND             |
| 100                      | TÀI SẢN NGẮN HẠN                             |             | 20.280.737.476.128   | 18.823.828.629.511   |
| 110                      | Tiền và các khoản tương đương tiền           | 3           | 1.727.691.330.819    | 2.393.109.084.650    |
| 111                      | Tiền                                         |             | 492.191.330.819      | 455.109.084.650      |
| 112                      | Các khoản tương đương tiền                   |             | 1.235.500.000.000    | 1.938.000.000.000    |
| 120                      | Đầu tư tài chính ngắn hạn                    |             | 3.837.650.000.000    | 4.112.650.000.000    |
| 123                      | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 4(a)        | 3.837.650.000.000    | 4.112.650.000.000    |
| 130                      | Các khoản phải thu ngắn hạn                  |             | 12.447.021.904.234   | 9.144.287.998.333    |
| 131                      | Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 5           | 11.710.481.578.712   | 8.628.333.046.050    |
| 132                      | Trả trước cho người bán ngắn hạn             |             | 186.819.665.642      | 194.724.871.555      |
| 136                      | Phải thu ngắn hạn khác                       | 6           | 549.720.659.880      | 321.230.080.728      |
| 140                      | Hàng tồn kho                                 | 7           | 1.920.190.836.695    | 3.065.857.280.370    |
| 141                      | Hàng tồn kho                                 |             | 1.922.515.305.345    | 3.068.493.224.605    |
| 149                      | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho               |             | (2.324.468.650)      | (2.635.944.235)      |
| 150                      | Tài sản ngắn hạn khác                        |             | 348.183.404.380      | 107.924.266.158      |
| 151                      | Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 8(a)        | 51.726.147.993       | 41.553.026.092       |
| 152                      | Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | 13(b)       | 286.390.636.066      | 36.090.153.662       |
| 153                      | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     | 13(b)       | 10.066.620.321       | 30.281.086.404       |
| 200                      | TÀI SẢN DÀI HẠN                              |             | 45.937.223.039.706   | 49.133.370.089.140   |
| 210                      | Khoản phải thu dài hạn                       |             | 3.274.424.000        | 3.324.424.000        |
| 216                      | Phải thu dài hạn khác                        |             | 3.274.424.000        | 3.324.424.000        |
| 220                      | Tài sản cố định                              |             | 40.707.325.461.416   | 44.484.432.498.953   |
| 221                      | Tài sản cố định hữu hình                     | 9(a)        | 40.107.624.331.926   | 43.892.248.185.798   |
| 222                      | Nguyên giá                                   |             | 114.631.289.946.787  | 113.897.334.917.646  |
| 223                      | Giá trị khấu hao lũy kế                      |             | (74.523.665.614.861) | (70.005.086.731.848) |
| 227                      | Tài sản cố định vô hình                      | 9(b)        | 599.701.129.490      | 592.184.313.155      |
| 228                      | Nguyên giá                                   |             | 659.981.216.961      | 640.634.704.693      |
| 229                      | Giá trị khấu hao lũy kế                      |             | (60.280.087.471)     | (48.450.391.538)     |
| 240                      | Tài sản dở dang dài hạn                      |             | 342.714.757.716      | 395.448.757.956      |
| 242                      | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 10          | 342.714.757.716      | 395.448.757.956      |
| 250                      | Đầu tư tài chính dài hạn                     |             | 2.616.222.567.285    | 2.417.344.495.857    |
| 252                      | Đầu tư vào công ty liên kết                  | 4(b)        | 2.026.710.839.437    | 1.696.435.122.469    |
| 253                      | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 4(b)        | 536.909.373.388      | 536.909.373.388      |
| 254                      | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 4(b)        | (5.397.645.540)      | -                    |
| 255                      | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 4(a)        | 58.000.000.000       | 184.000.000.000      |
| 260                      | Tài sản dài hạn khác                         |             | 2.267.685.829.289    | 1.832.819.912.374    |
| 261                      | Chi phí trả trước dài hạn                    | 8(b)        | 266.684.645.678      | 256.320.914.148      |
| 263                      | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 11          | 2.001.001.183.611    | 1.576.498.998.226    |
| 270                      | TỔNG TÀI SẢN                                 |             | 66.217.960.515.834   | 67.957.198.718.651   |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

| Tại ngày 31 tháng 12 năm |                                                |             |                    |                    |
|--------------------------|------------------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|
| Mã số                    | NGUỒN VỐN                                      | Thuyết minh | 2022 VND           | 2021 VND           |
| 300                      | NỢ PHẢI TRẢ                                    |             | 48.575.214.944.157 | 50.548.049.490.150 |
| 310                      | Nợ ngắn hạn                                    |             | 13.138.480.832.135 | 10.457.422.068.212 |
| 311                      | Phải trả người bán ngắn hạn                    | 12          | 5.045.551.157.760  | 3.737.264.605.887  |
| 312                      | Người mua trả tiền trước ngắn hạn              |             | -                  | 1.617.000.000      |
| 313                      | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước            | 13(a)       | 382.009.061.403    | 467.211.784.792    |
| 314                      | Phải trả người lao động                        | 14          | 338.894.242.474    | 487.629.069.916    |
| 315                      | Chi phí phải trả ngắn hạn                      | 15          | 55.413.606.530     | 38.195.638.243     |
| 318                      | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn              | 16          | 16.034.281.212     | 16.010.207.364     |
| 319                      | Phải trả ngắn hạn khác                         | 17          | 1.585.152.242.768  | 575.332.163.878    |
| 320                      | Vay ngắn hạn                                   | 18(a)       | 5.380.511.397.427  | 4.898.437.444.941  |
| 322                      | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                      | 19          | 334.914.842.561    | 235.724.153.191    |
| 330                      | Nợ dài hạn                                     |             | 35.436.734.112.022 | 40.090.627.421.938 |
| 336                      | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn               | 16          | 318.322.507.370    | 333.480.722.006    |
| 337                      | Phải trả dài hạn khác                          |             | 24.613.000         | 4.100.000          |
| 338                      | Vay dài hạn                                    | 18(b)       | 35.118.386.991.652 | 39.757.142.599.932 |
| 400                      | VỐN CHỦ SỞ HỮU                                 |             | 17.642.745.571.677 | 17.409.149.228.501 |
| 410                      | Vốn chủ sở hữu                                 |             | 17.642.745.571.677 | 17.409.149.228.501 |
| 411                      | Vốn góp của chủ sở hữu                         | 20, 21      | 11.234.680.460.000 | 11.234.680.460.000 |
| 411a                     | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |             | 11.234.680.460.000 | 11.234.680.460.000 |
| 412                      | Thặng dư vốn cổ phần                           | 21          | 6.014.917.945      | 6.014.917.945      |
| 414                      | Vốn khác của chủ sở hữu                        | 21          | 50.811.630.001     | 47.147.215.051     |
| 418                      | Quỹ đầu tư phát triển                          | 21          | 1.315.934.828.273  | 696.713.720.759    |
| 420                      | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                  | 21          | 15.748.025.022     | 15.890.285.682     |
| 421                      | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối     | 21          | 4.645.513.771.528  | 5.027.205.061.567  |
| 421a                     | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước |             | 2.739.041.723.587  | 1.886.156.239.291  |
| 421b                     | - LNST chưa phân phối của năm nay              |             | 1.906.472.047.941  | 3.141.048.822.276  |
| 429                      | Lợi ích cổ đông không kiểm soát                | 21          | 374.041.938.908    | 381.497.567.497    |
| 440                      | TỔNG NGUỒN VỐN                                 |             | 66.217.960.515.834 | 67.957.198.718.651 |



Trần Nguyễn Khánh Linh  
Người lập



Vũ Phương Thảo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu B 02 - DN/HN

|              |                                                       | Năm tài chính kết thúc<br>ngày 31 tháng 12 năm |                      |                      |
|--------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Mã số        | Thuyết minh                                           | 2022 VND                                       | 2021 VND             |                      |
| 10           | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 25                                             | 47.287.247.983.691   | 37.757.423.718.797   |
| 11           | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                  | 26                                             | (41.868.485.643.133) | (33.470.586.793.821) |
| 20           | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ         |                                                | 5.418.762.340.558    | 4.286.836.924.976    |
| 21           | Doanh thu hoạt động tài chính                         | 27                                             | 323.141.834.137      | 1.260.808.123.657    |
| 22           | Chi phí tài chính                                     | 28                                             | (2.543.103.087.532)  | (1.217.742.963.056)  |
| 23           | - Trong đó: Chi phí lãi vay                           | 28                                             | (1.576.833.210.859)  | (1.221.622.521.691)  |
| 24           | Phần lãi trong công ty liên kết                       | 4(b)                                           | 513.938.765.968      | 207.095.071.378      |
| 25           | Chi phí bán hàng                                      |                                                | (245.097.769)        | (224.928.362)        |
| 26           | Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | 29                                             | (674.280.026.384)    | (615.369.329.470)    |
| 30           | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh               |                                                | 3.038.214.728.978    | 3.921.402.899.123    |
| 31           | Thu nhập khác                                         |                                                | 31.274.606.898       | 29.528.270.392       |
| 32           | Chi phí khác                                          |                                                | (12.138.074.008)     | (38.774.044.478)     |
| 40           | Lợi nhuận/(lỗ) khác                                   |                                                | 19.136.532.890       | (9.245.774.086)      |
| 50           | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                     |                                                | 3.057.351.261.868    | 3.912.157.125.037    |
| 51           | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | 30                                             | (507.534.849.403)    | (733.238.642.817)    |
| 60           | Lợi nhuận sau thuế TNDN                               |                                                | 2.549.816.412.465    | 3.178.918.482.220    |
| Phân bổ cho: |                                                       |                                                |                      |                      |
| 61           | Tổng Công ty                                          |                                                | 2.524.379.473.241    | 3.141.048.822.276    |
| 62           | Cổ đông không kiểm soát                               |                                                | 25.436.939.224       | 37.869.659.944       |
| 70           | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                              | 23(a)                                          | 2.247                | 2.614                |
| 71           | Lãi suy giảm trên cổ phiếu                            | 23(b)                                          | 2.247                | 2.614                |

  
Trần Nguyễn Khánh Linh  
Người lập

  
Vũ Phương Thảo  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thanh Hương  
Phó Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu B 03 - DN/HN

|                                         |                                                                                           | Năm tài chính kết thúc<br>ngày 31 tháng 12 năm |                     |  |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------|--|
| Mã số                                   | Thuyết minh                                                                               | 2022 VND                                       | 2021 VND            |  |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH |                                                                                           |                                                |                     |  |
| 01                                      | Lợi nhuận kế toán trước thuế                                                              | 3.057.351.261.868                              | 3.912.157.125.037   |  |
| Điều chỉnh cho các khoản:               |                                                                                           |                                                |                     |  |
| 02                                      | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")                                                         | 4.530.091.410.486                              | 4.503.213.059.711   |  |
| 03                                      | Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng                                                            | 5.978.016.761                                  | (5.807.243.679)     |  |
| 04                                      | Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 892.894.434.202                                | (907.924.555.568)   |  |
| 05                                      | Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                   | (779.644.468.389)                              | (474.749.621.605)   |  |
| 06                                      | Chi phí lãi vay                                                                           | 1.576.833.210.859                              | 1.221.622.521.691   |  |
| 08                                      | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động                       | 9.283.503.865.787                              | 8.248.511.285.587   |  |
| 09                                      | Tăng các khoản phải thu                                                                   | (9.585.911.047.900)                            | (6.058.888.818.271) |  |
| 10                                      | Giảm hàng tồn kho                                                                         | 1.145.086.072.454                              | 1.254.271.314.829   |  |
| 11                                      | Tăng/(giảm) các khoản phải trả                                                            | 185.387.536.833                                | (1.110.952.749.278) |  |
| 12                                      | Tăng chi phí trả trước                                                                    | (15.794.083.651)                               | (46.536.731.437)    |  |
| 14                                      | Tiền lãi vay đã trả                                                                       | (169.125.050.113)                              | (361.521.168.900)   |  |
| 15                                      | Thuế TNDN đã nộp                                                                          | (577.463.723.938)                              | (537.478.331.324)   |  |
| 16                                      | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                     | 110.320.000                                    | 154.719.600         |  |
| 17                                      | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                                     | (110.208.387.509)                              | (91.499.404.535)    |  |
| 20                                      | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                             | 155.585.501.963                                | 1.296.060.116.271   |  |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ     |                                                                                           |                                                |                     |  |
| 21                                      | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                            | (976.848.420.334)                              | (1.067.617.673.672) |  |
| 22                                      | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                         | 466.486.375                                    | 1.821.196           |  |
| 23                                      | Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng                                                           | (5.049.000.000.000)                            | (812.000.000.000)   |  |
| 24                                      | Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng                                              | 5.450.000.000.000                              | 1.016.000.000.000   |  |
| 25                                      | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                   | -                                              | (91.661.010.000)    |  |
| 27                                      | Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia                                                 | 310.226.258.152                                | 214.484.830.927     |  |
| 30                                      | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                 | (265.155.675.807)                              | (740.792.031.549)   |  |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

|                                        |                                                         | Năm tài chính kết thúc<br>ngày 31 tháng 12 năm |                   |
|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------|
| Mã số                                  | Thuyết minh                                             | 2022 VND                                       | 2021 VND          |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH |                                                         |                                                |                   |
| 33                                     | Tiền thu từ đi vay                                      | 119.500.000.000                                | 206.172.417.592   |
| 34                                     | Tiền chi trả nợ gốc vay                                 | (636.738.214.128)                              | (949.149.015.167) |
| 36                                     | Tiền chi trả cổ tức                                     | (38.611.613.275)                               | (26.260.518.179)  |
| 40                                     | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính            | (555.849.827.403)                              | (769.237.115.754) |
| 50                                     | Lưu chuyển tiền thuần trong năm                         | (665.420.001.247)                              | (213.969.031.032) |
| 60                                     | Tiền và tương đương tiền đầu năm                        | 2.393.109.084.650                              | 2.607.079.192.090 |
| 61                                     | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 2.247.416                                      | (1.076.408)       |
| 70                                     | Tiền và tương đương tiền cuối năm                       | 1.727.691.330.819                              | 2.393.109.084.650 |

  
Trần Nguyễn Khánh Linh  
Người lập

  
Vũ Phương Thảo  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Thị Thanh Hương  
Phó Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty mẹ – Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công thương quyết định cổ phần hóa Công ty mẹ – Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ – Tổng Công ty Phát điện 3.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất, lần thứ 9, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 10 năm 2021.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 14 tháng 3 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là “PGV” theo Quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Theo Quyết định số 34/QĐ-SGDHN ngày 19 tháng 1 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Tổng Công ty được hủy đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 24 tháng 1 năm 2022.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 với mã giao dịch cổ phiếu là “PGV” theo Quyết định số 731/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 10 tháng 2 năm 2022.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện. Ngoài ra, Nhóm Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 60 - 66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 8 chi nhánh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 8 chi nhánh), cụ thể như sau:

- » Công ty Thủy điện Buôn Kuốp tại số 22 đường Mai Xuân Thưởng, Phường Thành Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam;
- » Công ty Nhiệt điện Mông Dương tại Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam;
- » Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam;
- » Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam;

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (TIẾP THEO)

- » Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3 tại số 332, đường Độc Lập (Quốc lộ 51), Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam;
- » Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Đại lộ Hùng Vương, Khu phố 5, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam;
- » Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 tại Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam; và
- » Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình tại Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 2 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2 công ty con) được trình bày như sau:

|                                           |                                  | 31.12.2022     |                    | 31.12.2021     |                    |
|-------------------------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------|----------------|--------------------|
|                                           | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | Tỷ lệ sở hữu % | Tỷ lệ biểu quyết % | Tỷ lệ sở hữu % | Tỷ lệ biểu quyết % |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (i)     | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu           | 79,56          | 79,56              | 79,56          | 79,56              |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (ii) | Tỉnh Ninh Bình                   | 54,76          | 54,76              | 54,76          | 54,76              |

- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công Thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000451 ngày 1 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa có trụ sở chính tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0903000161 ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp. Công ty Cổ phần có trụ sở chính tại Số 1, Đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty có 3 công ty liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3 công ty liên kết) được trình bày ở Thuyết minh số 4(b), và có 2.698 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.730 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Nhóm Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua vào (bảng chuyển khoản) của chính ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản nợ phải trả với Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được Nhóm Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm theo tỷ giá bán ra (bảng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn Công văn số 5794/EVN-TCKT ngày 13 tháng 10 năm 2022 của EVN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Nhóm Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Nhóm Công ty. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghịệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Nhóm Công ty áp dụng chính sách cho các nghịệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghịệp vụ với các bên không thuộc Nhóm Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Nhóm Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Nhóm Công ty với các liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền, bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho khi có bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng, trong đó nguyên giá TSCĐ hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với TSCĐ hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp, và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá TSCĐ được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

- » Nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 50 năm
- » Máy móc thiết bị 5 - 20 năm
- » Phương tiện vận tải, truyền dẫn 6 - 30 năm
- » Thiết bị, dụng cụ quản lý 3 - 10 năm
- » TSCĐ hữu hình khác 5 - 10 năm
- » Phần mềm máy tính 3 - 10 năm
- » Bản quyền chuyển giao công nghệ 10 năm
- » TSCĐ vô hình khác 3 - 10 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)(tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- » Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- » Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên liên quan.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Nhóm Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Nhóm Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau thuế TNDN của Nhóm Công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.19 Phân chia lợi nhuận

Nhóm Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và chia cổ tức như sau:

- » LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và điều lệ của Nhóm Công ty.
- » Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Nhóm Công ty sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông/cuộc họp của Hội đồng Thành viên.
- » Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông/cuộc họp của Hội đồng Thành viên. Quỹ này được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- » Cổ tức của Nhóm Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- » Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- » Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- » Nhóm Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- » Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Nhóm Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Nhóm Công ty thì Nhóm Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- » Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- » Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- » Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên số dư gốc và lãi suất tương ứng.

(d) Doanh thu từ cổ tức được chia

Doanh thu từ cổ tức được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được xác lập quyền nhận cổ tức được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Nhóm Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.28 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền mặt                       | 2.962.084.245     | 3.657.700.509     |
| Tiền gửi ngân hàng             | 489.229.246.574   | 451.451.384.141   |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 1.235.500.000.000 | 1.938.000.000.000 |
|                                | 1.727.691.330.819 | 2.393.109.084.650 |

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất được quy định tại Hợp đồng tiền gửi.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                                              | 31.12.2022        |                       | 31.12.2021        |                       |
|----------------------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
|                                              | Giá gốc<br>VND    | Giá trị ghi sổ<br>VND | Giá gốc<br>VND    | Giá trị ghi sổ<br>VND |
| i. Ngắn hạn                                  |                   |                       |                   |                       |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (*)                     | 3.829.650.000.000 | 3.829.650.000.000     | 4.104.650.000.000 | 4.104.650.000.000     |
| - Trái phiếu dài hạn đến hạn thanh toán (**) | 8.000.000.000     | 8.000.000.000         | 8.000.000.000     | 8.000.000.000         |
|                                              | 3.837.650.000.000 | 3.837.650.000.000     | 4.112.650.000.000 | 4.112.650.000.000     |
| ii. Dài hạn                                  |                   |                       |                   |                       |
| - Trái phiếu (**)                            | 58.000.000.000    | 58.000.000.000        | 184.000.000.000   | 184.000.000.000       |

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất được quy định tại Hợp đồng tiền gửi.

(\*\*) Khoản đầu tư trái phiếu vào Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Hợp đồng số 01/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 24 tháng 4 năm 2020 và 02/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 25 tháng 6 năm 2020 với Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh. Khoản trái phiếu có thời gian đáo hạn 84 tháng từ ngày phát hành với mức lãi suất áp dụng cho 4 năm đầu tiên của mỗi đợt phát hành là 10,5%/năm, các năm tiếp theo sẽ được áp dụng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng thêm 3,6%/năm. Khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn với tổng giá trị dựa theo Chứng thư thẩm định giá số 497/2019/CT-CIVS-BĐ do Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung - Chi nhánh Bình Định phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2019.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 336,7 tỷ Đồng đã được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/13553572/HĐTD ngày 8 tháng 6 năm 2021 của Tổng Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 806,2 tỷ Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

| 31.12.2022                                                |                |                    |                         |              | 31.12.2021 |                |                    |                         |              |
|-----------------------------------------------------------|----------------|--------------------|-------------------------|--------------|------------|----------------|--------------------|-------------------------|--------------|
|                                                           | Tỷ lệ sở hữu % | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý (**) VND | Dự phòng VND |            | Tỷ lệ sở hữu % | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý (**) VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư vào công ty liên kết                               |                |                    |                         |              |            |                |                    |                         |              |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (i)        | 30,55          | 1.535.556.161.954  | 2.280.984.348.400       | -            |            | 30,55          | 1.225.192.777.704  | 2.071.653.506.300       | -            |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (ii)                    | 30,00          | 329.276.001.764    | 561.975.000.000         | -            |            | 30,00          | 309.653.880.130    | 573.405.000.000         | -            |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A (iii) | 30,00          | 161.878.675.719    | (*)                     | -            |            | 30,00          | 161.588.464.635    | (*)                     | -            |
|                                                           |                | 2.026.710.839.437  |                         | -            |            |                | 1.696.435.122.469  |                         | -            |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                            |                |                    |                         |              |            |                |                    |                         |              |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iv)                | 1,80           | 114.770.927.800    | 133.734.879.263         | -            |            | 1,80           | 114.770.927.800    | 180.336.845.187         | -            |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (v)                  | 1,60           | 108.730.000.000    | 129.100.000.000         | -            |            | 1,60           | 108.730.000.000    | 187.866.666.667         | -            |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (vi)                   | 19,89          | 83.750.000.000     | 269.757.380.053         | -            |            | 19,89          | 83.750.000.000     | 264.213.697.800         | -            |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (vii)       | 2,47           | 83.094.784.000     | 205.467.392.000         | -            |            | 2,47           | 83.094.784.000     | 187.306.496.000         | -            |
| Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP (viii)            | 15,00          | 74.463.661.588     | (*) (5.397.645.540)     |              |            | 15,00          | 74.463.661.588     | (*)                     | -            |
| Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (ix)                         | 6,43           | 50.000.000.000     | (*)                     | -            |            | 6,43           | 50.000.000.000     | (*)                     | -            |
| Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (x)                         | 0,45           | 19.600.000.000     | (*)                     | -            |            | 0,48           | 19.600.000.000     | (*)                     | -            |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (xi) | 1,10           | 2.500.000.000      | (*)                     | -            |            | 1,10           | 2.500.000.000      | (*)                     | -            |
|                                                           |                | 536.909.373.388    | (5.397.645.540)         |              |            |                | 536.909.373.388    |                         | -            |

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

- (\*\*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu mà Nhóm Công ty nắm giữ và giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của EVN. Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 1 tháng 11 năm 2003 theo Công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900308540 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 9 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.
- (iv) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 700434869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh là sản xuất và kinh doanh điện.
- (v) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất và kinh doanh điện.
- (vi) Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 5 năm 2009. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn là sản xuất và kinh doanh điện.
- (vii) Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là sản xuất và kinh doanh điện năng.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

- (viii) Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 10 năm 2012. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP là sửa chữa máy móc thiết bị.
- (ix) Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000455251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17 tháng 1 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (x) Công ty Cổ phần Điện Việt Lào được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101389382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 7 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào là sản xuất và kinh doanh điện năng. Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về phương án tăng vốn điều lệ và tiến độ góp vốn của CTCP Điện Việt Lào, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 4.065.732.920.909 Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lên 4.369.531.580.000 Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty giảm tương ứng từ 0,48% còn 0,45% do Tổng Công ty không đăng ký mua thêm cổ phần phát hành mới.
- (xi) Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800383471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương.

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

|                                    | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm                      | 1.696.435.122.469 | 1.537.704.041.091 |
| Tăng trong năm (Thuyết minh 33(a)) | -                 | 91.661.010.000    |
| Phần lãi trong công ty liên kết    | 513.938.765.968   | 207.095.071.378   |
| Cổ tức đã chia                     | (183.663.049.000) | (140.025.000.000) |
| Số dư cuối năm                     | 2.026.710.839.437 | 1.696.435.122.469 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|                                   | 31.12.2022<br>VND  | 31.12.2021<br>VND |
|-----------------------------------|--------------------|-------------------|
| Bên thứ ba                        | 26.917.452.317     | 11.533.566.603    |
| Bên liên quan (Thuyết minh 33(b)) | 11.683.564.126.395 | 8.616.799.479.447 |
|                                   | 11.710.481.578.712 | 8.628.333.046.050 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

|                                                      | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai                       | 283.237.369.103   | 1.601.908.368     |
| Phải thu về chi hộ và phải thu khác từ bên liên quan | 148.879.081.794   | 157.410.685.332   |
| Lãi tiền gửi dự thu                                  | 70.458.551.140    | 30.553.551.236    |
| Lãi phải thu trái phiếu                              | 652.224.657       | 1.844.266.667     |
| Phải thu cổ tức được chia                            | -                 | 83.700.000.000    |
| Khác                                                 | 46.493.433.186    | 46.119.669.125    |
|                                                      | 549.720.659.880   | 321.230.080.728   |
| Trong đó:                                            |                   |                   |
| Bên thứ ba                                           | 398.998.081.063   | 77.754.509.169    |
| Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))                    | 150.722.578.817   | 243.475.571.559   |
|                                                      | 549.720.659.880   | 321.230.080.728   |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 HÀNG TỒN KHO

|                             | 31.12.2022        |                 | 31.12.2021        |                 |
|-----------------------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
|                             | Giá gốc<br>VND    | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND    | Dự phòng<br>VND |
| Nguyên vật liệu             | 1.760.743.932.957 | (2.324.468.650) | 2.884.214.014.253 | (2.635.944.235) |
| Công cụ, dụng cụ            | 137.457.580.099   | -               | 167.443.353.901   | -               |
| Hàng mua đang đi trên đường | 6.264.942.908     | -               | 7.571.588.689     | -               |
| Chi phí SXKD dở dang        | 17.766.392.766    | -               | 8.933.486.416     | -               |
| Thành phẩm tồn kho          | 282.456.615       | -               | 330.781.346       | -               |
|                             | 1.922.515.305.345 | (2.324.468.650) | 3.068.493.224.605 | (2.635.944.235) |

7 HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

|                                        | 2022<br>VND   | 2021<br>VND   |
|----------------------------------------|---------------|---------------|
| Số dư đầu năm                          | 2.635.944.235 | 2.219.048.101 |
| Tăng dự phòng                          | 580.371.221   | 955.223.048   |
| Xử lý hủy bỏ hàng tồn kho đã trích lập | -             | (538.326.914) |
| Thanh lý hàng tồn kho đã trích lập     | (891.846.806) | -             |
| Số dư cuối năm                         | 2.324.468.650 | 2.635.944.235 |

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

|                  | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 42.036.987.947    | 38.539.763.163    |
| Khác             | 9.689.160.046     | 3.013.262.929     |
|                  | 51.726.147.993    | 41.553.026.092    |

(b) Dài hạn

|                                | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí liên quan đến thuê (*) | 195.718.262.372   | 203.065.469.168   |
| Khác                           | 70.966.383.306    | 53.255.444.980    |
|                                | 266.684.645.678   | 256.320.914.148   |

(\*) Chi phí liên quan đến đất thuê bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê đất.

9

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a)

TSCĐ hữu hình

|                                                     | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận tải, truyền dẫn<br>VND | Thiết bị<br>quản lý<br>VND | Khác<br>VND    | Tổng cộng<br>VND    |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|----------------|---------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                                   |                                  |                            |                                           |                            |                |                     |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                         | 20.651.526.090.002               | 86.200.150.807.945         | 6.743.600.551.026                         | 263.046.161.889            | 39.011.306.784 | 113.897.334.917.646 |
| Mua trong năm                                       | 6.923.048.281                    | 137.706.318.690            | 10.545.135.274                            | 63.811.450.440             | -              | 218.985.952.685     |
| Xây dựng cơ bản mới hoàn thành<br>(Thuyết minh 10)  | 30.105.219.259                   | 520.155.022.338            | 6.081.100.000                             | 6.297.254.803              | 90.000.000     | 562.728.596.400     |
| Thanh lý, nhượng bán                                | -                                | (1.673.759.469)            | (2.250.403.337)                           | (982.618.015)              | -              | (4.906.780.821)     |
| Điều chỉnh theo quyết toán chính thức               | (48.164.910.251)                 | (3.099.662.252)            | (2.631.545.042)                           | -                          | 31.470.962     | (53.864.646.583)    |
| Phân loại lại từ TSCĐ vô hình<br>(Thuyết minh 9(b)) | -                                | -                          | -                                         | 11.480.197.460             | -              | 11.480.197.460      |
| Khác                                                | -                                | (468.290.000)              | -                                         | -                          | -              | (468.290.000)       |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022                       | 20.640.389.447.291               | 86.852.770.437.252         | 6.755.344.837.921                         | 343.652.446.577            | 39.132.777.746 | 114.631.289.946.787 |
| <b>Khấu hao lũy kế</b>                              |                                  |                            |                                           |                            |                |                     |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                         | 8.446.306.620.643                | 57.451.722.554.172         | 3.900.534.491.670                         | 193.417.537.171            | 13.105.528.192 | 70.005.086.731.848  |
| Khấu hao trong năm                                  | 712.497.943.586                  | 3.455.541.696.376          | 310.968.779.092                           | 39.390.677.921             | 4.798.952.603  | 4.523.198.049.578   |
| Thanh lý, nhượng bán                                | -                                | (1.673.759.469)            | (2.250.403.337)                           | (982.618.015)              | -              | (4.906.780.821)     |
| Điều chỉnh theo quyết toán chính thức               | -                                | (4.137.816.693)            | -                                         | -                          | -              | (4.137.816.693)     |
| Phân loại lại từ TSCĐ vô hình<br>(Thuyết minh 9(b)) | -                                | -                          | -                                         | 4.425.430.949              | -              | 4.425.430.949       |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022                       | 9.158.804.564.229                | 60.901.452.674.386         | 4.209.252.867.425                         | 236.251.028.026            | 17.904.480.795 | 74.523.665.614.861  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                              |                                  |                            |                                           |                            |                |                     |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                         | 12.205.219.469.359               | 28.748.428.253.773         | 2.843.066.059.356                         | 69.628.624.718             | 25.905.778.592 | 43.892.248.185.798  |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022                       | 11.481.584.883.062               | 25.951.317.762.866         | 2.546.091.970.496                         | 107.401.418.551            | 21.228.296.951 | 40.107.624.331.926  |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 18.047 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 19.770 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 37.366 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 36.310 tỷ Đồng).

Mẫu B 09 - DN/HN

9

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)(TIẾP THEO)

(b)

TSCĐ vô hình

|                                                     | Quyền sử<br>dụng đất<br>VND | Phần mềm<br>máy tính<br>VND | Bản quyền chuyển<br>giao công nghệ<br>VND | Khác<br>VND      | Tổng cộng<br>VND |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------|------------------|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                                   |                             |                             |                                           |                  |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                         | 569.053.723.199             | 44.574.854.525              | 9.260.276.148                             | 17.745.850.821   | 640.634.704.693  |
| Mua trong năm                                       | -                           | 22.953.828.009              | 8.158.210.000                             | 471.200.000      | 31.583.238.009   |
| Thanh lý, nhượng bán                                | -                           | (756.528.281)               | -                                         | -                | (756.528.281)    |
| Phân loại lại sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a)) | -                           | -                           | -                                         | (11.480.197.460) | (11.480.197.460) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022                       | 569.053.723.199             | 66.772.154.253              | 17.418.486.148                            | 6.736.853.361    | 659.981.216.961  |
| <b>Khấu hao lũy kế</b>                              |                             |                             |                                           |                  |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                         | 16.146.467.510              | 19.872.723.512              | 8.109.979.035                             | 4.321.221.481    | 48.450.391.538   |
| Khấu hao trong năm                                  | 1.336.517.124               | 10.439.742.903              | 3.521.257.802                             | 1.714.137.334    | 17.011.655.163   |
| Thanh lý, nhượng bán                                | -                           | (756.528.281)               | -                                         | -                | (756.528.281)    |
| Phân loại lại sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a)) | -                           | -                           | -                                         | (4.425.430.949)  | (4.425.430.949)  |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022                       | 17.482.984.634              | 29.555.938.134              | 11.631.236.837                            | 1.609.927.866    | 60.280.087.471   |
| <b>Giá trị còn lại</b>                              |                             |                             |                                           |                  |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                         | 552.907.255.689             | 24.702.131.013              | 1.150.297.113                             | 13.424.629.340   | 592.184.313.155  |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022                       | 551.570.738.565             | 37.216.216.119              | 5.787.249.311                             | 5.126.925.495    | 599.701.129.490  |

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 17,2 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10,1 tỷ Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dồ dang như sau:

|                                              | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|----------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Sửa chữa lớn TSCĐ dồ dang                    | 200.982.542.924   | -                 |
| Mua sắm TSCĐ chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng | 87.662.429.032    | 362.527.268.872   |
| Khác                                         | 54.069.785.760    | 32.921.489.084    |
|                                              | 342.714.757.716   | 395.448.757.956   |

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dồ dang trong năm như sau:

|                                              | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|----------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm                                | 395.448.757.956   | 117.776.262.642   |
| Mua sắm                                      | 509.994.596.160   | 872.900.307.589   |
| Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a)) | (562.728.596.400) | (109.028.312.275) |
| Chuyển sang TSCĐ vô hình                     | -                 | (486.199.500.000) |
| Số dư cuối năm                               | 342.714.757.716   | 395.448.757.956   |

11 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn thể hiện giá trị thuần của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản và có thời gian dự trữ hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                                 | 31.12.2022                        | 31.12.2021                        |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
|                                                 | Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND |
| Bên thứ ba                                      |                                   |                                   |
| Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ              | 2.657.549.850.230                 | 1.400.569.433.439                 |
| Tổng Công ty Đông Bắc                           | 867.883.019.531                   | 81.349.570.092                    |
| Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 760.335.977.572                   | 413.553.873.402                   |
| General Electric                                | 19.732.996.463                    | 458.886.739.376                   |
| Khác                                            | 734.966.733.304                   | 1.375.196.734.107                 |
|                                                 | 5.040.468.577.100                 | 3.729.556.350.416                 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))               | 5.082.580.660                     | 7.708.255.471                     |
|                                                 | 5.045.551.157.760                 | 3.737.264.605.887                 |

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước trong năm như sau:

|                             | Tại ngày 1.1.2022 VND | Số phải nộp/ phải thu trong năm VND | Số đã thực nộp/ hoàn thuế trong năm VND | Số đã cấn trừ trong năm VND | Phân loại lại trong năm VND | Tại ngày 31.12.2022 VND |
|-----------------------------|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------|
| (a) Phải nộp                |                       |                                     |                                         |                             |                             |                         |
| Thuế GTGT                   | 70.640.473.609        | 4.095.395.045.425                   | (777.309.346.801)                       | (3.303.896.542.578)         | (21.060.759.614)            | 63.768.870.041          |
| Thuế tài nguyên             | 40.952.962.868        | 439.135.581.034                     | (442.651.998.181)                       | -                           | -                           | 37.436.545.721          |
| Thuế TNDN                   | 294.940.078.031       | 507.534.849.403                     | (577.463.723.938)                       | -                           | 6.166.965.765               | 231.178.169.261         |
| Phí dịch vụ môi trường rừng | 41.831.310.440        | 118.105.152.696                     | (123.067.481.240)                       | -                           | -                           | 36.868.981.896          |
| Thuế thu nhập cá nhân       | 12.189.584.945        | 99.063.358.262                      | (99.984.546.971)                        | -                           | (1.108.286.015)             | 10.160.110.221          |
| Các loại thuế khác          | 6.657.374.899         | 106.532.036.372                     | (106.460.933.493)                       | -                           | (4.132.093.515)             | 2.596.384.263           |
|                             | 467.211.784.792       | 5.365.766.023.192                   | (2.126.938.030.624)                     | (3.303.896.542.578)         | (20.134.173.379)            | 382.009.061.403         |
| (b) Phải thu                |                       |                                     |                                         |                             |                             |                         |
| Thuế GTGT được khấu trừ     | 36.090.153.662        | 3.554.197.024.982                   | -                                       | (3.303.896.542.578)         | -                           | 286.390.636.066         |
| Thuế GTGT nộp thừa          | 21.127.889.580        | -                                   | (67.129.966)                            | -                           | (21.060.759.614)            | -                       |
| Các loại thuế khác          | 9.153.196.824         | -                                   | (13.162.738)                            | -                           | 926.586.235                 | 10.066.620.321          |
|                             | 66.371.240.066        | 3.554.197.024.982                   | (80.292.704)                            | (3.303.896.542.578)         | (20.134.173.379)            | 296.457.256.387         |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư thể hiện các khoản phải trả người lao động theo chính sách lương của Nhóm Công ty.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|         | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|---------|-------------------|-------------------|
| Lãi vay | 18.439.068.960    | 16.903.947.245    |
| Khác    | 36.974.537.570    | 21.291.690.998    |
|         | 55.413.606.530    | 38.195.638.243    |

16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là khoản doanh thu cho thuê tài sản nhận trước từ Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1.

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

|                                  | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Cổ tức phải trả(Thuyết minh 22)  | 625.910.262.784   | 7.582.728.659     |
| Phải trả cho EVN(*)              | 606.234.490.707   | 346.768.343.073   |
| Thuế GTGT tạm tính               | 282.742.457.619   | 133.688.560.354   |
| Phải trả từ bán cổ phần          | 39.969.577.665    | 39.969.577.665    |
| Khác                             | 30.295.453.993    | 47.322.954.127    |
|                                  | 1.585.152.242.768 | 575.332.163.878   |
| Trong đó:                        |                   |                   |
| Bên thứ ba                       | 347.805.389.804   | 215.778.992.673   |
| Bên liên quan(Thuyết minh 33(b)) | 1.237.346.852.964 | 359.553.171.205   |
|                                  | 1.585.152.242.768 | 575.332.163.878   |

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản phải trả cho EVN chủ yếu bao gồm lãi vay, phí vay lại.

18 VAY

(a) Ngắn hạn

|                                                                                           | Tại ngày<br>1.1.2022<br>VND | Tăng trong năm<br>VND | Giảm trong năm<br>VND | Phân loại lại<br>trong năm<br>VND | Đánh giá lại gốc<br>ngoại tệ cuối năm<br>VND | Tại ngày 31.12.2022<br>VND |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|
| Vay ngân hàng                                                                             | -                           | 119.500.000.000       | (119.500.000.000)     | -                                 | -                                            | -                          |
| Vay ngắn hạn dài hạn đáo hạn<br>trong vòng một năm<br>(Thuyết minh 18(b)(*))              | 369.491.279.424             | -                     | (369.491.279.428)     | 700.002.305.488                   | -                                            | 700.002.305.484            |
| Vay bên liên quan dài hạn<br>đáo hạn trong vòng một năm<br>(Thuyết minh 18(b), 33(b)(**)) | 4.528.946.165.517           | -                     | (4.531.082.733.999)   | 4.605.699.927.402                 | 76.945.733.023                               | 4.680.509.091.943          |
|                                                                                           | 4.898.437.444.941           | 119.500.000.000       | (5.020.074.013.427)   | 5.305.702.232.890                 | 76.945.733.023                               | 5.380.511.397.427          |

(b) Dài hạn

|                                              | Tại ngày<br>1.1.2022<br>VND | Tăng trong năm<br>VND | Giảm trong năm<br>VND | Phân loại lại<br>trong năm<br>VND | Đánh giá lại gốc<br>ngoại tệ cuối năm<br>VND | Tại ngày 31.12.2022<br>VND |
|----------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|
| Vay ngân hàng(*)                             | 1.734.923.193.446           | -                     | (147.746.934.700)     | (700.002.305.488)                 | -                                            | 887.173.953.258            |
| Vay bên liên quan<br>(Thuyết minh 33(b)(**)) | 38.022.219.406.486          | -                     | -                     | (4.605.699.927.402)               | 814.693.559.310                              | 34.231.213.038.394         |
|                                              | 39.757.142.599.932          | -                     | (147.746.934.700)     | (5.305.702.232.890)               | 814.693.559.310                              | 35.118.386.991.652         |

18

(b)

VAY (TIẾP THEO)

Dãi hạn (tiếp theo)

(\*) Chi tiết số dư của các khoản vay ngân hàng như sau:

| Nguyên tệ                                                  |     | Năm<br>đáo hạn | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND | Lãi suất                                               | Tài sản<br>thế chấp |
|------------------------------------------------------------|-----|----------------|-------------------|-------------------|--------------------------------------------------------|---------------------|
| Vay ngân hàng                                              |     |                |                   |                   |                                                        |                     |
| Dự án Nhà máy Nhiệt điện Móng Dương 1                      |     |                |                   |                   |                                                        |                     |
| Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long   | VND | 2025           | 40.101.003.862    | 55.976.880.538    | Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm | (i)                 |
| Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2                        |     |                |                   |                   |                                                        |                     |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I             | VND | 2024           | 470.000.000.000   | 470.000.000.000   | Xác định theo thông báo của ngân hàng                  | (i)                 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam                       | VND | 2025           | 617.912.751.456   | 842.608.297.440   | Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm | (i)                 |
| Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp                          |     |                |                   |                   |                                                        |                     |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội           | VND | 2025           | 90.000.000.000    | 130.000.000.000   | Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm | (i)                 |
| Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Vĩnh Tân            |     |                |                   |                   |                                                        |                     |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Thành         | VND | 2022           | -                 | 193.235.908.648   | Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm | (i)                 |
| Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2                     |     |                |                   |                   |                                                        |                     |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội           | VND | 2031           | 369.162.503.424   | 412.593.386.244   | Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,7%/năm | (ii)                |
| Vay dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(a)) |     |                | 1.587.176.258.742 | 2.104.414.472.870 |                                                        |                     |
|                                                            |     |                | (700.002.305.484) | (369.491.279.424) |                                                        |                     |
|                                                            |     |                | 887.173.953.258   | 1.734.923.193.446 |                                                        |                     |

(i) Tất cả những khoản vay nêu trên đều được đảm bảo thanh toán bởi EVN.

(ii) Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị công trình xây dựng Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2 (Thuyết minh 9(a)) và Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2 ký giữa Nhóm Công ty và EVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất áp dụng cho các khoản vay ngân hàng nêu trên là từ 7,6%/năm đến 10,26%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 7,6%/năm đến 9,2%/năm).

Mẫu B 09 - DN/HN

18

(b)

VAY (TIẾP THEO)

Dãi hạn (tiếp theo)

(\*\*) Chi tiết số dư của các khoản vay lại từ EVN như sau:

| Nguyên tệ                                              |     | Năm đáo hạn | 31.12.2022<br>VND  | 31.12.2021<br>VND  | Lãi suất                           | Tài sản<br>thế chấp |
|--------------------------------------------------------|-----|-------------|--------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------|
| Vay lại từ bên liên quan (Thuyết minh 33(b))           |     |             |                    |                    |                                    |                     |
| Dự án Nhà máy Nhiệt điện Móng Dương 1                  |     |             |                    |                    |                                    |                     |
| Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”)                    | USD | 2032        | 374.450.171.403    | 383.673.646.210    | Lãi suất LIBOR 6 tháng + 1%/năm    | (iii)               |
| ADB                                                    | USD | 2034        | 17.120.997.292.319 | 17.227.531.267.362 | Lãi suất LIBOR 6 tháng + 0,65%/năm | (iii)               |
| Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc                      | USD | 2028        | 5.319.073.212.262  | 6.071.605.004.087  | Lãi suất LIBOR 6 tháng + 4,05%/năm | (iii)               |
| Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2                    |     |             |                    |                    |                                    |                     |
| Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (“China Eximbank”) | USD | 2027        | 3.559.378.938.320  | 4.125.459.684.448  | 3,45%/năm                          | (iv)                |
| China Eximbank                                         | CNY | 2027        | 933.636.851.270    | 1.205.306.231.805  | 3,4%/năm                           | (iv)                |
| China Eximbank                                         | USD | 2028        | 9.023.238.663.512  | 10.167.779.239.327 | Lãi suất LIBOR 6 tháng + 2,65%/năm | (iv)                |
| Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp                      |     |             |                    |                    |                                    |                     |
| Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (“JBIC”)            | JPY | 2026        | 38.582.084.753     | 53.555.196.233     | 2,75%/năm                          | (iv)                |
| JBIC                                                   | JPY | 2028        | 33.633.098.653     | 44.139.098.681     | 2,55%/năm                          | (iv)                |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

| VAY (TIẾP THEO)                                               |                                                                                                                   |             |                     |                     |                              |                     |
|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|------------------------------|---------------------|
| Dãi hạn (tiếp theo)                                           |                                                                                                                   |             |                     |                     |                              |                     |
| (**)                                                          | Chi tiết số dư của các khoản vay lại từ EVN (tiếp theo) như sau:                                                  |             |                     |                     |                              |                     |
|                                                               | Nguyên tệ                                                                                                         | Năm đáo hạn | 31.12.2022<br>VND   | 31.12.2021<br>VND   | Lãi suất                     | Tài sản<br>thế chấp |
| Vay lại từ bên liên quan<br>(Thuyết minh 33(b) (tiếp theo))   |                                                                                                                   |             |                     |                     |                              |                     |
| Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1                             |                                                                                                                   |             |                     |                     |                              |                     |
| JBIC                                                          | JPY                                                                                                               | 2028        | 2.262.963.969.675   | 2.969.847.989.121   | Từ 1,15%/năm đến<br>2,7%/năm | (iv)                |
| Dự án duôi hơi 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa                      |                                                                                                                   |             |                     |                     |                              |                     |
| Ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu                        | KRW                                                                                                               | 2027        | 245.767.848.170     | 302.268.214.729     | 2,4%/năm                     | (iv)                |
|                                                               |                                                                                                                   |             | 38.911.722.130.337  | 42.551.165.572.003  |                              |                     |
| Vay dài hạn đáo hạn trong vòng một năm<br>(Thuyết minh 18(a)) |                                                                                                                   |             | (4.680.509.091.943) | (4.528.946.165.517) |                              |                     |
|                                                               |                                                                                                                   |             | 34.231.213.038.394  | 38.022.219.406.486  |                              |                     |
| (iii)                                                         | Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị công trình xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Móng Dương 1 (Thuyết minh 9(a)). |             |                     |                     |                              |                     |
| (iv)                                                          | Các khoản vay nêu trên không có tài sản đảm bảo.                                                                  |             |                     |                     |                              |                     |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất áp dụng cho các khoản vay lại từ EVN bằng đồng USD áp dụng lãi suất thả nổi là từ 0,89%/năm đến 7,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 0,89%/năm đến 4,3%/năm).

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

|                                                       | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|-------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm                                         | 235.724.153.191   | 151.637.057.334   |
| Trích lập quỹ (Thuyết minh 21)                        | 209.892.140.413   | 175.431.780.792   |
| Phân loại lại (Thuyết minh 21)                        | 178.809.276       | -                 |
| Tăng khác                                             | 110.320.000       | 154.719.600       |
| Sử dụng quỹ                                           | (110.208.387.509) | (90.716.305.304)  |
| Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi | (782.192.810)     | (783.099.231)     |
| Số dư cuối năm                                        | 334.914.842.561   | 235.724.153.191   |

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

|                                                          | 31.12.2022            |                    | 31.12.2021            |                    |
|----------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|
|                                                          | Cổ phiếu<br>phổ thông | Cổ phiếu<br>ưu đãi | Cổ phiếu<br>phổ thông | Cổ phiếu<br>ưu đãi |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành | 1.123.468.046         | -                  | 1.123.468.046         | -                  |

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                                | 31.12.2022            |        | 31.12.2021            |        |
|--------------------------------|-----------------------|--------|-----------------------|--------|
|                                | Cổ phiếu<br>phổ thông | %      | Cổ phiếu<br>phổ thông | %      |
| EVN                            | 1.114.422.994         | 99,19  | 1.114.422.994         | 99,19  |
| Khác                           | 9.045.052             | 0,81   | 9.045.052             | 0,81   |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 1.123.468.046         | 100,00 | 1.123.468.046         | 100,00 |

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

|                                                            | Số cổ phiếu   | Cổ phiếu phổ thông<br>VND |
|------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021                                | 1.069.969.577 | 10.699.695.770.000        |
| Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 21)                    | 53.498.469    | 534.984.690.000           |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 1.123.468.046 | 11.234.680.460.000        |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Tổng Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

|                                                      | Vốn góp<br>của chủ sở hữu<br>VND | Thặng dư<br>vốn cổ phần<br>VND | Vốn khác<br>của chủ sở hữu<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Quỹ khác thuộc vốn<br>chủ sở hữu<br>VND | LNST chưa<br>phân phối<br>VND | Lợi ích cổ đông<br>không kiểm soát<br>VND | Tổng cộng<br>VND    |
|------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|---------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021                          | 10.699.695.770.000               | 6.014.917.945                  | 46.494.391.137                    | 184.357.112.169                 | 15.890.285.682                          | 3.641.098.585.198             | 370.434.090.122                           | 14.963.985.152.253  |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 22)           | 534.984.690.000                  | -                              | -                                 | -                               | -                                       | (534.984.690.000)             | -                                         | -                   |
| Lợi nhuận thuần trong năm                            | -                                | -                              | -                                 | -                               | -                                       | 3.141.048.822.276             | 37.869.659.944                            | 3.178.918.482.220   |
| Trích quỹ đầu tư phát triển                          | -                                | -                              | -                                 | 514.017.158.580                 | -                                       | (514.017.158.580)             | -                                         | -                   |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                      | -                                | -                              | -                                 | -                               | -                                       | (170.955.708.827)             | (4.476.071.965)                           | (175.431.780.792)   |
| Cổ tức chia cho cổ đông thiểu số<br>(Thuyết minh 22) | -                                | -                              | -                                 | -                               | -                                       | (534.984.788.500)             | (22.330.110.604)                          | (557.314.899.104)   |
| Sử dụng quỹ đầu tư phát triển                        | -                                | -                              | 652.823.914                       | (1.660.549.990)                 | -                                       | -                             | -                                         | (1.007.726.076)     |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021                        | 11.234.680.460.000               | 6.014.917.945                  | 47.147.215.051                    | 696.713.720.759                 | 15.890.285.682                          | 5.027.205.061.567             | 381.497.567.497                           | 17.409.149.228.501  |
| Lợi nhuận thuần trong năm                            | -                                | -                              | -                                 | -                               | -                                       | 2.524.379.473.241             | 25.436.939.224                            | 2.549.816.412.465   |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (*)                      | -                                | -                              | -                                 | 623.345.602.464                 | -                                       | (623.345.602.464)             | -                                         | -                   |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)                  | -                                | -                              | -                                 | -                               | -                                       | (204.309.275.716)             | (5.582.864.697)                           | (209.892.140.413)   |
| Chia cổ tức<br>(Thuyết minh 22)(**)                  | -                                | -                              | -                                 | -                               | -                                       | (2.078.415.885.100)           | (27.273.154.500)                          | (2.105.689.039.600) |
| Sử dụng quỹ đầu tư phát triển                        | -                                | -                              | 3.664.414.950                     | (4.124.494.950)                 | -                                       | -                             | -                                         | (460.080.000)       |
| Phân loại lại<br>(Thuyết minh 19)                    | -                                | -                              | -                                 | -                               | (142.260.660)                           | -                             | (36.548.616)                              | (178.809.276)       |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022                        | 11.234.680.460.000               | 6.014.917.945                  | 50.811.630.001                    | 1.315.934.828.273               | 15.748.025.022                          | 4.645.513.771.528             | 374.041.938.908                           | 17.642.745.571.677  |

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết số 81/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty; Nghị quyết số Nghị quyết số 715/NQ-NĐBR ngày 1 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Nghị quyết số 348/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.

(\*\*) Thực hiện theo Nghị quyết số 81/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông, Tổng Công ty đã thực hiện chia cổ tức từ LNST năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 13% vốn điều lệ tương ứng với tổng số tiền chi trả là 1.460.388.320.300 Đồng. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 91/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 7 năm 2022 về ngày đăng ký cuối cùng chi trả cổ tức là ngày 15 tháng 7 năm 2022 và ngày chi trả cổ tức là ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ là 5,5% vốn điều lệ tương ứng với tổng số tiền chi trả là 617.907.425.300 Đồng, ngày đăng ký cuối cùng chi trả cổ tức là ngày 28 tháng 12 năm 2022 và ngày chi trả cổ tức là ngày 10 tháng 2 năm 2023.

Thực hiện theo Nghị quyết số 348/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình đã thực hiện chia cổ tức từ LNST năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 15% vốn điều lệ tương ứng với tổng số tiền chi trả là 19.298.250.000 Đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 715/NQ-NĐBR ngày 1 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã thực hiện chia cổ tức từ LNST năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 15% vốn điều lệ tương ứng với tổng số tiền chi trả là 90.728.400.000 Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

22 CỔ TỨC

|                                                  | 31.12.2022<br>VND   | 31.12.2021<br>VND |
|--------------------------------------------------|---------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm                                    | 7.582.728.659       | 7.205.964.234     |
| Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 21)       | 2.105.689.039.600   | 1.092.299.589.104 |
| Cấn trừ công nợ (Thuyết minh 33(a))              | (1.448.749.892.200) | (530.677.616.500) |
| Cổ tức đã chi trả bằng cổ phiếu (Thuyết minh 21) | -                   | (534.984.690.000) |
| Cổ tức đã chi trả bằng tiền                      | (38.611.613.275)    | (26.260.518.179)  |
| Số dư cuối năm                                   | 625.910.262.784     | 7.582.728.659     |

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

|                                                             | 31.12.2022        | 31.12.2021<br>(Trình bày lại (**)) |
|-------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)               | 2.524.379.473.241 | 3.141.048.822.276                  |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)(*) | (*)               | (204.309.275.716)                  |
|                                                             | 2.524.379.473.241 | 2.936.739.546.560                  |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)    | 1.123.468.046     | 1.123.468.046                      |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)                          | 2.247             | 2.614                              |

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định kế hoạch phân phối lợi nhuận. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông, lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(\*\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được tính lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) như sau:

| Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021                   |                                     |                   |                                 |
|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|---------------------------------|
|                                                                    | Số liệu báo cáo<br>trước đây<br>VND | Điều chỉnh<br>VND | Số liệu<br>trình bày lại<br>VND |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)                      | 3.141.048.822.276                   | -                 | 3.141.048.822.276               |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)           | -                                   | (204.309.275.716) | (204.309.275.716)               |
|                                                                    | 3.141.048.822.276                   | (204.309.275.716) | 2.936.739.546.560               |
| Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 1.123.468.046                       | -                 | 1.123.468.046                   |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)                                 | 2.796                               | (182)             | 2.614                           |

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 3.046,4 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3.072,8 Đô la Mỹ).

(b) Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải thanh toán trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 34(a).

25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

|                                              | 2022<br>VND        | 2021<br>VND        |
|----------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Doanh thu thuần về bán điện                  | 46.779.421.537.943 | 36.973.868.379.756 |
| Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh khác | 507.826.445.748    | 783.555.339.041    |
|                                              | 47.287.247.983.691 | 37.757.423.718.797 |

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

|                                       | 2022<br>VND        | 2021<br>VND        |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Giá vốn sản xuất điện                 | 41.456.064.867.671 | 32.739.374.223.482 |
| Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác | 412.420.775.462    | 731.212.570.339    |
|                                       | 41.868.485.643.133 | 33.470.586.793.821 |

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                                                              | 2022<br>VND     | 2021<br>VND       |
|--------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi                                                 | 195.145.189.215 | 194.166.870.904   |
| Lợi nhuận từ trái phiếu                                      | 14.978.842.922  | 19.339.470.323    |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                  | 55.115.183.909  | 54.146.387.804    |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện                  | 57.902.618.091  | 85.230.839.058    |
| Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | -               | 907.924.555.568   |
|                                                              | 323.141.834.137 | 1.260.808.123.657 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                                                              | 2022<br>VND       | 2021<br>VND       |
|--------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí lãi vay                                              | 1.576.833.210.859 | 1.221.622.521.691 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện                  | 73.375.442.471    | 2.344.581.178     |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư                 | -                 | (6.224.139.813)   |
| Lỗi thuận do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | 892.894.434.202   | -                 |
|                                                              | 2.543.103.087.532 | 1.217.742.963.056 |

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                           | 2022<br>VND     | 2021<br>VND     |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Chi phí nhân viên         | 319.558.926.968 | 321.828.640.704 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 38.339.892.267  | 36.462.393.200  |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 59.976.439.592  | 51.826.489.065  |
| Chi phí công cụ, dụng cụ  | 19.102.565.151  | 19.332.273.711  |
| Chi phí khác              | 237.302.202.406 | 185.919.532.790 |
|                           | 674.280.026.384 | 615.369.329.470 |

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Nhóm Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

|                                                                                 | 2022<br>VND       | 2021<br>VND       |
|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế                                                    | 3.057.351.261.868 | 3.912.157.125.037 |
| Thuế tính ở thuế suất 20%                                                       | 611.470.252.374   | 782.431.425.007   |
| Điều chỉnh:                                                                     |                   |                   |
| Thu nhập không chịu thuế                                                        | (113.810.789.975) | (52.248.291.836)  |
| Chi phí không được trừ                                                          | 10.168.865.203    | 1.894.194.042     |
| Dự phòng thiếu của năm trước                                                    | 260.870.688       | -                 |
| Lỗi tính thuế không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại                         | -                 | 1.161.315.604     |
| Chênh lệch tạm thời không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại                   | (554.348.887)     | -                 |
| Chi phí thuế TNDN (*)                                                           | 507.534.849.403   | 733.238.642.817   |
| Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất: |                   |                   |
| Thuế TNDN - hiện hành                                                           | 507.534.849.403   | 733.238.642.817   |

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa liên quan đến hoạt động thương mại của Nhóm Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

|                               | 2022<br>VND        | 2021<br>VND        |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 34.752.905.406.542 | 25.354.051.792.589 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ         | 4.496.751.318.758  | 4.477.723.940.240  |
| Chi phí sửa chữa lớn          | 548.789.444.696    | 1.210.633.825.558  |
| Chi phí nhân viên             | 1.109.691.675.029  | 1.125.009.132.447  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 529.445.455.662    | 698.306.059.951    |
| Chi phí khác                  | 1.105.427.466.599  | 1.220.456.300.868  |
|                               | 42.543.010.767.286 | 34.086.181.051.653 |

32 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”) HỢP NHẤT

Các giao dịch chủ yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất như sau:

|                                                                                                                                   | 2022<br>VND       | 2021<br>VND       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Bù trừ nợ gốc vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 33(a))                                                  | 4.510.989.167.077 | 4.470.065.572.771 |
| Bù trừ khoản phải trả cổ tức với khoản phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh 33(a))                                           | 1.448.749.892.200 | 530.677.616.500   |
| Bù trừ chi phí lãi và chi phí đi vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 33(a))                               | 1.146.706.891.397 | 1.080.359.165.911 |
| Bù trừ khoản phải trả ngắn hạn khác và khoản phải trả nhà cung cấp với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 33(a)) | 115.747.320.596   | 231.385.659.974   |
| Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả (Thuyết minh 17)                                                                               | 625.910.262.784   | 7.582.728.659     |
| Mua TSCĐ và chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán                                                                       | 123.113.249.439   | 337.975.952.594   |
| Tăng đầu tư góp vốn không bằng tiền vào đơn vị khác                                                                               | -                 | 14.614.784.000    |
| Cổ tức được chia phải thu                                                                                                         | -                 | 83.700.000.000    |
| Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu                                                                                                      | -                 | 534.984.690.000   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

33 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty là một công ty cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông được nêu trong Thuyết minh 20(b).

Trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan sau:

|                                                                                                                           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty mẹ                                                                                                                |
| EVN                                                                                                                       |
| Công ty liên kết                                                                                                          |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà                                                                                         |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh                                                                            |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A                                                                       |
| Bên liên quan khác                                                                                                        |
| Công ty Nhiệt điện Uông Bí                                                                                                |
| Công ty Cổ phần Điện Việt Lào                                                                                             |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại                                                                                        |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng                                                                                      |
| Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh                                                                                      |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1                                                                                    |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2                                                                                    |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3                                                                                    |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4                                                                                    |
| Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Bắc                                                                                 |
| Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Trung                                                                               |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2                                                                             |
| Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình - Chi nhánh EVN ("Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình")                         |
| Công ty Mua bán điện - Chi nhánh EVN ("Công ty Mua bán điện")                                                             |
| Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1 ("Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn")                          |
| Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1 ("Công ty Nhiệt điện Duyên Hải")                        |
| Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh EVN ("Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin") |
| Công ty TNHH MTV Khách sạn Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực                                                         |
| Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN - Chi nhánh EVN ("Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN") |
| Công ty Truyền tải điện 2 - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia ("Công ty Truyền tải điện 2")                 |
| Công ty Nhiệt điện Thái Bình - Chi nhánh EVN ("Công ty Nhiệt điện Thái Bình")                                             |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh - Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1 ("Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh")      |
| Công ty Điện lực Quảng Ninh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc ("Công ty Điện lực Quảng Ninh")                    |
| Công ty Điện lực Đắc Lắc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung TNHH                                                |
| Công ty Điện lực Đắc Nông - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung TNHH                                               |
| Công ty Điện lực Thủ Thiêm - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH                                                |
| Công ty Điện lực Bình Thuận - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH                                               |
| Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH ("Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu") |
| Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân ("Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng")                       |
| Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - Chi nhánh EVN ("Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4")                                           |
| Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam ("Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam")     |

33 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

|                                                                                 | 2022<br>VND        | 2021<br>VND        |
|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                       |                    |                    |
| Công ty Mua bán điện                                                            | 46.801.867.997.743 | 36.970.872.194.934 |
| Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4                                                   | 381.179.420.233    | 612.692.676.766    |
| Công ty Nhiệt điện Duyên Hải                                                    | -                  | 79.609.825.318     |
| Khác                                                                            | 32.583.342.068     | 1.657.416.898      |
|                                                                                 | 47.215.630.760.044 | 37.664.832.113.916 |
| ii) Mua hàng hóa và dịch vụ                                                     |                    |                    |
| EVN                                                                             | 118.422.082.499    | 137.661.724.695    |
| Công ty Điện lực Quảng Ninh                                                     | 7.413.123.438      | 6.928.106.507      |
| Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Bắc                                       | 8.107.372.947      | 750.000.000        |
| Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam                                                | 2.738.066.206      | 2.598.932.749      |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3                                          | 1.485.697.720      | 2.808.640.841      |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2                                          | 1.403.824.500      | 1.450.052.273      |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4                                          | 1.925.216.222      | 3.596.546.908      |
| Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh EVN              | -                  | 2.362.834.636      |
| Khác                                                                            | 13.762.725.476     | 8.144.829.216      |
|                                                                                 | 155.258.109.008    | 166.301.667.825    |
| iii) Hoạt động tài chính                                                        |                    |                    |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                                     |                    |                    |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2                                   | 11.751.168.000     | 14.243.840.000     |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng                                            | 8.000.000.000      | 21.750.000.000     |
| Khác                                                                            | 35.364.015.909     | 18.152.547.804     |
|                                                                                 | 55.115.183.909     | 54.146.387.804     |
| Lãi dự thu trái phiếu                                                           |                    |                    |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh                                  | 14.978.842.922     | 19.339.470.323     |
| Thu hồi từ trái phiếu                                                           |                    |                    |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh                                  | 126.000.000.000    | 8.000.000.000      |
| Chi phí lãi vay                                                                 |                    |                    |
| EVN                                                                             | 1.412.400.303.940  | 1.013.673.019.580  |
| Bù trừ nợ gốc vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng                    |                    |                    |
| EVN                                                                             | 4.510.989.167.077  | 4.470.065.572.771  |
| Bù trừ chi phí lãi và chi phí đi vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng |                    |                    |
| EVN                                                                             | 1.146.706.891.397  | 1.080.359.165.911  |
| Thanh toán gốc vay                                                              |                    |                    |
| EVN                                                                             | 50.378.035.822     | 50.128.144.770     |
| Thanh toán lãi vay                                                              |                    |                    |
| EVN                                                                             | 6.298.164.077      | 8.237.073.736      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

33 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

|                                                                                                               | 2022<br>VND       | 2021<br>VND     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|
| iv) Hoạt động đầu tư                                                                                          |                   |                 |
| Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 4(b))                                                                |                   |                 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh                                                                | -                 | 91.661.010.000  |
| v) Hoạt động khác                                                                                             |                   |                 |
| Bù trừ khoản phải trả ngắn hạn khác và khoản phải trả nhà cung cấp với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng |                   |                 |
| EVN                                                                                                           | 115.747.320.596   | 231.385.659.974 |
| Bù trừ khoản phải trả cổ tức với khoản phải thu khách hàng ngắn hạn                                           |                   |                 |
| EVN                                                                                                           | 1.448.749.892.200 | 530.677.616.500 |
| vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt                                                            |                   |                 |
| Chủ tịch Hội đồng Quản trị                                                                                    | 897.996.000       | 945.264.000     |
| Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc                                                               | 870.792.000       | 916.620.000     |
| Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách (đến ngày 14 tháng 6 năm 2022)                                      | 361.697.000       | 830.688.000     |
| Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập                                                                          | 157.836.000       | 166.140.000     |
| Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách                                                               | 157.836.000       | 166.140.000     |
| Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 10 năm 2021)                                                              | -                 | 685.620.000     |
| Phó Tổng Giám đốc                                                                                             | 789.156.000       | 900.248.000     |
| Phó Tổng Giám đốc                                                                                             | 789.156.000       | 900.248.000     |
| Phó Tổng Giám đốc                                                                                             | 789.156.000       | 830.688.000     |
| Phó Tổng Giám đốc (từ tháng 4 năm 2021)                                                                       | 789.156.000       | 588.404.000     |
| Kế toán trưởng                                                                                                | 734.736.000       | 773.400.000     |
| Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách                                                                             | 816.360.000       | 859.332.000     |
| Kiểm soát viên kiêm nhiệm                                                                                     | 157.836.000       | 166.140.000     |
| Kiểm soát viên kiêm nhiệm                                                                                     | 157.836.000       | 166.140.000     |
|                                                                                                               | 7.469.549.000     | 8.895.072.000   |

33 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

|                                                           | 31.12.2022<br>VND  | 31.12.2021<br>VND  |
|-----------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)       |                    |                    |
| Công ty Mua bán điện                                      | 10.823.439.654.821 | 7.636.241.034.912  |
| Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4                             | 814.059.611.377    | 902.526.554.588    |
| Công ty Nhiệt điện Thái Bình                              | 6.015.620.139      | 12.615.620.139     |
| Công ty Nhiệt điện Duyên Hải                              | 6.210.749.473      | 36.708.328.507     |
| Khác                                                      | 33.838.490.585     | 28.707.941.301     |
|                                                           | 11.683.564.126.395 | 8.616.799.479.447  |
| ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)                |                    |                    |
| EVN                                                       | 15.256.171.287     | 15.256.171.287     |
| Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN        | 67.966.368.944     | 67.966.368.944     |
| Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng | 65.091.830.980     | 69.982.724.313     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A       | -                  | 83.700.000.000     |
| Khác                                                      | 2.408.207.606      | 6.570.307.015      |
|                                                           | 150.722.578.817    | 243.475.571.559    |
| iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)         |                    |                    |
| EVN                                                       | 965.412.038        | 918.536.099        |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3                    | 1.026.188.000      | 612.178.000        |
| Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam                          | 487.805.443        | 1.316.265.263      |
| Khác                                                      | 2.603.175.179      | 4.861.276.109      |
|                                                           | 5.082.580.660      | 7.708.255.471      |
| iv) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)               |                    |                    |
| EVN                                                       | 1.219.167.137.407  | 346.768.343.073    |
| Khác                                                      | 18.179.715.557     | 12.784.828.132     |
|                                                           | 1.237.346.852.964  | 359.553.171.205    |
| v) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))                       |                    |                    |
| EVN                                                       | 4.680.509.091.943  | 4.528.946.165.517  |
| vi) Vay dài hạn (Thuyết minh 18(b))                       |                    |                    |
| EVN                                                       | 34.231.213.038.394 | 38.022.219.406.486 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

34 CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

|                                          | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Dưới 1 năm                               | 34.549.972.046    | 23.293.638.489    |
| Từ 1 đến 5 năm                           | 116.285.505.127   | 105.874.012.122   |
| Trên 5 năm                               | 844.993.186.884   | 768.430.550.325   |
| Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu | 995.828.664.057   | 897.598.200.936   |

(b) Cam kết vốn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt của Nhóm Công ty như sau:

|                                     | 31.12.2022<br>VND | 31.12.2021<br>VND |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Nhà máy điện và các công trình khác | 277.999.936.000   | 514.455.000.000   |

35 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Nhóm Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là các lĩnh vực kinh doanh khác của Nhóm Công ty không có ảnh hưởng đáng kể theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

36 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Nhóm Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty. Theo đó, Nhóm Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa đủ thông tin cần thiết để lập dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

37 CỔ PHẦN HÓA

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Tổng Công ty. Theo Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty. Tổng Công ty đã hoàn thành việc lập báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2018 bao gồm thực hiện xử lý tài chính ở thời điểm doanh nghiệp chính thức trở thành công ty cổ phần, thực hiện công tác kiểm toán độc lập báo cáo tài chính, thực hiện quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 (thành lập theo Quyết định số 110/QĐ-UBQLV ngày 9 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp) đã gửi Báo cáo số 6932/BC-EVN về việc rà soát Hồ sơ quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 đến Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đề nghị phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và quyết toán cổ phần hóa.

Tại ngày 2 tháng 2 năm 2023, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có Công văn số 402/EVN-QLV gửi Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước đề nghị hướng dẫn thực hiện và xem xét, phê duyệt giá trị quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty chưa được phê duyệt. Do đó, các ảnh hưởng tài chính (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất này có thể được bổ sung khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

38 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền vào ngày 10 tháng 2 năm 2023 với giá trị là 617.907.425.300 Đồng.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 13 tháng 3 năm 2023.



Trần Nguyễn Khánh Linh  
Người lập



Vũ Phương Thảo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2023



**EVNGENCO3**

**TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP**



Số 60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala,  
Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam



(+84) 28 3636 7449



[www.genco3.com](http://www.genco3.com)